Hòa thượng
THÍCH MINH CHÂU

PHÁP HIỂN
NHÀ CHIÊM BÁI

THÍCH NỮ TRÍ HẢI dịch
1997

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

PHÁP HIỂN
NHÀ CHIÊM BÁI

Nguyên tác Anh ngữ:
Thich Minh Chau (1963)
FA-HSIEN, THE UNASSUMING PILGRIM

THÍCH NỮ TRÍ HẢI dịch
1997

Bình Anson hiệu đính và trình bày
Perth, Tây Úc
17/12/2024

MỤC LỤC

Lời nói đầu *5*

Phần I: Nhân cách của ngài Pháp Hiển và cuộc chiêm bái

1. Nhân cách và quan điểm *13*
2. Pháp Hiển, nhà chiêm bái *25*
3. Pháp Hiển và những bạn đồng hành *37*

Phần II: Hoàn cảnh Phật giáo cùng đời sống của Tăng lữ tại Ấn Độ và Tích Lan vào thế kỷ thứ V TL do ngài Pháp Hiển ghi lại

1. Hoàn cảnh Phật giáo, tu viện và tu sĩ *41*
2. Đời sống tu sĩ *51*
3. Các ngày lễ Phật *60*
4. Việc thờ cúng Xá-lợi *64*
5. Việc thờ tháp *78*

Phần III: Những dữ liệu lịch sử do ngài Pháp Hiển ghi lại

1. Lịch sử và huyền thoại về cuộc đời đức Phật *95*
2. Những tiền thân của đức Phật *109*
3. Các vị Phật khác và các vị A-la-hán *111*
4. Đệ tử của đức Phật *115*

Phần IV: Những tư liệu địa hình

1. Khía cạnh địa hình *141*
2. Dân cư *144*
3. Khí hậu và thảo mộc *147*

BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

C	Chih 6, Case XXXV. Kao-seng-Fa-hsien-ch'uan (Life Story of Eminent Monk Fa-hsien - 高僧法顯傳 Cao Tăng Pháp Hiển Truyện).
C2	Chih 2, Case XXXV. Kao-seng-ch'uan (Biographies of Eminent Monks - 高僧傳 Cao Tăng Truyện).
D.P.P.N.	Dictionary of Pali Proper Names by Prof. Malalasekara.
H.T.P.S.	Hsuan-tsang, the Pilgrim and Scholar by Bhikshu Dr. Thich Minh Chau,
L.B.	Life of Buddha by Edward J. Thomas.
L. H.T.	Life of Hsuan-tsang by Li-hsung-hsi.
R.B.C.	A Record of the Buddhist Countries by Li-heung-his.
T.	Tai-sho Edition of the Chinese Tripitaka.
T.H.T.	Travels of Hiouen Thsang by Samuel Beal, published by Susil Gupta (India) Limited.

Lời nói đầu

Sách này viết về Cao Tăng Pháp Hiển, một nhà chiêm bái nổi tiếng khác của Trung Quốc. Ngài đã du hành đến Ấn Độ và Tích Lan vào đầu thế kỷ thứ năm sau Tây lịch, và đã để lại một ký sự về cuộc chiêm bái của mình. Chính sự thành công của ngài Pháp Hiển đã gợi cảm hứng cho ngài Huyền Trang hai trăm năm sau, để theo đuổi cùng một sứ mệnh đi tìm chân lý và Chánh pháp.

Pháp Hiển cũng như Huyền Trang cùng có chung một niềm khát ngưỡng sâu xa đối với Chánh Pháp, một đức vô uý bất khuất trước hiểm nguy, và một lòng xả thân phụng sự Phật pháp. Chính tâm hồn khát khao sự thật, vì Pháp quyên thân đó đã thúc giục các ngài trong cuộc chiêm bái ky kỳ của họ, nâng đỡ họ vượt qua vô vàn gian nan hiểm trở để đưa sứ mệnh đến kết quả thành công.

Nhưng mục đích cuộc chiêm bái của Pháp Hiển có khác với Huyền Trang. Trong khi về Huyền Trang ta có thể nói ngài đồng thời là một nhà chiêm bái, một nhà biện bác, một dịch gia, một văn nhân và một nhà thần bí, thì về Pháp Hiển, chỉ có một danh từ đơn giản sau đây toát yếu được tất cả nguyện vọng và tư chất của ngài: "Pháp Hiển, nhà Chiêm bái khiêm tốn". Huyền Trang khởi hành cuộc chiêm bái với mục đích là để học luận Du-già Sư Địa, và để tìm kiếm những giáo lý chưa được biết đến ở Trung Hoa; còn Pháp Hiển thì chỉ muốn đi để quan sát kỹ cương đời sống tu viện ở đất Phật, ngõ hầu cải thiện tình trạng tín ngưỡng tại quê nhà vào lúc ấy dường như đang lâm vào tình trạng rất tồi. Trong khi phạm vi nghiên cứu của

Huyền Trang khá rộng rãi, bao gồm cả tạng Kinh và phần lớn tạng Luận (A-tỳ-đàm), thì sự chú ý của Pháp Hiển chỉ tập trung vào tạng Luật và những gì liên hệ mật thiết đến đời sống tu sĩ.

Huyền Trang tự thâm tâm, là một nhà Đại thừa, mọi hoạt động của ngài ở Ấn cũng như ở Trung Quốc là chỉ cốt để hoằng dương, cổ vũ lý tưởng Bồ-tát-đạo. Pháp Hiển ngược lại, có tư chất và nguyện vọng của một nhà Tiểu thừa thuần túy. Dấu vết duy nhất của Đại thừa ở nơi ngài là, ngài cầu nguyện Bồ-Tát Quan Âm, một vị Bồ-tát của Đại thừa, trong lúc tàu ngài đi bỗng gặp bão tố trên đường từ đảo Lanka đến đảo Yava và từ Yavadvìpa đến Trung Quốc. Nhưng nét nổi bật nhất của Pháp Hiển là bản chất khả ái của một nhà tu chân thật, khiêm cung. Khi đọc ký sự của ngài, dần dần xuất hiện trước mắt ta hình ảnh của một vị sư giản dị, không hợm mình, không bất cứ một kiểu cách nào. Cuộc hành hương của ngài là một kỳ tích về lòng mộ đạo, sức kiên trì không ai sánh kịp cho đến khi hiện tượng Huyền Trang nổi lên hai thế kỷ sau. Thế nhưng, ngài vẫn cho rằng mọi sự mình thành đạt chỉ là nhờ Tam Bảo gia hộ, để thoái thác tất cả công trạng mà ngài xứng đáng được tuyên dương.

Pháp Hiển khởi hành cuộc chiêm bái vào năm 399 Tây lịch, phải mất sáu năm mới đến Jambudvìpa [Diêm-phù-đề]. Ở đấy ngài lưu lại thêm sáu năm, và chuyến về kéo dài 3 năm, đến Trung Quốc vào năm 414; Huyền Trang khởi hành Tây du vào năm 629, mất trọn 17 năm mới về đến Trung Quốc vào năm 646. Pháp Hiển tuổi đã khá cao khi khởi hành cuộc chiêm bái vào năm ngài 65 tuổi, và khi về nước, ngài đã 79 tuổi. Huyền Trang lúc khởi hành chỉ

mới 26 tuổi, trở về năm 43 tuổi, còn tràn đầy nghị lực tuổi trẻ và lòng nhiệt thành với sứ mệnh hoằng pháp.

Cuộc Tây du của cả hai bậc Đại sư đều xuất phát từ kinh đô Tràng An là thủ đô của Trung Quốc bấy giờ, nhưng Huyền Trang đi theo một con đường hơi quanh co để đến đất Ấn, trong khi Pháp Hiển chọn con đường trực chỉ nên ít vất vả hơn và cũng mất ít thời gian hơn. Từ Tràng An đến Taksasilà, Pháp Hiển đi theo con đường ngang qua các xứ: Chien Kuel (Kiện-bì], Ju tan, Chang Yeh, Tun Huang [Đôn Hoàng], Shen Shen [Thiện Thiện], Agni, Khotan, Chakuta, Khalcha [Cao Xương], Darada, Udyàna [Vu Điền], Suvastu, Gandhàra. Huyền Trang, trẻ tuổi hơn và có tinh thần phiêu lưu, đã viếng thăm các nước và thành phố như sau: Chin Chou, Lan Chou, Liang Chou, Kua Chou, Yi Wu, Pali Li, Wu Pan, Tu Ching, Agni, Kucha, Baluka, đô thị She Che, Bing Yul, Talas, Đô thị Nước Trắng, đô thị Kuyu, Nejkend, Chaj, Sutrisna, Samarkand, Kochania, Kharghan, Bokhara, Betik, Khwarism, Kesh, Tukhara, Kunduz, Bahlika, Tapassu, Bhalluka, Gachi, Bamian, Kapisà, Lampaka, Nagarahàra, Gandhàra, Puskaravati, Udakakkhanda, Udyàna, Taksha-sìla.

Tại đảo Jambu, hai nhà chiêm bái theo một hành trình hoàn toàn khác nhau. Từ Takshasilà đến Sràvastì [Xá-vệ], Pháp Hiển đi qua các xứ sở và đô thị như sau: Purushapura, Nagarahàra, Lakki, Haraga, Mathurà, Sankasya, Kànyakubja, làng Hari, Vaisàkha và Sràvastì [Xá-vệ]. Còn Huyền Trang luôn thích chọn lộ trình dài hơn, đã viếng Simhapura, Urasà, Kasmira, Punch, Ràja-pura, Cheka, Jayapura, Sàkala, Cìnabhukti, Jàlandhara, Kulùta, Sàtadru, Pariyàtra, Mathurà, Sthànesvara,

Srughna, Motipura, Brahmapura, Ahichhatra, Vilasana, Kapittha, Kanyàkubja, Ayodhyà, Ayamukha, Prayàga, Kausàmbì [Câu-diệm-bì], Visoka, trước khi đến Sràvastì.

Khi viếng thăm Kosala [Câu-tát-la] và Magadha [Ma-kiệt-đà], Pháp Hiển chọn thành Pataliputra [Ba-liên-phất] làm trung tâm liên kết, như được thấy trong lộ trình sau đây: Sràvastì, thành Napika, Kapilavastu [Ca-tỳ-la-vệ]. Ràmagràma, Kalapinàka, Ràjagrha [Vương Xá], Gayà, Kukkutapàda, Pàtaliputra, Vàranasì [Ba-la-nại], Kausàmbi, Dakhinà, Pàtaliputra. Huyền Trang chọn Nàlanda làm nơi thường trú và theo lộ trình như sau: Sràvasti, Kapilavastu, Kusinagara, Vàrànasì, Yuddhapati, Vaisàli, Svetapura, Buddhagayà, Nàlandà, Rajagrha. Cả hai đều viếng thăm Tàmralipti, một thành phố biển thuộc miền Tây Bengal.

Pháp Hiển quen lối đi thẳng, đến Tàmralipti qua nước Champà, còn Huyền Trang thì ghé viếng thăm Hyranya-parvata, Champà, Kajangala, Pundravardhana, Karnasu-varna, Samatata trước khi đến Tàmralipti.

Từ Tàmralipti, Pháp Hiển trở về Trung Quốc bằng đường biển, chỉ ngừng ở đảo Lanka và đảo Yava, trong khi Huyền Trang thì từ Tàmralipti viếng thăm vùng Nam và Tây Ấn, trở về Nàlanda, viếng thăm Kàmarùpa, Kajangala, tiến đến Kanyàkubja và Prayàga. Từ đây ngài trở về Trung Quốc bằng đường bộ.

Cả hai nhà chiêm bái đã để lại một ký sự về cuộc hành trình khá lý thú và có tầm quan trọng lịch sử. Tác phẩm Phật Quốc Ký của Pháp Hiển không thể sánh với Tây Du Ký của Huyền Trang về phạm vi chú tâm, về tính giàu dữ kiện địa hình, tính phong phú đề tài, vân vân. Tuy thế, ký sự của ngài vẫn có những đóng góp rất giá trị cho lịch sử

đạo Phật. Trong khi Huyền Trang hầu như bỏ quên tạng Luật, thì trái lại Pháp Hiển không chú ý gì ngoài ra quan sát cách thực hành giới luật của Tăng sĩ trên đất Phật. Bởi thế, ký sự của ngài cho ta thấy một bức tranh khá trung thực về đời sống tu viện tại Ấn Độ và Tích Lan và thế kỷ thứ năm, điều mà các trước tác của Huyền Trang không đề cập. Lại nữa, Huyền Trang không viếng Tích Lan, nên những ký sự của ngài về xứ này đề cập những mẫu chuyện huyền thoại nhiều hơn là dữ kiện lịch sử Pháp Hiển cung cấp một ký sự khá chi tiết về đời sống tu viện tại Tích Lan, mà có vài khía cạnh ngay cả tác giả của Cùlavamsa cũng bỏ sót.

Một đặc tính khác của ký sự Pháp Hiển là tính giản dị chân thực, không có nhiều biến cố thần kỳ, cũng không chú ý nhiều đến những huyền thoại. Đời đức Phật mà Pháp Hiển ghi lại rất giống những gì mô tả trong Mahàvagga của tạng Pali, nhất là chuyện kể về những hoạt động của Phật sau khi ngài đạt giác ngộ tại Bồ-đề Đạo tràng. Sự mô tả của Pháp Hiển về kỳ Kết tập đầu tiên có thể xem là dữ kiện lịch sử đáng tin cậy, trong khi ký sự của Huyền Trang thì đầy những biến cố thần bí làm lu mờ giá trị lịch sử của giai đoạn này.

Vì Pháp Hiển chỉ là một Tăng sĩ chân chính bình dị không có tham vọng, nên ký sự của ngài hầu như toàn đề cập những sự kiện liên hệ đời sống tín ngưỡng nói riêng, đến Phật giáo nói chung. Mặc dù ngài có nói đến vài dữ kiện địa dư, song chúng chỉ là phụ thuộc, còn đời sống tu sĩ và những biến cố về Phật giáo luôn luôn chiếm vị trí hàng đầu.

Trong lúc soạn tác phẩm này trong bầu không khí thanh bình của Đại Tòng Lâm Nàlanda Mới, thì tại miền

Nam Việt Nam, bi kịch của Phật giáo đang bùng nổ. Với lòng thán phục lẫn với lo lắng sâu xa, tôi đã theo dõi cuộc tranh đấu dũng cảm của Phật tử Việt Nam để bảo vệ tín ngưỡng mình, và sự đàn áp tàn bạo của chế độ Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo. Đã nhiều lần, công việc này phải ngưng trệ, khi hết vị Tăng này đến vị Tăng khác tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp. Với sự lật đổ chế độ Diệm, cuộc khủng hoảng Phật giáo đã đi đến một kết thúc vinh quang; và tác phẩm này cũng ra đời như muốn san sẻ niềm hân hoan của Phật tử Việt Nam. Để tưởng niệm sự hy sinh của họ và cuộc đấu tranh anh dũng ấy, tôi xin hiến tặng sách này cho những người đã thiết tha tôn quý Chánh pháp của Phật hơn cả mạng sống của mình. Cũng sự vi pháp vong thân ấy đã giục giã Pháp Hiển lên đường làm cuộc chiêm bái vĩ đại trong đó tính mạng ngài có lúc đã tựa như chỉ mành treo chuông. Mười sáu thế kỷ đã trôi qua giữa bậc Thánh Tăng này với Phật Tử Việt Nam hiện đại, nhưng niềm tận trung với Chánh Pháp và sự hi sinh vì một lý tưởng cao thượng đã xóa nhòa khoảng cách thời gian và không gian, và đưa họ lại gần nhau trong việc phụng sự Phật Giáo.

Nalanda, ngày 15 tháng 11 năm 1963
Tỷ kheo Thích Minh Châu.

Lời tựa trong bản dịch Việt, 1997

Quyển "Pháp Hiển, nhà chiêm bái" được hoàn thành và in thành sách là nhờ Ni sư Thích Nữ Trí Hải và các đệ tử của Ni sư đã trong một thời gian kỷ lục dịch và đánh vi tính trong 5 ngày. Chúng tôi vô cùng cảm kích và tán thán công đức của Ni sư. Ngoài ra, chúng tôi cũng xin tán thán: Họa sĩ Trương Duy, người vẽ bìa chính của cuốn sách; Sư cô Thích Nữ Tuệ Dung lo phần kỹ thuật; Sa di Tuệ Nguyên và Sa di Tuệ Nhã đã lo phần đánh vi tính quyển sách. Xin cảm ơn tất cả quý vị.

Thiền viện Vạn Hạnh, tháng 6-1997
Tỷ kheo Thích Minh Châu
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Phần I

NHÂN CÁCH CỦA NGÀI PHÁP HIỂN VÀ CUỘC CHIÊM BÁI

-1-
Nhân cách và quan điểm

1.1. Đức tin thuở thiếu thời

Một điều hiển nhiên là ảnh hưởng đầu tiên trên tâm hồn non nớt của một đứa trẻ đóng vai trò quan trọng trong sự tạo thành nhân cách về sau, khi trẻ ấy lớn lên. Bởi thế, chúng ta không lấy gì làm lạ khi thấy cao tăng Pháp Hiển, họ Cung người đất Vũ Dương, Bình Dương, đã có một lòng tận tụy đối với đời sống Tăng lữ suốt cuộc đời ngài, vì mới 3 tuổi ngài đã xuất gia làm chú tiểu. Không phải vì thân phụ ngài sùng tín đạo Phật gì cho lắm, mà chỉ vì ba người con trai trước của ông đã chết yểu. Muốn cứu vãn con trai thứ tư khỏi chịu chung số phận, ông đã cho Pháp Hiển cạo tóc làm chú tiểu khi mới được 3 tuổi, những vẫn giữ chú ở nhà. Nhưng sau đó chú cũng ốm nặng suýt chết. Người cha hoảng kinh gởi đến chùa thì chú lại hết bệnh.

Ở Trung Quốc cũng như Việt Nam, có một truyền thống lạ lùng là cha mẹ mỗi khi có con nhỏ hay đau ốm, dễ chết non thì lại cho con đến chùa làm chú tiểu, với hy vọng nhờ sự che chở của Ba Ngôi Báu mà con mình được cứu thoát. Và quả thực như thế, trong trường hợp chú bé Pháp Hiển. Điều này không có gì lạ, vì đời sống chú tiểu trong một tự viện khéo tổ chức quả thật an bình và lành mạnh hơn bất cứ trong một gia đình cư sĩ nào, dù giàu có đến đâu. Nhưng khi đã đếm được phúc lạc của đời sống không nhà, chú bé Pháp Hiển không chịu trở lại với gia đình nữa, mặc cho cha mẹ năn nỉ. Mẹ ngài vì thương yêu đứa con duy nhất sống sót, nên luôn luôn muốn giữ ngài

bên cạnh. Nhưng ngài nhất định không nhượng bộ trước ý muốn của mẹ mình. Bởi thế bà đã phải làm một cái chòi nhỏ bên ngoài cổng chùa để dễ dàng lui tới thăm con.

Năm ngài 10 tuổi, thân phụ Pháp Hiển qua đời. Trước tình cảnh bà mẹ góa bựa đơn côi, ông chú viết thư khuyên ngài hãy hoàn tục. nhưng Pháp Hiển cương quyết trung thành với nếp sống ngài đã theo, và sự trả lời của ngài cho thấy quyết tâm của ngài, với một ước nguyện cùng động cơ chân chính: *"Không phải vì cha mà cháu đi tu; mà chỉ vì muốn từ bỏ dục vọng và tránh những chuyện thế tục"*. [Chih 2: 13a, 2-4]. Người chú rất hài lòng vì câu trả lời ấy nên không ép ngài thêm nữa.

1.2. Sự thông minh nhanh trí

Cao Tăng Truyện kể một giai thoại cho thấy ngài rất nhanh trí khi bất thần chạm mặt với hiểm nguy và đe dọa. Một hôm, trong khi cùng một nhóm tiểu Tăng gặt lúa ngoài đồng, thình lình một vài tên cướp xuất hiện muốn cướp lúa. Tất cả các chú tiểu khác đều bỏ chạy, ngoại trừ Pháp Hiển ở lại một mình. Ngài bảo bọn cướp: *"Nếu các ông cần lúa, cứ tha hồ mà lấy đi. Chính vì trong các đời trước, các ông đã không thực hành hạnh bố thí cho nên bây giờ mới bị nghèo đói như vậy. Bây giờ các ông lại còn muốn đi ăn cướp của người khác, thì tôi sợ rằng đời sau, các ông sẽ gặp hoàn cảnh còn tệ hơn nữa. Tôi chỉ đau buồn cho số phận các ông mà thôi"*. Nói xong ngài bỏ đi. Những lời lẽ của ngài đã gây ấn tượng sâu xa đối với những người ăn cướp đến nổi họ bỏ đi không lấy một nắm lúa nào. Nhiều vị Tăng đến khen ngợi ngài. [Chih 2: 13a, 3-4].

1.3. Đức vô úy, tính can đảm, và lòng mộ đạo

Một giai thoại khác trong Cao Tăng Truyện kể về đức vô uý của Pháp Hiển khi gặp hiểm nguy đe dọa tính mạng: Cách thành Vương Xá hơn 30 dặm, có một ngôi chùa nơi ngài dừng chân vào lúc sẩm tối, Pháp Hiển muốn tiếp tục đi lên đỉnh Linh Thứu nhưng những vị Tăng trong chùa ngăn cản: "Đường lên núi hết nguy hiểm, nhiều sư tử đen thường xuất hiện bắt người ăn thịt, làm sao ông đi được?". Pháp Hiển trả lời: "Tôi đã đi từ xa xôi ngàn dặm với ước nguyện đến được đỉnh núi Linh Thứu, bất kể thân thể tánh mạng. Làm sao tôi chịu được ước nguyện từ bao nhiêu năm của mình giờ đây phải tan tành, lúc đã gần đến đích. Dù nguy hiểm đến đâu, tôi cũng không sợ". Thấy không can nổi, những vị Tăng bèn cử hai người dẫn đường. Khi lên đến đỉnh núi trời đã tối, ngài muốn ở lại. Hai tu sĩ dẫn đường sợ hãi quay trở về. Pháp Hiển ở lại một mình trên đỉnh núi, đốt hương đảnh lễ nơi Thánh địa. Với lòng sùng kính và niềm cảm khái sâu xa, ngài chiêm ngưỡng chốn thiêng liêng, tưởng như bậc Thầy thánh thiện vẫn đang còn ở đấy. Nửa đêm có ba con sư tử đen xuất hiện ngồi thụp trước mặt ngài vừa liếm môi vừa vẫy đôi. Pháp Hiển vẫn tụng kinh không dứt, tâm trí để cả vào những lời cầu nguyện dâng lên đức Phật. Khi ấy những con sư tử bèn cúi đầu cụp đuôi và quỳ dưới chân ngài Pháp Hiển đưa tay vuốt chúng và nói: *"Nếu các ngươi muốn ăn thịt ta, thì hãy chờ ta tụng kinh xong đã. Nhưng nếu các ngươi muốn thử ta, thì nên đi chỗ khác"*. Những con sư tử ở nán lại một lúc rồi bỏ đi. [Chih 2: 13a, 10-14].

Nội một điều ngài dám làm cuộc phiêu lưu sang Ấn, qua những sơn đạo chưa có dấu chân người, qua những sa mạc kinh hoàng, qua những đỉnh núi tuyết, những

phương trời xa lạ với khí hậu khắc nghiệt, chính sự kiện đó cũng đủ làm một kỳ tích mà chỉ nhờ có đức can đảm và lòng sùng tín vô biên mới làm được. Đoạn sau đây trong Cao Tăng Truyện đã tả một vài hiểm nguy và gian khổ ngài đã gặp trên đường hành hương đến đất Ấn:

"Từ Tràng An, ngài đi về phía Tây, qua sa mạc Cát Di Chuyển, ở đấy trời không chim bay, đất không thú chạy. Sa mạc trải dài vô tận khắp cả bốn phương. Chỉ nhìn mặt trời mà đi, và nhờ những bộ xương người để đánh dấu đường. Những luồng gió nóng và linh hồn ác ma chực báo điềm chết cho bất cứ ai gặp phải chúng. Pháp Hiển phó thác đời mình cho số mệnh, cứ tiến bước vượt qua nhiều gian nguy. Sau một thời gian ngài đến Pamirs, ở đấy mùa đông, mùa hè đều có tuyết phủ. Có những rồng dữ phà ra những luồng gió độc và mưa xuống cát sỏi. Con đường núi ngoằn ngoèo hiểm trở, vách đá dựng đứng hàng ngàn mũi nhọn. Những người xưa đã đẽo một đường mòn trên vách đá, với những bực cấp. Ngài phải mất hơn bảy ngày để đi qua. Ngài lại còn qua sông tại hơn mười chỗ bằng những chiếc cầu dây treo lơ lửng. Ngay cả hai sứ thần Trung Quốc ngày xưa (Chang Chien và Kan Ying - Trương Mạch và Cam Anh đời Hán - đi Trung Á vào năm 97 sau Tây lịch) cũng không xa đến như vậy. Kế tiếp, Pháp Hiển gặp một trận mưa đá dữ dội. Thầy Huệ Cảnh, một trong hai bạn đồng hành của ngài bệnh nặng không thể đi tiếp, đã bảo Pháp Hiển: "Tôi đã gần kề cái chết. Thầy nên tiến lên, đừng ở lại đây mà cùng chết cả". Nói xong ông thở hơi cuối cùng. Pháp Hiển vỗ thi hài khóc nói: "Chưa đến đích mà Thầy đã chết rồi". Và Pháp Hiển một mình một bóng tiếp tục cuộc hành trình vượt qua đỉnh núi hiểm trở. Ngài

đã đi qua hơn 30 nước trước khi đến đất Ấn" [Chih 2: 13a, 5-10].

1.4. Pháp Hiển, người xiển dương tạng Luật

Pháp Hiển là một nhà chiêm bái đặc biệt. Mục đích cuộc chiêm bái của ngài là cốt đi đảnh lễ những Phật tích ở Ấn, nhưng ngoài ra còn có mục đích khác nữa, đó là: "để quan sát cách hành trì giới luật tại các nước ngài đi qua, nhất là tại Ấn, và để thỉnh những bản văn Luật tạng đem về Trung Quốc". Đấy là một nhu cầu khá tự nhiên, vì ngài vốn là người tuân thủ giới Biệt giải thoát một cách nghiêm túc. Suốt cuộc hành trình, ngài luôn gắng tuân giữ phép an cư ba tháng mùa mưa mỗi năm mà đức Phật đã chế định tại thành Vương Xá cho tất cả Tăng Ni phải tuân theo. Thế là tại xứ sở Agzi, Udyàna và Sankasya, Pháp Hiển đã cẩn thận giữ phép hạ an cư mặc dù có mỏi mệt vì cuộc hành trình hoặc có hăm hở muốn tiếp tục hành trình càng sớm càng hay. Ngay cả khi đi tàu từ đảo Yava đến Trung Quốc, Pháp Hiển cũng tuân giữ phép hạ an cư ngay trên tàu. Trên đường trở về Trung Quốc, ngài cũng không quên phận sự an cư nhập thất 3 tháng tại Lao Shan.

Điều lôi cuốn mạnh mẽ sự chú ý của ngài là đời sống tu viện tại các xứ sở ngài viếng thăm, nhất là tại đất Ấn. Pháp Hiển rất tinh tế khi quan sát cung cách uy nghi của tu sĩ Ấn. Qua ký sự của ngài, chúng ta được biết trong tu viện Gomati (Cù-ma-đế) tại nước Khotan (Vu Điền) có 3.000 tu sĩ và trong thành Pataliputra có từ 600 đến 700 Tăng sĩ. Chư Tăng sống trong 3 tu viện ở Bồ-đề Đạo tràng giữ giới luật rất tinh nghiêm và hành xử rất có uy nghi. Giới luật ấy được truyền xuống từ thời Phật. Pháp Hiển cũng ghi nhận một vài pháp tu được Phật đặt ra và chư Tăng Ấn

Độ đến lúc ấy vẫn còn duy trì nguyên vẹn. Tại đất Ấn, ngài đã quan sát cách người ta đón tiếp một khách Tăng và lễ dâng y Ca-thi-na, được chư Tăng tuân giữ một cách nghiêm nhặt. Ngài cũng không quên nhắc đến tên tuổi một vài vị danh Tăng mà ngài tình cờ gặp hoặc nghe nói đến trên đường chiêm bai. Nhờ tập ký sự của ngài mà chúng ta được biết tại thành Pataliputra [Ba-liên-phất] bấy giờ có hai vị danh Tăng tên Manjusri (Văn-thù) và Rathasvami, có giới đức thuần tịnh khiến mọi người kính ngưỡng. Ở xứ Simhala, có vị cao Tăng tên Dharmakirti (Pháp Xứng) được mọi người trong xứ cung kính tôn trọng. Ngài đã nhập thất trong hang đá bốn mươi năm, trải tâm từ đến đến tất cả hữu tình bao gồm cả thú vật. Cũng trong xứ ấy ngài đã chứng kiến lễ hỏa táng một vị La Hán trong tu viện Mahavihara (Đại Tòng).

Ký sự của Pháp Hiển còn cho ta biết chư Tăng ở Ấn có địa vị rất cao, được từ vua chúa đến thường dân kính trọng. Tại Mathura, Pháp Hiển ghi rằng mỗi khi cúng dường chư Tăng, các bậc vua chúa thường cởi bỏ vương miện và cùng với hoàng tộc và triều thần, họ thường tự tay phục vụ thức ăn cho Tăng chúng. Trước mặt Tăng chúng, họ không dám ngồi trên ghế hay giường. Một nét đặc sắc của đời sống tu viện khiến Pháp Hiển chú ý là các bậc vua chúa cũng như cư sĩ tại đây tận lực hổ trợ giới Tăng lữ; họ được cung cấp về ăn, mặc, ở, thuốc trị bệnh, không thiếu thứ gì. Pháp Hiển cũng kể rằng vua chúa đình thần cư sĩ đều xây chùa, cúng dường Tăng chúng những ruộng vườn, nhà ở, người làm và súc vật.

Như vậy, cảnh tượng nhìn chung về đoàn thể Tăng già nghiêm trì giới luật, về sự cung kính cúng dường trọng hậu mà chư Tăng được hưởng từ các vua chúa, thần dân,

đã khiến Pháp Hiển hết sức hài lòng, thích thú. Và ngài không khỏi than dài, khi nghĩ đến tình trạng tồi tệ của đời sống giới luật chư Tăng tại nước mình. Bởi vậy, không đáng ngạc nhiên khi Ta Chen (Đạo Chỉnh) bạn đồng hành của ngài, đã quyết định lưu lại đất Ấn không chịu trở về Trung Quốc. Và có lẽ Pháp Hiển cũng đã làm như bạn mình, nếu ngài đã không lập nguyện thỉnh tạng Luật về nước.

1.5. Kinh sách mang về Trung quốc và phiên dịch của Pháp Hiển

Giữ lời nguyện mang về tạng Luật cho Trung Quốc, Pháp Hiển thu thập ghi chép một số kinh về Luật tạng mà ngài tìm được ở đất Ấn. Vì tại Bắc Ấn, tạng Luật được khẩu truyền không ghi chép, nên Pháp Hiển phải đi đến Trung Ấn để sưu tập Luật tạng. Tại một tự viện thuộc phái Mahàsànghika - Đại chúng bộ - ngài tìm được Luật bản của bộ phái này, được xem là bản giới luật đầu tiên mà Tăng đoàn thời Phật tuân giữ và được truyền tụng ở tinh xá Jetavana - Kỳ Viên. Theo Pháp Hiển, thì mười tám bộ phái đều có bộ Luật riêng, tuy thế cả 18 bộ đều nhất trí về những giới điều thiết yếu, chỉ khác nhau về tiểu tiết. Ngài cũng xác nhận Giới bổn của Đại chúng bộ là đầy đủ nhất. Ngài cũng tìm được một bản Luật của Phái Nhất thiết hữu bộ - Sarvàstivàda - gồm bảy ngàn bài kệ tụng mà theo ngài, cũng chính là những giới luật Tăng sĩ Trung Quốc phải tuân giữ. Những giới Luật này chỉ được thầy trò khẩu truyền cho nhau, không thành văn bản. Cũng trong tự viên này, Pháp Hiển tìm được một bản Samyuktàbhi-dharmahrayasàstra [Tạp A-tỳ-đàm Tâm Yếu Luận] gồm sáu ngàn bài kệ, một bản luận của Mahàsàngikà [Đại

chúng bộ]. Khi ở nước Simhala, nơi ngài lưu lại hai năm. Pháp Hiển được một bản Luật của phái Mahisàsaka, một bản kinh Dìrghàgama [Trường A-hàm], kinh Samyuktà-gama [Tạp A-hàm], và Sannipata [Tiểu bộ]. Những kinh sách này chưa được biết đến ở Trung Quốc. Khi trở về quê hương, ngài dịch bộ kinh Đại Bát-niết-bàn cùng với ngài Buddhabhadra [Phật Hiền], một Tăng sĩ Ấn thời Đông Triều 317-420. Bản dịch gồm 6 tập 18 chương. Dịch phẩm thứ hai của ngài là Samyuktapitaka. Một bản dịch khác cộng tác với Buddhabhadra là Mahàsanghikabhishu-bhishunivinayapràtimoksa - Giới biệt giải thoát của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thuộc phái Đại chúng bộ - gồm một quyển.

Tác phẩm duy nhất do ngài viết có tên là Cao Tăng Pháp Hiển Truyện, còn gọi là Phật Quốc Ký - ký sự về các nước theo đạo Phật. Trong quyển sách này, Pháp Hiển kể lại cuộc hành trình cuả ngài từ lúc khởi sự tại Tràng An, thủ đô Trung Quốc bấy giờ, cho đến lúc ngài đến Lao Shan [Lao Sơn]. Sách kể tên những nước và thành phố mà ngài đã viếng thăm như sau: xứ Chien Kuei [Càn Quy], xứ Ju Tan [Nhục Đàn], thành Chang Yeh [Trương Dịch], Tun Huang [Đôn Hoàng], Shen Shen [Thiện Thiện], xứ Agni [Ô Di], Khotan, Chakuka, Agzi, Khalcha, Darada, Udyàna, Suvastu, Gandhàra, Takshasilà, thành phố Purushapura, đô thị Hilo, xứ Nagarahàra, Lakki, Harana, Uchcha, Mathurà, thành Sankàsya, xứ Kanyàkubja, làng Hari, thành Vaisàkha, Sràvastì của xứ Kosala, thành Napika, thành Kapilavastu, xứ Ràmagràma, thành Kusinagara, xứ Vaisàlì, đô thị Pàtaliputra của xứ Magadha, làng Kàlapinàka, Tân Vương Xá, thành cũ trước kia là vương đô của vua Bimbisàra, thành Gayà, thành

Vàrànasi, xứ Kausàmbì, xứ Dakshinà, xứ Champà, vương quốc Tàmralipti, xứ Simhala, xứ Yavadvìpa. (*)

(*) Tham khảo bản dịch Phật Quốc Ký của Hòa thượng Trí Quang thì lộ trình của ngài Pháp Hiển khởi từ Trường An đã đi qua các xứ và thành phố như sau; Càn-qui, Nhục-đàn, trấn Trương Dịch, Đôn Hoàng, Thiện Thiện, Ô-di, Vu-điền, Kiệt-Xoa, Tử-hợp, nước Huy-đà lịch, Ô-trường (Bắc-Thiên-Trúc), Tù-ha-da, Kiền-đà-vệ, Trúc-sát-thi-la (cắt đầu), Phất-lâu-sa, Nhục-chi, Hê-la thủ đô xứ Na-kiệt, La-di, Bạt-na, Tỳ-trà, Ma-đâu-la, Tăng-già ti (Nam bộ), Kế-nhiêu-di, thôn Ha-lê, Sa-kỳ, Xá-vệ, quốc đô nước Câu-tát-la, Ca-duy-la-vệ, Lam mạc, Câu-di-na-kiệt, Tỳ-xá-ly, Ba-liên-phất thủ đô nước Ma-kiệt-đà, làng Nala sinh quán Sariputra, Vương Xá mới, thành Già-da, Ba-la-nại - Ca-thi, Câu-diệm di, Đạt sấn, Chiêm-bá, Ma-lê-đế (cửa biển), Sư Tử, Da-bà-đề xứ Bà-la-môn giáo, bờ Nam Lao Sơn, thuộc quận Trường Quảng.

Qua ký sự của ngài, ta được biết những đặc điểm địa hình, nhân văn, khí hậu, cây cối ở một số quốc gia. Nhưng đóng góp cao quý nhất của Pháp Hiển là bức tranh ngài đã để lại về sinh hoạt Tăng đoàn ở Ấn Độ và Tích Lan vào thế kỷ thứ năm sau Tây Lịch. Chẳng những qua đó ta biết được rằng chư Tăng tuân giữ giới luật Phật chế rất nghiêm minh, mà còn biết rằng họ được sự cung kính cúng dường rất trọng hậu của các vua chúa và thường dân cư sĩ. Ký sự của Pháp Hiển thỉnh thoảng có điểm thêm những giai thoại dật sử chắp nối lại, cho ta một hình ảnh khá đầy đủ về nếp sinh hoạt của đức Thế Tôn và các đại đệ tử của ngài lúc sinh thời. Mặc dù Phật Quốc Ký của Pháp Hiển không sao so bì được với tài liệu phong phú trong tác phẩm Tây Du Ký của Huyền Trang, song nó cũng có một đóng góp

giá trị cho lịch sử Phật giáo ở Ấn và Tích Lan vào thế kỷ thứ năm sau tây lịch. Nếu Huyền Trang có thể được tôn xưng là nhà khảo cổ về xứ Ấn, thì Pháp Hiển chính là sử gia đầu tiên về Phật giáo trên đất Phật.

1.6. Quan điểm của Pháp Hiển

Từ cuộc đời, cuộc chiêm bái, ước nguyện của Pháp Hiển và các dịch phẩm của ngài về Phật giáo, ta thấy rõ Pháp Hiển là một vị sư đề cao giới luật số một. Không những ngài trì luật một cách nghiêm túc, không bỏ an cư kiết hạ trong suốt cuộc du hành, mà trong Ký sự, ngài cũng toàn tập trung chú ý vào đời sống Tăng lữ tại Ấn Độ và Tích Lan. Ngài muốn biết tu sĩ Ấn Độ thực hành đời sống xuất gia như thế nào, để hy vọng cải thiện tình trạng Tăng già Trung Quốc thời đó dường như rất tồi tệ. Chúng ta được ngài cho biết thời ấy Tăng sĩ Trung Quốc tuân giữ Giới bổn phái Hữu bộ, do vậy ta có thể nói Pháp Hiển là một vị Tăng theo Tiểu thừa thuần túy; khác với Huyền Trang, một nhà Đại thừa tận xương tủy. Trong tất cả kinh điển mà Pháp Hiển mang về Trung Quốc chỉ có một kinh Phương Đẳng Đại Bát-niết-bàn với 5.000 bài kệ, có thể được xem là kinh Đại thừa, còn những kinh sách khác đều có tính chất thuần túy Tiểu thừa. Tất cả những tác phẩm mà ngài dịch thuật cũng đều thuộc giáo phái Tiểu thừa. Dấu hiệu duy nhất Đại thừa nơi ngài là, trong cuộc du hành đường biển từ Tích Lan đến đảo Yava và từ đảo Yava đến Trung Quốc, hai lần tàu bị bão tố dữ dội, Pháp Hiển đều niệm đức Quan Âm xin cứu mạng. Ngoài sự cầu nguyện với một Bồ-tát Đại thừa này ra, thì quan điểm và sự tuân giữ giới luật nơi ngài hoàn toàn có tính cách Tiểu thừa.

1.7. Pháp Hiển, nhà chiêm bái khiêm tốn giản dị

Chúng ta thấy một điểm khác nhau rõ rệt về quan điểm và tính tình giữa hai ngài Pháp Hiển và Huyền Trang. Trong khi Pháp Hiển chỉ chú trọng Luật tạng, thì Huyền Trang thiên nặng về Luận tạng (A-tỳ-đàm). Chủ đích của Huyền Trang du hành đến Ấn Độ chính là để học Luận Đại thừa Du già Sư Địa và mang về Trung Quốc, còn Pháp Hiển khởi hành cuộc hành trình gian khó vì muốn sưu tầm các bản văn về Luật tạng và xem xét đời sống tu viện cùng giới Luật của chư Tăng trên đất Ấn.

Khi đọc Phật Quốc Ký của Pháp Hiển, chúng ta nhận thấy sự khiêm hạ của một vị sư sùng tín, bàng bạc khắp từng trang giấy của tập Ký sự. Ngài không che dấu sự yếu kém của mình, những lần suýt ngã quỵ khi đối diện với những gian khó của cuộc hành trình, và những vố đấm tàn khốc của định mệnh. Nhiều lần ngài đã rơi lụy, khiến người đọc cũng phải đồng cảm với ngài trước sự không may. Thành tích ngài đạt được quả thật lớn lao không ai sánh kịp trong lịch sử Phật giáo ngoại trừ thành tích của Huyền Trang. Nhưng dường như ngài không ý thức đến sự vĩ đại của mình, mà chỉ cho rằng sứ mệnh hoàn thành được là nhờ Tam Bảo che chở hộ trì. Những lời lẽ của ngài sau đây phản ảnh trung thực bẩm chất khả ái đấy: *"Nhìn lại những gì mình đã trải qua trong cuộc hành trình, bất giác tim tôi run lên, toát mồ hôi hột. Tôi đã dấn mình vào nguy hiểm, dẫm lên chướng ngại vật không kể gì thân xác. Vì có một mục đích quyết định và bản tính cương trực, tôi đã liều mạng trong một cuộc hành trình ở đó cái chết hầu như là chuyện chắc chắn, chỉ hy vọng sống sót một phần vạn"* [C: 8b; 12-13].

Chính thái độ thẳng thắn của ngài, và sự trung thành với mục đích gợi cho chúng ta niềm yêu mến thán phục. Chúng ta hoàn toàn tán đồng với một vị sư vô danh đã ghi lại cuối tập Ký sự của Pháp Hiển vài dòng để chứng tỏ lòng thán phục đối với nhà chiêm bái vĩ đại ngày xưa: *"Chúng tôi rất xúc động khi đọc ký sự của ngài. Một nhân cách như vậy thật vô cùng hiếm có và quý báu xưa cũng như nay. Từ ngày Đại giáo được truyền đến phương Đông, không một người nào sánh bằng Pháp Hiển trong việc xả thân tầm đạo. Nhờ vậy mà chúng ta biết rằng lòng thành đem lại kết quả vô biên; và khi quyết tâm đạt mục đích thì không việc gì không thành tựu. Vì, phải chăng sự thành công của ngài là nhờ ngài đã bất chấp cái mà người khác coi trọng, và coi trọng cái mà người khác xem thường?"*. [C: 8b; 13-14].

-2-

Pháp Hiển, nhà chiêm bái

Được tháp tùng bởi Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Huệ Ứng, Huệ Ngôi, Pháp Hiển khởi hành cuộc chiêm bái đất Ấn vào năm thứ hai niên hiệu Hoằng Thỉ [năm 399 sau Tây lịch], năm Kỷ Hợi. Rời Tràng An, họ vượt qua những rặng núi ở đất Lủng và đến xứ Càn Quy, ở đó họ kiết hạ an cư. Sau đó tiếp tục đi đến xứ Nhục Đàn, qua núi Dương Lâu và đến thị trấn Trương Dịch. Xứ này gặp lúc loạn lạc đường xá nguy hiểm. Đáp lời cầu thỉnh của Quốc vương ở đấy, Pháp Hiển lưu lại cùng với các bạn đồng hành. Tại đây ngài gặp những vị Tăng khác là Trí Nghiêm, Huệ Giản, Tăng Thiệu, Bảo Vân, Tăng Cảnh, những vị cùng chí hướng đi Ấn tìm học giới luật. Họ cùng nhau kiết hạ an cư tại đấy. Xong hạ, họ tiếp tục đi đến xứ Đôn Hoàng. Ở đấy họ lưu lại hơn một tháng. Pháp Hiển và 4 vị Tăng khác khởi hành đi trước cùng với một hướng đạo, để Bảo Vân và những người khác ở lại. Họ được viên thái hậu ở Đôn Hoàng tên Lý Hạo cung cấp lương thực để đi qua sa mạc. Sa mạc có đầy những ác ma và gió nóng quái quỷ, khiến nhiều người mất mạng ở đây. Ngay cả chim chóc và thú rừng cũng phải tránh né chốn nguy hiểm này. Giữa sa mạc mênh mông không có một con đường ló dạng; chỉ có những bộ xương người chết được dùng làm mốc cho Pháp Hiển và đồng bạn đi tới.

Sau 17 ngày gian nan tột cùng, họ đã đi được khoảng 1.500 lý (250 dặm Anh) và đến nước Thiện Thiện. Họ lưu lại đấy hơn một tháng rồi lại lên đường đi về phía Tây Bắc

15 ngày đến nước Ô-di (Agni). Pháp Hiển được một viên chức người Trung Quốc tên Fu Hsien Sun mời lưu lại hai tháng. Ngài ở lại đấy cho đến khi gặp lại Bản Vân cùng các vị khác cũng đến nơi.

Vì người xứ Ô-di không tỏ lòng hiếu khách lắm, nên các vị Trí Nghiêm, Huệ Giản, Huệ Ngôi trở lại Cao Xương - Karashar - để kiếm lương thực đi đường; trong lúc Pháp Hiển và những vị khác nhờ đã được Fu Kung Sun - Công Tôn - cung cấp đầy đủ hành trang nên bèn lên đường đi hướng Tây Nam tiến đến Khotan. Họ phải vượt sa mạc, không gặp nhà dân, trải qua gian nan khốn khổ không bút nào tả xiết. Cuộc hành trình kéo dài một tháng năm ngày, rồi họ đến quốc gia Khotan [Vu Điền].

Pháp Hiển cùng đoàn người được Quốc vương ở đấy đón tiếp và trú ngụ trong một ngôi chùa Đại Thừa tên Cù-ma-đế - Gomati. Các vị sư Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh và Huệ Đạo đã đi trước đến Khalcha [Kiệt xoa], còn nhóm Pháp Hiển ở lại thêm 3 tháng để xem lễ rước tượng.

Vào tháng thứ tư khi lễ rước tượng đã xong, thầy Tăng Thiều cùng với một đạo sĩ người Hồi đi đến nước Kàsmìra [Kế Tân], trong khi nhóm Pháp Hiển đi 15 ngày đến quốc gia Chakuka [Tử Hợp]. Xong họ đi về hướng Nam 4 ngày đến Pamirs [Tuyết Sơn] và cuối cùng đến xứ Agszi [Huy], ở đấy họ an cư kiết hạ.

Hết mùa an cư, đoàn Pháp Hiển tiếp tục đi về hướng Bắc đến xứ Khalcha [Kiệt-xoa] sau 25 ngày đường. Ở đây họ gặp lại Huệ Chỉnh và những vị khác. Đoạn họ cùng du hành theo hướng Tây, mất một tháng để leo núi tuyết Pamirs, ở đấy tuyết phủ cho đến cả vào mùa hạ. Suốt cuộc hành trình, những trận mưa lũ, gió quái và tuyết rơi cùng những cơn bão cát hãi hùng trút xuống vào mọi lúc. Người

ta kể rằng trong 10.000 người không có một người nào có thể sống sót được qua những hiểm nguy ấy.

Sau khi vượt dãy Tuyết Sơn, họ đi vào Bắc Ấn và đến một nước nhỏ tên là Darada [Đà lịch]. Rồi họ đi về Tây Nam 15 ngày vượt qua núi Tuyết, đường đi có vô số chướng ngại. Con đường có 700 bực cấp được đẽo từ núi đá, núi một đầu thì dựng đứng, một đầu thì đầy những vực sâu hãi hùng. Bên dưới, có con sông Tân-đầu chảy qua, hai bờ cách nhau 80 bước. Đoàn người lần theo những bực cấp núi đá ấy và vượt qua sông bằng một cái cầu dây.

Sau khi vượt qua sông Indus [Tân-đầu], họ đến quốc gia Udyàna [Ô-trường]. Huệ Cảnh, Huệ Đạo và Đạo Chỉnh đi trước đến xứ Nagarahàra [Na-kiệt] để xem bóng Phật trong khi Pháp Hiển và những vị khác ở lại Ô-trường để an cư kiết hạ.

Sau mùa an cư, họ du hành về phía Nam, đến xứ Tú-ha-đa [Suvastu] đi về phía Đông trong 5 ngày họ đến quốc gia Kiền-đà-vệ [Gandhàra]. Từ đây đi về hướng Đông 7 ngày họ đến xứ Trúc-sát-thi-la [Takshasilà] có nghĩa là chặt đầu. Lại vẫn đi về hướng Đông thêm 2 ngày, họ đến một nơi ngày xưa đức Phật Thích Ca trong một tiền kiếp đã xả thân cho cọp đói ăn thịt.

Sau khi đi về hướng Nam 4 ngày, họ đến xứ Purushapura [Phất-lâu-sa]. Tại đây Bảo Vân và Tăng Cảnh cúng dường bát của Phật xong rồi trở về Trung Quốc, còn Huệ Cảnh, Huệ Đạt và Đạo Chỉnh đã đi đến xứ Na-kiệt đảnh lễ bóng Phật, răng và xương đảnh của ngài. Huệ Đạt một mình trở về nước Phất-lâu-sa gặp lại Bảo Vân và Tăng Cảnh rồi cùng họ trở về Trung Quốc. Bây giờ thì chỉ còn lại một mình Pháp Hiển. Những bạn đồng hành cuả ngài có thể nói đã bỏ cuộc ngoại trừ Huệ Cảnh và Đạo

Chỉnh đang ở Na-kiệt. Vẫn không nao núng, Pháp Hiển ra đi một mình đến chùa thờ xương đảnh Phật. Sau khi du hành về phía Tây 16 do-tuần, ngài đến thành Hilo [Ha-lê] ở biên giới nước Na-kiệt. Quay về hướng Bắc một do-tuần, Pháp Hiển đến thủ đô Na-kiệt. Rồi ngài đi vào trong thung lũng, theo hướng Tây đi 4 ngày đường gặp ngôi chùa thờ áo Phật.

Sau 3 tháng ở Na-kiệt gặp lại hai bạn đồng hành Đạo Chỉnh và Huệ Cảnh, họ lại lên đường đi về hướng Nam qua dãy núi Tiểu Hy-lạp, nơi tuyết phủ cả vào mùa hè. Khi đang leo sường Bắc của núi, họ bị một cơn bão tố băng giá. Huệ Cảnh không đi thêm được nữa, mồm sủi bọt mép và chết ngay khi trối trăn hai bạn đồng hành nên tiếp tục lên đường đừng ở lại chết chung. Pháp Hiển vào Đạo Chỉnh vô cùng bi thương trước định mệnh tàn khốc này, nhưng rồi họ cũng lên đường, vượt qua sườn núi phía Nam để đến xứ La-di [Lakki]. Pháp Hiển và bạn đồng hành ở lại đây 3 tháng an cư mùa hạ, xong họ đi xuống phía Nam đến xứ Bạt-na [Harana]. Người trong xứ này đón tiếp họ rất nồng nhiệt và lấy làm ngạc nhiên trước thành tích cuả hai vị Tăng Trung Quốc xa xôi dám vượt hiểm nguy đi tìm Chánh pháp. Họ cung cấp hai khách Tăng những gì cần thiết và thết đãi theo truyền thống Phật giáo.

Hai nhà truyền thống đi tiếp về hướng Tây Nam khoảng tám mươi do-tuần, ngang qua một số chùa viện và đến xứ Mathura [Ma-đâu-la]. Tại đây họ qua sông Yamunà [Bồ-na] một lần nữa. Từ Mathura họ đi về hướng Đông Nam 18 do-tuần, đến xứ Sankàsya [Tăng-già-thi].

Pháp Hiển cùng bạn đồng hành ở lại kiết hạ an cư trong chùa Rồng, rồi lại tiếp tục lên đường, đi hướng Đông Nam

bảy do-tuần thì đến Kànyakubja. Họ vượt sông Hằng, và sau khi đi thêm 3 do-tuần về hướng Nam, họ đến một thôn tên gọi Hali [Ha-lê]. Rồi họ đi về Đông Nam mười do-tuần để vào đại quốc Vaisàkha [Sa-kỳ]. Bấy giờ họ quay về hướng Bắc tám do-tuần, đến đô thành Sràvasti [Xá-vệ] thuộc nước Kosala [Câu-tát-la].

Khi Pháp Hiển và Đạo Chỉnh viếng tinh xá Jetavana [Kỳ-hoàn] nơi Phật đã ở 25 năm, họ ngập tràn bi cảm, bất hạnh vì bị sinh vào chốn biên địa xa xôi. Họ chạnh lòng nghĩ đến những bạn đồng hành đã cùng đi qua nhiều xứ sở, mà bây giờ người thì đã chết, người trở lui về Trung Quốc, chỉ còn lại Pháp Hiển và Đạo Chỉnh, hai vị không khỏi ngậm ngùi. Những vị Tăng ở Xá-vệ khi biết Pháp Hiển và bạn đồng hành đã từ một nơi xa xôi như thế đến thỉnh kinh, thì vô cùng ngạc nhiên cảm phục trước kỳ tích của hai vị sư Trung Quốc.

Đoạn hai nhà chiêm bái từ Xá-vệ lại ra đi về hướng Đông nam 12 do-tuần, đến thành phố Napika. Từ đây về phía Bắc trong vòng một do-tuần, họ đến một thành phố nơi Phật Kanakamuni [Câu-na-hàm-mâu-ni] đản sinh, và đi thêm một do-tuần về phía Đông, họ đến xứ Kapilavastu [Ca-tỳ-la-vệ], nơi sinh của Phật. Vì xứ này đã hoang phế, đầy sư tử trắng và voi cư trú, nên hai nhà chiêm bái phải hết sức thận trọng khi đi đường.

Sau một thời gian ngắn ở Kapilavastu, họ du hành về hướng Đông năm do-tuần đến nước Ràmagràma. Đi thêm bốn do-tuần về hướng Đông, họ đến Tháp thờ Tro. Lại tiếp tục đi về hướng Đông 12 do-tuần nữa, họ đến đô thành Kusinagara. Sau khi viếng thăm các Thánh tích của Phật, họ đi về Đông Nam 12 do-tuần về đến nơi mà ngày xưa những người dòng họ Licchavis [Lê-xa] không được Phật

cho phép đi theo đến nơi Ngài nhập Niết-bàn. Đi thêm năm do-tuần nữa về hướng Đông, họ vào xứ Vaisàlì [Tỳ-xá-ly].

Từ Tỳ-xá-ly họ đi về hướng Đông 4 do-tuần đến chỗ hợp lưu của 5 dòng sông. Chính giữa vùng này, Tôn giả A-nan đã dùng tam-muội hỏa để thiêu thân. Họ qua sông và đi thêm một do-tuần về phía Nam đến đô thị Ba-liên-phất [Pataliputra] ở xứ Magadha [Ma-kiệt đà].

Từ Ba-liên-phất họ du hành về hướng Đông Nam 4 do-tuần đến một đỉnh núi đá đứng đơn độc, trên đỉnh có cái hang đá trong đó có hình ảnh Đức Phật ngồi. Đi thêm một do-tuần về hướng Tây Nam, họ đi vào khu làng Kàlapinàka nơi sinh Tôn giả Xá-lợi-phất. Họ đi thêm một do-tuần về hướng Tây thì đến thành Vương Xá mới do vua A-xà-thế xây cất. Sau khi rời thành này bằng cổng phía Nam đi thêm 4 dặm, họ đến một thung lũng vây quanh bằng 5 ngọn đồi ở đấy vua Bình-sa đã xây dựng thành Vương Xá cũ. Trên đường đi, hai nhà chiêm bái ngang qua những nơi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên lần đầu tiên gặp vị thầy ngoại đạo Asvajit, nơi ngoại đạo Ni-kiền-tử đã đào hố lửa và soạn thức ăn đầu độc Đức Phật, và nơi vua A-xà-thế đã thả voi say hại Phật. Họ cũng đi ngang cảnh tàn phế của một ngôi chùa mà Jivaka đã xây để cúng đức Phật và 1.250 đệ tử của Ngài.

Tiếp tục đi về hướng Đông Nam thêm 15 dặm, họ đến núi Linh Thứu, nơi Đức Phật đã giảng nhiều bài Pháp quan trọng. Pháp Hiển đã mang hương hoa đèn dầu và lên đến đỉnh núi nhờ sự hướng đạo của hai tu sĩ địa phương. Tại đấy ngài đốt hương, thắp đèn, dâng hoa, lễ bái Thánh địa. Khi đứng tại chỗ mà ngày xưa đức Như Lai đã từng sống, Pháp Hiển không sao ngăn được cảm xúc

và ngài đã bật khóc, tự than đã sinh quá muộn màng, không được chiêm ngưỡng thân sắc vàng của Phật và lắng nghe Ngài thuyết giảng kinh Lăng Nghiêm tại nơi này. Rồi Pháp Hiển tụng kinh Lăng Nghiêm ở đấy ngay trước hang động, và trải qua đêm trên đỉnh núi Linh Thứu. [Cao Tăng Truyện còn kể câu chuyện Pháp Hiển đã gặp ngài Đại Ca-diếp, vị đại đệ tử khổ hạnh đệ nhất của Đức Phật. Mẫu chuyện này dường như phù hợp với truyền thuyết cho rằng Ma-ha Ca-diếp vàn còn sống trong một khe núi Linh Thứu]. Ngày hôm sau ngài trở xuống thành Vương-Xá mới.

Rời Vương Xá, Pháp Hiển cùng bạn đồng hành đi về phía Tây và đến đô thị Gayà. Lại đi thêm 20 lý về phía Nam, họ đến nơi mà ngày xưa Đức Phật đã tu khổ hạnh 6 năm. Đoạn họ đi 3 dặm về phía Tây để thăm viếng nơi đức Phật tắm và được một thiên nhân đưa ra khỏi nước. Họ cũng thăm viếng một Thánh tích cách đó 2 lý về phía Bắc, nơi Đức Phật được các cô gái Gramika dâng cúng cháo sữa. Lại đi thêm 2 lý về phía Bắc, họ đến một nơi đức Phật đã ngồi xuống trên một phiến đá dưới gốc cây lớn để dùng cháo.

Rồi họ du hành về phương Đông Bắc nửa do-tuần, đến hang động ở đấy đức Phật đã ngồi kiết già nhìn về phương Tây. Từ Bồ-đề Đạo tràng họ đi về hướng Nam 3 dặm, đến núi Kê Túc (Kukkutapàda), ở đấy tương truyền đức Đại Ca-diếp còn ở trong núi. Pháp Hiển quay về thành Ba-liên-phất, và từ đây ngài đi về phía Tây dọc sông Hằng 10 do-tuần đến chùa Atavi nơi đức Phật đã từng lưu lại một thời gian. Vẫn đi dọc sông Hằng, họ nhắm hướng Tây đi được 12 do-tuần vào đô thị Vàrànasi thuộc xứ Kàsi. Rồi họ viếng thăm vườn Nai ở cách đô thị ấy 10 dặm về phía Bắc. Đi 60

bước về hướng Bắc là nơi Đức Phật ngày xưa đã ngồi day mặt về phương Đông mà thuyết giảng bài Pháp đầu tiên; 20 bước về phía Bắc là nơi đức Phật đã tiên đoán sự ra đời của đức Phật Di Lặc trong tương lai. Đi thêm 50 bước về phía Nam là nơi con rồng Elàpattra [Ưu-bát-la Long Vương] hỏi Đức Phật đến bao giờ nó mới được thoát khỏi lốt rồng.

Họ lại khởi hành đi đến xứ Câu-Diệm-di ở cách 13 do-tuần phía Tây Bắc vườn Nai. Đoạn họ đi về hướng Nam. Sau khi vượt qua 200 do-tuần, họ đến một nước tên gọi Daksinà. Vì đường sá ở đây không được an toàn cho cuộc lữ hành nếu không được vũ trang hộ tống, nên Pháp Hiển không thể đến đấy mà chỉ viết ký sự về nơi này qua lời kể của dân địa phương.

Sau đó từ Vàrànasì, Pháp Hiển cùng bạn đồng hành trở về Ba-liên-phất. Vì ở Bắc Ấn không có kinh sách về Luật tạng, nên Pháp Hiển phải đến Trung Ấn ở đấy ngài có thể tìm thấy một Luật bản của phái Đại Chúng bộ tại một chùa Đại thừa. Ngài cũng được một bản Luật phái Hữu bộ gồm 7.000 bài kệ, và nhiều kinh luận khác.

Pháp Hiển ở lại đấy 3 năm để học sách Phạn ngữ và để ghi chép những kinh sách nói trên. Bấy giờ Đạo Chỉnh quyết định ở lại đất Ấn vì thấy nơi đây Giới Luật được Tăng sĩ Ấn Độ tuân hành nghiêm cẩn. Ngài than phiền về tình trạng giữ giới tồi tệ ở Trung Quốc, và nguyện sẽ không bao giờ sinh vào nơi biên địa. Thế là Đạo Chỉnh ở lại Ấn Độ, không cùng Pháp Hiển trở về quê hương Trung Quốc. Vì Pháp Hiển đến Ấn với mục đích mang về Giới Luật xuất gia, nên ngài phải khởi hành chuyến về một mình không bầu bạn, lên đường đến nước Sư Tử [Simhala] rồi về quê nhà.

Đầu tiên ngài đi 18 do-tuần về phía Đông, đến Đại quốc Champà, nằm phía bờ Nam sông Hằng. Đoạn ngài đi đến Tamràlipti sau khi đi về hướng Đông 50 do-tuần. Ngài lưu lại nơi này 2 năm để chép Kinh và họa hình tượng Phật. Rồi ngài xuống tàu của những người buôn, sau 14 ngày đêm đến nước Sử Tử (Tích Lan).

Pháp Hiển đã rời xa Trung Quốc nhiều năm, đã đi qua nhiều vùng đất xa xôi, gặp nhiều nền văn hóa lạ lùng, nhiều cảnh và người hoàn toàn xa lạ, tất cả những người bạn đồng hành Trung Quốc đã bỏ ngài, một số trở về, một số chết đường, còn Đạo Chỉnh thì ở lại đất Ấn. Bởi thế đôi lúc ngài cũng cảm thấy cô đơn và nhớ quê hương. Khi ngài trông thấy một chiếc quạt bằng lụa trắng chế tạo ở Trung Quốc trong ngôi chùa Vô Úy Sơn ở xứ Sư Tử (Tích Lan), một chiếc quạt có lẽ do một thương gia Trung Quốc nào đó dâng cúng, không thể cầm được nước mắt ngài đã khóc thảm. Pháp Hiển ở lại nước Sư Tử 2 năm, viếng thăm các tu viện lớn, xem những đám diễn hành Phật giáo, và đã mô tả lại hòn đảo này về các mặt địa dư, khí hậu, khoáng chất, nhân văn. Pháp Hiển thỉnh được một bản Giới Luật của phái Mahisàsakas, kinh Trường A-hàm, kinh Tạp A-hàm và kinh Tiểu Bộ, những thứ không có ở Trung Quốc.

Sau khi hoàn tất sứ mạng ở nước Sư Tử, Pháp Hiển theo một tàu buồm lớn của thương gia trên đường về nước. Chiếc tàu chở gần 200 hành khách, đằng sau buộc một thuyền con cho hành khách xuống phòng khi đắm tàu. Con tàu dong buồm hướng về phương Đông một cách êm ả trong hai ngày thì bỗng một cơn bão tố nổi lên tàu có khe hở bị nước vào. Những người đã xuống được thuyền nhỏ bèn cắt dây bơi đi thoát thân. Những người buôn kinh hoảng ném bớt hành lý xuống biển cho tàu nhẹ bớt. Pháp

Hiển cũng phải quăng xuống biển bình nước chậu thau và vài vật dụng khác của ngài, còn những kinh và tượng Phật thì ngài cầu nguyện Bồ-tát Quan Âm và chư Tăng Trung Quốc gia hộ cho ngài mang được an toàn về đất mẹ. Trận cuồng phong hoành hành suốt 13 ngày đêm nhưng may thay tàu tấp được vào một hòn đảo để điều chỉnh chỗ bị nứt, rồi lại dong buồm đi tiếp. Cuộc hành trình kéo dài khoảng 90 ngày mới đến đảo quốc Yava (Da-bà-đề, Java).

Pháp Hiển ở đây 5 tháng và lại xuống một chiếc tàu buôn lớn khác cùng với khoảng 200 hành khách. Họ dong buồm vào ngày 16 tháng Tư đi về Quảng Châu, mang theo lương thực đủ ăn trong 50 ngày. Pháp Hiển giữ pháp an cư ngay trên tàu. Sau một tháng thuận buồm xuôi gió, bỗng chốc chiếc tàu lại bị một trận bão lớn, trời tối sầm, mưa trút xuống như thác lũ. Những hành khách và thủy thủ đều sợ rằng con tàu chắc chắn phải chìm. Một lần nữa Pháp Hiển lại van vái đức Quan Âm Bồ-tát che chở và cầu sự gia bị của chư Tăng Trung Quốc. Như đáp ứng lời cầu xin của ngài, con tàu qua được đêm ấy. Ngày hôm sau những người Bà-la-môn trên tàu bàn với nhau và quyết định thả ngài Pháp Hiển xuống một hòn đảo, vì cho rằng chính hiện diện của thầy tu Phật giáo này là nguyên nhân của bao nhiêu tai nạn gian khổ. Nhưng thí chủ của Pháp Hiển ở trên tàu cực lực phản đối âm mưu ác độc này và dọa sẽ về tâu với Hoàng đế Trung Quốc, nếu họ còn cố loại trừ Pháp Hiển ra khỏi tàu. Lời hăm dọa này đã ngăn các Bà-la-môn thực hiện kế hoạch của họ, và Pháp Hiển được cứu thoát khỏi âm mưu tội lỗi kia. Vì bầu trời mờ mịt dưới những làn mưa liền tiếp, tàu bị lạc hướng. Trong hơn 70 ngày, con tàu lênh đênh giữa biển cạn hết lương thực và nước uống. Họ đành phải dùng nước mặn để nấu ăn,

và khẩu phần nước uống phải hết sức hạn chế. Khi nước uống đã hết, họ bàn nhau vạch một hướng đi cho con tàu. Bấy giờ tàu đi về phương Tây Bắc cố gặp được đất liền. Sau 12 ngày, họ đến được bờ Nam của Lao Sơn [Lao Shan] thuộc quận Trường Quảng [Chang Kuang], và thế là chấm dứt cuộc hành trình gian nan nguy hiểm.

Khi trông thấy rau lê, lá dâu quen thuộc mọc ở Trung Quốc họ mới biết mình đã về đến quê hương. Sau khi hỏi thăm những cư dân địa phương, họ được biết đã đến quận Trường Quảng thuộc Thanh Châu. Khi nghe Pháp Hiển một vị Tăng Trung Quốc đang ở trên thuyền cùng với kinh và tượng, thái thú quận Trường Quảng là Lý Nghi vốn là một Phật Tử, sai người thỉnh kinh và tượng về quận lỵ. Tại đây Pháp Hiển chia tay với những người buôn để họ tiếp tục đi đến Dương Châu, Pháp Hiển ở lại Thanh Châu một mùa đông và một mùa hè theo lời mời của người anh của vị hoàng đế tương lai là Lưu Dũ (Liu Yu). Tại Thanh Châu, Pháp Hiển đã an cư kiết hạ, và khi giải hạ ngài muốn trở về Tràng An. Ngài đi về hướng Nam để đến thủ đô. Ngài gặp một vị Tăng Ấn Độ tên Buddahbhadra [Phật Hiền] và cho vị này xem những bản Luật ngài đã mang về được.

Vậy là Pháp Hiển đã kết thúc cuộc hành trình gian nan để chiêm bái Thánh tích. Ngài đã khởi hành từ Tràng An và phải mất 6 năm mới đến đất Ấn. Ngài đã ở lại nơi đây 6 năm. Cuộc hành trình trở về mất 3 năm khi ngài đến Thanh Châu. Ngài đã viếng thăm gần 30 quốc gia; không thể nào kể hết chi tiết đời sống tu hành tuyệt diệu của nhưng tu sĩ ngài gặp trên đường. Khi khởi hành ngài đã 65 tuổi, và khi trở về cố quốc ngài đã 79 tuổi. Thật lạ lùng, là niềm khát khao Chánh Pháp đã cho Pháp Hiển một sức năng động phi thường đến nỗi mặc dù tuổi đã cao, ngài

vẫn hoàn tất được một cuộc phiêu lưu đã đánh gục bao nhiêu người trẻ tuổi.

-3-
Pháp Hiển và những bạn đồng hành

Nếu Huyền Trang đã khởi hành cuộc chiêm bái đơn độc không bầu bạn, thì trái lại Pháp Hiển lúc đầu đã có những bạn đồng hành gồm các vị Tăng Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Huệ Ứng và Huệ Ngôi. Và về sau tại đô thị Chang Yeh, ngài còn được tháp tùng bởi một nhóm 5 vị tăng khác nữa. Bởi thế, Pháp Hiển lúc đầu đã được trang bị tốt để khỏi cô độc trong cuộc hành trình gian nan đến Ấn Độ. Nhưng định mệnh trớ trêu đã muốn cho Pháp Hiển phải đau khổ hơn Huyền Trang vì cảnh đơn thương độc mã. Ngài đã phải khởi hành chuyến hồi hương một mình một bóng, trong khi Huyền Trang được người theo hộ vệ suốt cuộc hành trình trở về, chưa nói đến sự đón tiếp nồng hậu mà các nhà cai trị và dân chúng các nơi ngài đến đã dành cho ngài.

Mặc dù có 9 bạn đồng hành, Pháp Hiển cũng không cùng đi với họ suốt cuộc hành trình, mà tình thế bắt buộc đã khiến họ thỉnh thoảng phải tách riêng.

Tại Đôn Hoàng, Pháp Hiển và 4 vị Tăng khởi hành đi đến nước Thiện Thiện, còn Bảo Vân và 4 vị khác ở lại đi sau. Chỉ khi đến nước Ô-di họ mới có thể gặp nhau lại. Nhưng tại đây họ lại phải tách nhau: Một toán trở về Cao Xương để tìm lương thực đi đường, trong khi Pháp Hiển cùng 6 vị khác tiến đến Khotan [Vu Điền]. Tại đây đoàn của Pháp Hiển lại tách ra. Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh và Huệ Đạt đi đến trước đến Cao Xương còn Pháp Hiển và những người khác ở lại Vu Điền để xem lễ rước tượng Phật. Khi

lễ rước vừa xong, Tăng Thiệu cùng một vị Tăng người Hồ đi đến Kasmira, còn nhóm Pháp Hiển thì đi Chakuka [Tử Hợp] rồi đi Cao Xương. Tại đây họ gặp Huệ Cảnh và những người khác. Nhưng họ cũng không cùng đi với nhau lâu dài. Tại Udyàna, Đạo Chỉnh và Huệ Đạt khởi hành đi đến Nagarahàra, trong khi Pháp Hiển và những người khác ở lại an cư mùa hạ. Rồi Pháp Hiển cùng với nhóm của ngài đi đế xứ Suvastu, Gandhàra, Taksasilà và Purushapura. Tại đây Bảo Vân và Tăng Cảnh sau khi chiêm bái bình bát của Phật đã thối thất lời nguyện đi Ấn mà trở về Trung Quốc. Tại Nagarahàra Huệ Cảnh ngã bệnh, Đạo Chỉnh ở lại săn sóc, Huệ Đạt trở lui về Purushapura một mình và tháp tùng Bảo Vân cùng Tăng Cảnh để về nước. Huệ Cảnh về sau từ trần tại chùa thờ Bát của Phật.

Bấy giờ Pháp Hiển còn lại một mình nhưng với ý chí bất khuất, ngài khởi hành đến chùa thờ Xương đảnh Phật, ở đấy ngài đã gặp Đạo Chỉnh và Huệ Cảnh. Trong khi vượt qua núi Tuyết nhỏ, Huệ Cảnh không chịu nổi gian khổ của cuộc hành trình được nữa, đã trút hơi thở cuối cùng trước sự đau đớn sâu xa của hai bạn đồng hành. Trong số người cùng khởi hành với Pháp Hiển chỉ còn lại Đạo Chỉnh. Hai ngươi hành hương này không khỏi ngậm ngùi than thở khi nghĩ đến những người bạn đồng hành trước kia và sự cô độc hiện tại của mình. Nhưng tương lai còn dành cho Pháp Hiển một định mệnh vô cùng khắc nghiệt.

Khi Đạo Chỉnh đến thành Ba-liên-phất trông thấy uy nghi giới hạnh của những Tăng sĩ tại đấy và nền giới pháp tuyệt hảo, ngài quyết định ở lại đất Ấn. Từ đây trở đi cho đến khi về lại Trung Quốc, Pháp Hiển phải làm cho cuộc

hành trình đơn độc trước hết từ thành Ba-liên-phất cho đến Champa rồi Tàmralipti, rồi đi tàu đến nước Sư Tử. Bởi thế thật không lạ lùng bị khi ta thấy ngài thương cảm mà khóc khi trông thấy một chiếc quạt lụa Trung Quốc trong chùa Vô Úy Sơn. Từ nước Sư Tử, ngài một mình xuống tàu đi đến đảo Yàva rồi trở về Trung Quốc.

Đối với một người lữ hành, không có kẻ thù nào tệ hơn sự cô độc, nhất là khi phải phiêu lưu đến những xứ hoàn toàn xa lạ, với những phong tục, người và cảnh hoàn toàn không quen thuộc. Chúng ta không khỏi ngậm ngùi san sẻ với nỗi lòng Pháp Hiển khi ngài khóc về cái chết của Huệ Cảnh, hay lúc ngài buồn sầu tưởng niệm ở Kỳ Viên và trên đỉnh núi Linh Thứu, hoặc cảnh ngài rơi lệ khóc tại chùa Vô Úy Sơn.

Phần II

HOÀN CẢNH PHẬT GIÁO CÙNG ĐỜI SỐNG TĂNG LỮ TẠI ẤN ĐỘ VÀ TÍCH LAN TRONG THẾ KỶ THỨ V TL QUA KÝ SỰ CỦA PHÁP HIỂN

-1-
Hoàn cảnh Phật giáo, tu viện và tu sĩ

Tập ký sự do Pháp Hiển để lại là một kho tư liệu quý báu về hoàn cảnh đạo Phật vào thời điểm ngài chiêm bái. Bởi thế, ký sự cung cấp một nguồn thông tin quan trọng cho các học giả về lịch sử Phật giáo tại Ấn Độ, Tích Lan và các thuộc quốc gia giữa hai nước Ấn - Hoa.

Bức tranh toàn cảnh về Phật Giáo mà ta thấy được từ ký sự của Pháp Hiển trình bày khía cạnh phồn thịnh của một đạo Phật sinh động. Trong những quốc gia và đô thị như Thiện Thiện, Ô-di, Vu Điền, Tứ Hợp, Cao Xương ... Pháp Hiển nói rõ rằng Phật giáo đang thịnh hành tại đấy, và những Quốc Vương cùng thần dân đều là tín đồ Phật giáo thuần thành. Những nơi khác như Gandhàra, ... Ba-liên-phất, Champà, cũng có những hoạt động Phật giáo sôi nổi và rất nhiều tu sĩ, mặc dù Pháp Hiển quan tâm đến một vài chi tiết khác nên đã không nói rõ sinh hoạt Tăng chúng ở đây. Nhưng ở một vài nơi như Ca-tỳ-la-vệ - nơi Phật đản sanh, Câu-thi-na - nơi ngài nhập Niết-bàn, Tỳ-xá-ly, Vương Xá, Câu-diệm-bi, Ba-la-nại, đảo Yàva, Phật giáo dường như đang suy tàn, nhất là tại Câu-thi-na và Ca-tỳ-la-vệ mà Pháp Hiển nói rõ là rất vắng vẻ, chỉ còn hiện diện vài tu sĩ.

Cả hai phái Đại thừa, Tiểu thừa đều thịnh vào thế kỷ thứ V. Một vài quốc gia như Thiện Thiện, Ô-di, Cao Xương, Ô-trường [Udyàna], Bạt-na [Harana], dường như vẫn còn duy trì Phật giáo Tiểu thừa, chưa có Đại thừa xâm nhập. Số lượng chư Tăng Tiểu thừa theo Pháp Hiển kể là

4.000 ở xứ Thiện Thiện. 4.000 ở Ô-di và hơn 1.000 ở Cao Xương. Riêng tại Ô-trường [Udyàna] có 500 tu viện toàn là tu sĩ Tiểu thừa. Tại những nơi khác, cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa đều thịnh hành và nhất là tại Câu-diệm-bi, Gandhara và Kànyakubja, Tiểu thừa vẫn chiếm đa số. Nhưng ở Khotan [Vu Điền] với 10.000 tu sĩ, ở Chakuka với 1.000 và Ba-liên-phất 700 tu sĩ, thì Đại thừa giáo chiếm phần ưu thế hơn Tiểu thừa. Tại một vài nơi, bức tranh không cho thấy rõ rệt phái nào chiếm đa số, vì Pháp Hiển không ghi rõ rệt phái nào chiếm đa số vì Pháp Hiển không ghi rõ chi tiết. Tại Phất-lâu-sa [Purushapura] và Hilo, mỗi nơi 700 tu sĩ, tại La-di [Lakki] với 3.000 tu sĩ, Tăng già-thi [Sankàsya] với chừng 1.000 tu sĩ, Sankàsya với chừng 1.000 tu sĩ, Agnidagda với từ 600-700 tu sĩ, ở Xá-vệ với 98 tu viện có tỳ-kheo, Champà và Tamralipti với 24 tu viện có tỳ-kheo, tại những nơi ấy chúng ta không biết chắc Đại thừa hay Tiểu thừa chiếm đa số. Trên đảo Sư Tử, Pháp Hiển nói đến 5.000 vị tăng ở chùa Vô Úy Sơn, 2.000 vị ở chùa Bồ Đề, và 3.000 vị ở chùa Đại Tòng Lâm, trong khi số lượng tu sĩ trên toàn đảo mà dân địa phương cho Pháp Hiển biết lên đến 60.000 vị.

Về những tu viện, Pháp Hiển đã không thể kể cho hết, vì chắc chắn ngài đã bỏ qua nhiều ngôi chùa. Nơi có nhiều tu viện nhất là nước Ô-trường [Udyàna] với 500 tu viện toàn chư tăng Tiểu thừa cư trú. Kế đến là Xá-vệ với 98 tu viện xung quanh Kỳ Hoàn tinh xá. Ngoài ra Tàmralipti có 24 tu viện, Ma-đâu-la [Mathurà] có 20 tu viện, Vu Điền có 14 tu viện lớn, không kể những ngôi nhỏ. Có lẽ còn nhiều tu viện tráng lệ hơn nữa, được vua và dân mộ đạo xây cất. Nhưng Pháp Hiển chỉ mô tả chi tiết 4 đại tu viện là tu viện Hoàng gia mới ở Vu Điền [Khotan], Kỳ Hoàn tinh xá ở Xá-

vệ, tu viện Phật Ca-diếp ở Daksinà, tu viện Vô Úy Sơn tại nước Sư Tử. Ngài nhắc đến một chùa Đại Thừa vĩ đại ở thành Ba-liên-phất nhưng không thêm chi tiết nào.

Dưới đây là những ký sự về hoàn cảnh Phật Giáo mà Pháp Hiển đã đi qua trên đường hành hương chiêm bái.

Chúng ta không biết hoàn cảnh Phật Giáo tại các xứ Nhục-Đàn [Jutan], Chang Yeh và Đôn Hoàng, vì Pháp Hiển không nói tới trong ký sự của ngài. Tuy nhiên tại nước Thiện Thiện [Shen shen]: "Quốc vương tôn trọng pháp. Có hơn 4.000 tu sĩ theo Tiểu thừa giáo. Tăng tục những xứ này thực hành tôn giáo của Ấn Độ nhưng một số thực hành nghiêm túc, một số lỏng lẻo. Từ đây về phương Tây, tất cả những nước mà họ đi qua đều như vậy; chỉ khác nhau về ngôn ngữ. Nhưng tất cả tu sĩ đều học ngôn ngữ và kinh sách cuả Ấn" (C: 1a; 8-9).

Tất cả dân chúng trong xứ Ô-di [Agni] đều theo Tiểu thừa. "Tại đây cũng có hơn 4.000 tu sĩ học giáo lý Tiểu thừa. Họ giữ giới luật nghiêm túc. Những Tăng sĩ từ nước Tấn ở Trung Quốc đến đây không tham dự những việc đạo của họ" [C: 1a; 10].

Tại xứ Vu Điền, tất cả dân chúng "tôn trọng Chánh Pháp và sống rất hạnh phúc với tôn giáo của mình. Số lượng Tăng sĩ lên đến nhiều vạn, đa số theo Đại Thừa. Tất cả đều được cúng dường thực phẩm. Dân chúng đều có nhà ở rải rác như sau, trước mỗi cửa nhà xây một ngôi tháp, nhỏ nhất cũng cao đến 2 trượng (20 tấc Anh). Họ xây những trú xứ cho tứ phương Tăng và cúng dường họ những vật cần dùng" (C: 1a; 13-14).

Pháp Hiển và những bạn đồng hành ở lại trong một ngôi chùa Đại thừa tên Cù-ma-đế [Gomati]. Ở đây có 3.000

Tăng sĩ tuân theo một nghi thức hết sức trang trọng khi thọ trai. Pháp Hiển còn ghi lại rằng có 14 tu viện lớn ở Vu Điền ngoài những tu viện nhỏ:

"Từ 7-8 dặm về phía Tây thành phố, có một tu viện tên gọi là Tân Hoàng gia. Tu viện này được xây dựng qua 80 năm và 3 triều vua mới hoàn thành. Chiều cao 25 trượng (250 bộ Anh). Chùa được trang hoàng bằng những chạm khắc, mái làm bằng vàng bạc và đủ thứ châu báu. Phía sau tháp, có xây một phòng thờ Phật tráng lệ mà cột kèo cửa lớn cửa sổ đều dát vàng. Những tăng phòng được xây dựng riêng biệt nhau, trang trí rực rỡ vượt ngoài mô tả. Những vị vua ở 6 nước phía Đông núi Tuyết cúng cho tu viện này rất nhiều châu báu mà thường dân không có" (C: 1b; 1-3).

"Vua nước Tử Hợp [Chakuka] là một Phật tử thuần thành, ở đây có hơn 1,000 tu sĩ đa số theo Phật giáo Đại thừa" (C: 1b: 3-4).

Quốc gia Cao Xương [Khalcha] có hơn 1.000 tu sĩ Tiểu thừa. Những lễ lạc và giới luật của họ nhiều không thể tả.

Tại xứ Đà Lịch [Darada] có nhiều tu sĩ đều học Tiểu thừa. Phật giáo phát triển ở nước Ô-trường [Udyàna] với 500 tu viện theo phái tăng Tiểu thừa cư trú.

Về nước Tú-ha-đa [Suvastu] chúng ta chỉ biết là Phật giáo thịnh hành ở đấy.

Nói về xứ Kiền-đà-vệ [Gandhàra] thì, bên sườn một ngọn núi lớn về phía Nam có một tu viện với vài tu sĩ học Đại thừa, nhưng ký sự của Pháp Hiển không nói gì nhiều. Ngài chỉ ghi rằng đa số dân ở đấy, học giáo lý Tiểu thừa, nhưng không thêm chi tiết nào nữa. Cũng tương tự xứ Takshasila [Trúc-sát-thi-la], nơi Phật giáo là quốc giáo,

Pháp Hiển chỉ ghi rằngcó nhiều tháp trang hoàng bằng báu vật, được vua, đình thần và dân chúng cung kính lễ bái, Purushapura, quê hương của Vasubandhu [Thế Thân] cũng không được Pháp Hiển nhắc tới. Ngài nói dài dòng về ngôi đại tháp do vua Ca-nị-sắc-ca [Kaniska] xây và về cái bát khất thực của Phật được thờ ở đấy. Toàn thể đoạn văn dành cho đô thị Hilo chỉ nói đến việc vua chúa và thần dân tại đây làm lễ thờ phượng xương đảnh của Phật. Ở xứ Hilo, Pháp Hiển ghi rằng có một tu viện gần ngôi tháp với 700 tu sĩ cư trú. Những đoạn văn còn lại đều dành cho sự mô tả những ngôi tháp và sự thờ cúng xá-lợi của Phật.

Quốc gia Lakki [La-di] có chừng 3.000 tu sĩ cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Xứ Harana [Bạt-na] cũng có chừng ấy số lượng tu sĩ nhưng đều thuộc Tiểu thừa giáo. Tại xứ Uchacha, Phật giáo rất thịnh hành về cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa: "Xứ Mathurà có 20 tu viện ở hai bên tả ngạn và hữu ngạn sông Yamuna [Bồ Na] với chừng ba ngàn tu sĩ. Phật giáo rất thịnh, vua chúa ở các xứ Ấn phía Tây sông Hằng đều là những Phật tử trọng Tăng" (C: 2b; 15). Tại Sanskasya cạnh một ngôi tháp được xây để kỷ niệm nơi trời Đế Thích và Phạm thiên đã theo hầu đức Phật khi Ngài từ cõi trời 33 trở xuống, có chừng 1.000 Tăng Ni cùng học cả hai giáo lý Đại, Tiểu thừa, và cùng thọ thực với nhau. Tại một tu viện khác có từ 600-700 tu sĩ.

Tại thành Kànyakubja trên sông Hằng, Pháp Hiển quan sát sự hiện hữu của 2 tu viện theo Tiểu thừa. Tại Xá-vệ, Pháp Hiển đếm được 98 tu viện xung quanh tinh xá Kỳ Hoàn; tất cả những tu viện này đều có tu sĩ ở chỉ trừ một tu viện. Tại đây Pháp Hiển để lại một mô tả chi tiết về Kỳ Hoàn Tinh Xá như sau:

"Từ cửa Nam, phía ngoài thành phố cách chừng 1200 bước, là nơi mà ngày xưa Sudatta [Từ-đạt] xây chùa. Cổng chùa mở về hướng Đông, trước có hai trụ đá. Trên cổng trụ đá bên trái là hình ảnh những con bò. Hai bên tu viện đều có những ao nước chảy trong veo, cây cối xanh tốt, hoa đủ màu rất đẹp mắt" (C: 3b; 13-14).

Pháp Hiển thêm rằng khuôn viên rộng rất của Kỳ Hoàn tinh xá có hai cổng lớn, một mở về phía Đông, một mở về phía Bắc. Cách 6-7 dặm về phía Đông, một mở về phía Bắc. Cách 6-7 dặm về phía Tây Bắc ngôi tinh xá là những phế tích của ngôi chùa mà tín nữ Vaisakha [Tỳ-xá-khư] đã xây cúng dường Phật và chư Tăng.

Ở thành phố Napika cách Xá-vệ 12 do-tuần. Pháp Hiển chỉ nói có nhiều chùa tháp tại các nơi kỷ niệm Đức Phật Câu-Lưu-Tôn giáng sinh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn. Có lẽ Phật giáo vẫn còn tồn tại ở đây nhưng Pháp Hiển không nói gì đến các hoạt động Phật sự tại đấy.

Điêu tàn hơn cả là cảnh tượng Ca-tỳ-la-vệ nơi Phật đản sinh, vì đô thị không có vua cũng không có dân, chỉ một vài tu sĩ sống tại đấy cùng với vài mươi gia đình cư sĩ.

Xứ Ràmagràma có một tu viện đặc biệt gọi là tu viện Sa-di ở đấy trụ trì luôn luôn là chú tiểu, và vài tu sĩ đang sống ở đấy. Cạnh tháp thờ Tro, cũng có một tu viện. Ở thành Câu-thi-na nơi Đức Phật nhập Niết-bàn, quang cảnh rất hoang phế. Thành phố vắng vẻ, chỉ có dăm ba tu sĩ và một ít cư sĩ lui tới.

Tại Tỳ-xá-li [Vaisàli], Pháp Hiển thấy tu viện lầu trong đó Đức Phật đã từng sống và ngôi tháp khác, nhưng ngài không nói gì đến sự hiện diện tu sĩ ở đây. Trong thành Ba-liên-phất cạnh ngôi tháp A-dục vương có một ngôi chùa

Đại thừa trang trí lộng lẫy, và cũng có một tu viện Tiểu thừa. Cả hai chùa có từ 600-700 tu sĩ, uy nghi giới hạnh khả kính. Đấy là nơi gặp gỡ cuả tất cả cao Tăng Đại đức từ mọi hướng tụ lại để nghiên tầm chân lý và tri thức triết học. Cách thành Ba-liên-phất 9 do-tuần, có một tượng Phật ngồi trong hang đá quay mặt về hướng Nam; ở vùng lân cận có một tu viện Pháp Hiển không ghi lại có tu sĩ hay không.

Trong thành Vương Xá mới, Pháp Hiển kể đến hai tu viện, một ngôi tháp tráng lệ được xây để thờ phần xá-lợi Phật của vua A-xà-thế và cảnh điêu tàn của tu viện Jivaka trong vườn Xoài [Ambavana]. Trong thành Vương Xá cũ là ngôi Trúc Lâm được chăm sóc cẩn thận bởi những tu sĩ có lẽ ở luôn tại đấy.

Tại Bồ-đề Đạo tràng nơi Đức Phật thành đạo có 3 tu viện có Tăng sĩ ở, họ được cư sĩ cúng dường sự không thiếu thứ gì. Họ tuân giữ giới luật rất nghiêm nhặt và trung thành với những pháp môn và chư Tăng thời Phật tại thế đã thực hành.

Trên đường đi từ Vàrànasi đến Ba-liên phất, Pháp Hiển đến tu viện Àtavi nơi Đức Phật đã từng ở, bấy giờ cũng còn có một vài vị Tăng cư trú. Tại Vàrànasi nơi đức Phật đã giảng bài pháp đầu tiên, có 2 tu viện có Tăng chúng ở. Chúng ta không được biết số lượng bao nhiêu và họ theo phái nào.

Tại xứ Câu-diệm-bi, cách Migadàya 13 do-tuần về phía Tây Bắc, có một tu viện tên Vườn Ghoshira nơi ngày xưa đức Phật đã từng ở, và bây giờ cũng còn một số tu sĩ thường trú phần lớn học giáo lý Tiểu thừa. Bây giờ những ngôi tháp vẫn còn đánh dấu nơi đức Phật đã sống, kinh

hành và ngồi thiền . Có một tu viện trong đó hơn 100 Tăng sĩ ở.

Về xứ Daksina, chúng ta không biết gì về tình trạng Phật giáo ngoại trừ mô tả sau đây về một tu viện tráng lệ kỷ niệm Phật Ca-diếp:

"Chùa được đục từ một núi đá lớn. Có 5 tầng, tầng dưới cùng có hình dạng một con voi và có 500 hang đá; tầng hai hình dạng con sư tử với 400 hốc đá; tầng ba hình con ngựa với 300 hốc đá; tầng bốn hình dạng một con bồ câu với 100 hốc đá (để ngồi thiền). Từ trên đỉnh, có một dòng nước chảy xuống lượng quanh những hốc đá qua một rãnh quanh co cho đến tầng cuối cùng, chảy theo đường các hốc đá rồi ra cổng. Nơi này nơi kia đều có một lối mở thông qua những hốc đá làm cho chúng được soi sáng, không có một góc nào chìm trong bóng đen. Những bực cấp cũng được đẽo từ đá ở 4 góc hang. Những người thời này vì tầm vóc nhỏ bé nên phải dùng những bực cấp để lên đến đỉnh, nhưng người xưa chỉ cần bước một bước. Vì vậy mà ngôi chùa được gọi là Po Lo Yueh, tiếng Ấn Độ có nghĩa là con Bồ câu. Hiện nay vẫn còn những vị La-hán đang ở" (C:6b; 16-20).

Tại xứ Champà, Pháp Hiển ghi nhận sự có mặt của nhiều chùa tháp và tu sĩ. Kế đến là xứ Tàmralipti nơi đạo Phật thịnh hành, có 24 tu viện đều có Tăng ở.

Kế đến ngài ghé đảo Lanka nơi Phật giáo rất thịnh. Pháp Hiển mô tả dông dài tình trạng Phật giáo trong xứ này:

"Đức Phật đến xứ này để hàng phục một con rồng dữ. Với năng lực thần thông. Ngài đặt một chân ở phía Bắc kinh thành và chân kia ở trên đỉnh núi, hai chân cách nhau

15 do-tuần Quốc vương dựng một ngôi tháp lớn tại dấu chân ở phía Bắc kinh thành, cao đến 40 trượng trang trí bằng vàng bạc và khảm đủ thứ châu ngọc. Bên cạnh ngôi tháp ngài xây một ngôi chùa tên Vô Úy Sơn. Bấy giờ có 5.000 tu sĩ cư trú. Ngài cũng xây một Phật đường nạm vàng bạc và rất nhiều châu báu trên vách và mái. Trong ngôi Phật đường này có một tượng Phật bằng ngọc bích cao chừng 2 trượng. Toàn thân Phật chiếu ra ánh sáng của 7 thứ ngọc quý rực rỡ huy hoàng không thể nào tả xiết. Trong lòng tay trái của pho tượng có viên ngọc vô giá" (C: 7a; 16-18).

"... Quốc vương trước kia của xứ này đã gởi một sứ thần đến đất Ấn để xin về một hạt cây Peito [bối-đa] để trồng. Hạt giống vươn lên thành một cây cao 20 trượng nghiêng về hướng Đông Nam. Quốc vương sợ cây đổ nên ra lệnh xây một cột trụ lớn bằng 8-9 người ôm để chống đỡ. Tại chỗ cây được chống đỡ, có một cành đâm xuyên qua cột trụ xuống đất mà đâm rễ. Cành ấy lớn đến 4 người ôm. Cột trụ mặt dù bị cành cây xuyên thủng vẫn còn đứng.

"Dưới cây ấy người ta dựng một ngôi tu viện trong đó có một tượng Phật ngồi, Tăng tục đến đảnh lễ không ngớt. Trong thành, dựng một ngôi chùa thờ Răng Phật, vách mái toàn bằng bảy thứ quý báu. Quốc vương sống đời Phạm hạnh và dân chúng trong thành tín mộ Phât pháp. Từ khi đất nước này thành lập, trong xứ không có nạn đói, binh đao. Kho tàng của chư Tăng chứa nhiều kim loại quý và ngọc vô giá. Có lần Quốc vương vào xem kho tàng ấy, trông thấy ngọc quý đã khởi lòng tham muốn chiếm đoạt; ba hôm sau ông hối hận đến trước chư Tăng đảnh lễ phát lộ ý xấu của mình. Vì việc này, vua đã đề nghị với chư Tăng lập một thông lệ từ này trở đi đừng để cho bất cứ vị

Quốc vương nào vào xem kho tàng, và chỉ cho phép những vị Sư 40 tuổi hạ trở lên mới được vào" (C: 7a; 20-70; 1-4).

Đoạn Pháp Hiển mô tả hoàn cảnh đạo Phật ở nơi này:

"Trong thành có nhiều cư sĩ trưởng giả và thương gia, nhà cửa tráng lệ, đường sá bằng phẳng và thẳng tắp. Tại những giao lộ có xây những giảng đường. Mỗi tháng vào ngày mồng 8, 14, 15 đặt những tòa cao để tứ chúng hội lại nghe Pháp. Theo người dân trong xứ nói, có chừng 60.000 tu sĩ được dân chúng cung cấp thực phẩm, còn Quốc vương thì cúng dường thức ăn cho 5.000-6.000 chư Tăng nội thành. Khi các Sư cần thực phẩm, họ chỉ việc đem bát khất thực của mình ra, nhận được đầy bát theo sức chứa của nó" (C: 7b; 4-6).

Pháp Hiển còn nói đến một tu viện tên Bồ-đề ở cách chùa Vô Úy Sơn 40 dặm, ở đấy có 2000 tu sĩ cư trú. Trong số ấy có một vị Sư tên Dharmakirti [Pháp Xứng] nổi tiếng về tâm đại bi. Rồi ngài nói đến một đại tu viện khác, chùa Đại Tòng Lâm, nơi có 3.000 Tăng sĩ. Tại đây có một vị Tăng giới hạnh thù thắng mà người ta tin là đã chứng A-la-hán. Pháp Hiển đã không thể đích thân gặp ngài vì ngài đã viên tịch trước đấy, nhưng khi đến đảo Lanka, Pháp Hiển đã tham dự lễ hỏa táng nhục thân được tổ chức một cách long trọng và trang nghiêm.

-2-
Đời sống tu sĩ

Vì Pháp Hiển rất tinh tế trong việc quan sát cách hành trì giới luật của chư Tăng Tích Lan và Ấn Độ, và ghi lại đủ mọi chi tiết liên hệ đến đời sống tu sĩ, nên ký sự của ngài cho ta một bức tranh khá chính xác về đời sống tu viện ở vùng đất "Trung thổ" này, cùng các xứ khác mà ngài đã đi qua vào thế kỷ thứ V.

a. Phận sự của Tỳ-kheo:

Là một tu sĩ quan tâm đến đời sống tu hành, Pháp Hiển đã nhận xét chư Tăng thực hành những phận sự như sau:

"Chư Tăng thực hành công đức xem như bổn phận thường ngày. Họ còn tụng kinh và ngồi thiền ..." (C: 3a; 1-2). Điều này nhắc ta nhớ lại lời Đức Phật khuyến cáo Tăng chúng ta hãy xem việc học Pháp hoặc ngồi thiền như là nhiệm vụ thiêng liêng của mình: "Các Tỳ-kheo chỉ có hai phận sự, là học Pháp và Thiền Quán".

Ngài còn chú ý đến một công việc khác của chư Tăng.

"Bất cứ nơi nào có Tăng chúng ở, họ đều xây tháp thờ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-Liên và A-nan, tháp thờ Kinh Luật Luận (C: 3a; 3). Ni chúng phần nhiều thờ Tôn giả A-nan vì chính Tôn giả đã xin Phật cho phép phụ nữ xuất gia thành Tỳ-kheo-ni. Các chú tiểu phần nhiều thờ tháp Tôn giả La-hầu-la. Các Luận sư lễ tháp thờ các bộ Luận, các Luật sư thờ các bộ Luật. Những lễ cúng dường được dâng mỗi năm một lần vào ngày đã định. Những người theo

Đại thừa thì thờ tháp kinh Bát-nhã, Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Quan Âm..." (C: 3a; 5-6).

Ở đây ta chú ý vai trò chư Tăng trong việc dựng tháp nhất là tháp thờ Kinh Luật Luận. Việc này không xảy ra trong lúc Phật còn tại thế. Nhưng ngày nay việc chư Tăng đảnh lễ tháp là chuyện thông thường, và sự thờ kính Tam Tạng kinh điển rất thịnh hành tại Tây Tạng và Nepal.

b) Uy nghi của Tăng sĩ:

Pháp Hiển có nhận xét rất sắc bén về cung cách phẩm hạnh của các tu sĩ mà ngài gặp trong lúc hành hương.

Tại xứ Ô-di, ngài để ý có 4.000 tu sĩ theo Tiểu thừa giữ giới Luật rất tinh nghiêm.

Tại nước Vu Điền ngài đã mô tả cung cách của 3.000 tu sĩ ở tu viện Đại thừa Gomati [Cù-ma-đế] như sau:

"Tại đây 3.000 tu sĩ tụ họp để thọ thực khi có chuông báo hiệu. Họ đi vào phòng ăn với một tư thái tramg nghiêm và ngồi vào chỗ theo thứ tự. Tất cả đều im lặng không có một tiếng khua chén bát. Những vị Tăng khi muốn thêm đồ ăn không bao giờ cất tiếng gọi, mà chỉ ra dấu bằng tay chỉ" (C: 5a; 15).

Tại Ma-kiệt-đà trong thành Ba-liên-phất, Pháp Hiển ghi: "Cạnh tháp vua A-dục có một ngôi chùa Đại thừa rất tráng lệ. Lại còn có một ngôi chùa Tiểu thừa. Trong cả hai ngôi chùa, có từ 600-700 Tăng sĩ uy nghi khả kính thanh tịnh hòa nhã. Chư Tăng đạo cao đức trọng từ bốn phương hướng đều quy tụ đến tu viện này để tìm học Chánh Pháp" (C: 5a; 15-17).

Tại Bồ-đề Đạo tràng, Pháp Hiển nhận xét:

"Tại nơi Đức Phật thành Chánh giác có tu viện có chư Tăng cư trú. Họ nghiêm trì giới luật, giữ gìn oai nghi.

Những pháp hành trì của Thánh chúng vào thời Đức Phật tại thế vẫn còn được duy trì cho đến ngày nay" (C: 6a; 12 - 13).

c) Cách tiếp đãi khách Tăng:

Pháp Hiển còn để ý những tu sĩ ở đây đón tiếp một khách Tăng như thế nào:

"Khi có một khách Tăng đến, Tăng cựu trú đón chào, đỡ lấy y bát, đem nước rửa chân, dầu thoa, và nước giải khát. Sau khi nghỉ ngơi một lát, họ sẽ hỏi thăm tuổi hạ của khách Tăng rồi cung cấp phòng xá đồ nằm... đúng theo luật tu viện". (C: 3a; 2). Như thế ta thấy rằng Tăng vào thế kỷ thứ V đã duy trì nguyên vẹn nguyên tắc chào đón khách Tăng mà đức Phật đã chế định trong Cùlavagga [Tiểu Phẩm].

Khi Pháp Hiển đến xứ Ô-trường [Udyàna], ngài ghi nhận tục lệ này cũng thịnh hành tại 500 tu viện ở đấy. Bất cứ một vị Bồ-tát nào từ nơi khác đến đều được tiếp đãi 3 ngày; sau đó họ được yêu cầu tìm nơi khác.

d) Sự hành lễ dâng y Ca-thi-na:

Một tập tục khác được chư Tăng Ấn Độ tuân theo và duy trì, là lễ dâng y Ca-thi-na như Phật đã chế định trong Mahavagga [Đại Phẩm]:

"Một tháng sau kỳ an cư hàng năm, những gia đình muốn kiếm công đức rủ nhau làm lễ cúng dường chư Tăng. Chư Tăng tổ chức một cuộc hội họp trong đó Pháp được giảng cho dân chúng. Sau bài Pháp, là lễ dâng cúng tháp ngài Xá-lợi-phất với đủ thứ hương hoa đèn đuốc thâu đêm. Họ mướn những diễn viên diễn lại một đoạn đời của Tôn giả Xá-lợi-phất lúc ngài còn là một Bà-la-môn giàu sang xin đức Thế Tôn cho phép xuất gia làm Tỳ-kheo. Họ

cũng làm nhưng việc tương tự đối với cuộc đời Mục kiền Liên và Đại ca Diếp..." (C: 3a; 3-4).

"Khi chư Tăng đã thọ tuế, những vị Lão niên, Cư sĩ, Bà-la-môn... đem đủ thứ cần dùng cho chư Tăng để hiến dâng lên Tăng-già. Tăng chúng sau khi nhận tứ sự cúng dường thì phân phối cho nhau. Từ ngày Đức Phật nhập Niết-bàn đến nay, những quy luật Tăng đoàn và các truyền thống hợp pháp đã được truyền thừa không gián đoạn". (C: 3a; 6-7).

e) Một vài vị danh Tăng:

Trong ký sự của ngài Pháp Hiển cũng kể đến một vài danh Tăng ngai đã gặp trên đường hành hương. Sự hiện hữu những danh Tăng này giúp ta biết được vai trò cao quý của họ trong việc duy trì và hoằng đường giáo pháp.

Khi Pháp Hiển đến Ba-liên-Phất ngài kể rằng trong một ngôi chùa gần tháp A-dục vương, "Có một bực thầy tên Văn-thù [Manjusri] được chư Tăng cao đức và các Tỳ-kheo Đại thừa trong xứ cung kính tôn trọng" (C:5a, 17).

Lại trong đô thành Ba-liên-phất, một danh Tăng khác lôi cuốn sự chú ý của ngài. "Có một tu sĩ Đại thừa thuộc dòng Ba-la-môn tên Radhasvàmi cư trú trong thành này. Ngài thông tuệ, nắm vững tất cả tri kiến, lại sống một đời phạm thanh tịnh. Quốc vương tôn trọng xem như bậc Thầy; mỗi khi viếng thăm ngài, Quốc vương không dám ngồi trước mặt. Khi vua có cầm tay Ngài vì lòng quý mến tôn trọng, thì sau đó ngài rửa tay. Ngài đã ngoại ngũ tuần, được cả nước tôn kính. Nhờ một vị Tăng này mà Phật giáo được truyền bá rộng rãi và ngoại đạo không dám coi thường" (C: 5a, 13 - 15).

Khi Pháp Hiển đến nước Sư Tử ngài đã ghi lại:

"Cách chùa Vô Úy Sơn 40 dặm về phía Đông, ngự trên đỉnh núi có ngôi chùa Bồ-đề chứa 2.000 tu sĩ. Trong số này có vị cao Tăng tên gọi Dharmakìsti (Pháp Xứng), người trong xứ rất tôn trọng cung kính. Ngài ở trong hang đã gần 40 năm. Tâm đại bi của ngài ảnh hưởng cả loài vật, đến nỗi trong hang động rắn và chuột sống chung mà không hại nhau" (C: 7b; 13-14).

Cũng trong quốc gia ấy, Pháp Hiển kể về sự hiện diện của một danh Tăng khác trong tu viện Đại Tòng Lâm:

"Cách đô thành 7 dặm về phía Nam, có một tu viện gọi là Mahavihara [Đại Tòng lâm]; ở đấy có 3.000 tu sĩ. Trong số ấy có một vị Tăng đức độ cao siêu, phạm hạnh tinh khiết nên người trong nước nghi ngài là một bậc La-hán. Khi ngài sắp chết, Quốc vương đến thăm, như pháp triệu tập Tăng chúng và hỏi ngài có phải là một bậc A-la-hán không. Vị Tăng thành thật trả lời: "Phải, tôi là một vị La-hán". Sau khi ngài viên tịch, Quốc vương làm lễ hỏa táng đúng theo nghi thức dành cho một vị La-hán được đề cập trong kinh luật, nơi hỏa táng cách phía Đông tu viện 4-5 dặm. Người ta chất gỗ tốt cao hơn 3 trượng, vuông vức 3 trượng. Trên đỉnh đặt gỗ trầm và các thứ gỗ thơm khác. Bốn phía đều có những bực cấp để đi lên. Phía ngoài dùng vải trắng mịn để bao quanh dàn hỏa làm nó trông giống như một chiếc xe lớn. Cỗ quan tài cũng tương tự như ở Trung Quốc nhưng không có vẽ cá, rồng. Đến lúc hoả táng, vua và dân chúng trong nước cùng với bốn chúng đệ tử đều nhóm họp để dâng cúng hoa hương; rồi họ theo quan tài đến nơi hỏa táng. Khi ấy vua dâng lễ cúng dường trước. Sau khi cúng dường, quan tài được đặt lên trên đỉnh dàn hỏa, bơ và dầu được rưới khắp dàn rồi bật lửa. Khi lửa đang cháy, mọi người tỏ lòng kính trọng bằng cách cởi bỏ

thượng y, và từ xa họ ném vào dàn hỏa những dụng cụ bằng lông và dù, lọng để giúp lửa cháy. Khi lễ hỏa táng kết thúc, tro còn lại được thâu nhặt để xây tháp thờ. Pháp Hiển không kịp yết kiến vị này lúc sống, chỉ có thể chứng kiến lễ hỏa táng của ngài." (C: 7b, 14-19)

e) Sự trọng Tăng:

Vì chư Tăng tuân giữ giới luật rất nghiêm nhặt, lại thiện xảo về thiền định và học vấn, nên ta không lạ khi thấy họ được các Quốc vương và dân chúng cung kính tôn trọng. Trong ký sự của ngài, Pháp Hiển đã mô tả lòng kính Tăng tại các xứ Phật thời ấy.

Ở nước Mathurà, ngài ghi lại cách các Quốc vương Ấn làm lễ cúng dường chư Tăng:

"Ở các quốc gia miền Tây sông Hằng (sa mạc Lob), các Quốc vương xứ Ấn đều là những tín đồ sùng đạo Phật. Mỗi khi cúng dường chư Tăng, Quốc vương cởi bỏ vương miện, và cùng với hoàng gia và đình thần, tự tay phục vụ thức ăn cho Tăng chúng. Sau khi ăn xong, họ trải thảm trên đất để ngồi trước mặt chúng Tăng, nhưng không dám dùng nệm hay ghế. Những phép tắc cúng dường chư Tăng mà đương thời Phật đã chế định cho vua chúa đến nay vẫn còn được truyền thừa" (C: 2b; 15-16).

Truyền thống ấy ngày nay vẫn còn áp dụng trong vài xứ Phật giáo như Cao Miên, Thái Lan... Pháp Hiển rất hài lòng khi ngài chứng kiến sự cúng dường trọng hậu của vua chúa và thường dân dành cho Tăng chúng.

g) Sự ngoại hộ của cư sĩ:

Một nét đặc sắc trong tình trạng Phật giáo vào thời Pháp Hiển là sự hổ trợ không dè sẻn của vua chúa và cư sĩ

đối với chư Tăng. Khi kể về những tập tục ở Trung Thổ, Pháp Hiển viết:

"Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, các vị vua chúa, trưởng giả, cư sĩ đã xây những viện cho Tăng chúng và dâng cúng ruộng vườn, nhà ở, người làm và súc vật. Những của hiến tặng này được khắc trên một tấm biển bằng sắt và được vua chúa truyền cho nhau từ tục lệ ấy mãi đến ngày nay. Chư Tăng trong các tu viện được cung cấp thức ăn uống y phục đồ nằm không thiếu thứ gì. Khắp nơi đều như thế cả" (C: 2b; 20; 3a, 1).

Truyền thống ấy cũng thịnh hành ở nước Sư Tử, ở đấy Pháp Hiển kể lại Quốc vương đã xây chùa cho chư Tăng và cúng đất đai lương thực để duy trì sự sống của tu sĩ như thế nào.

"Quốc vương là một Phật tử thuần thành Ngài muốn xây dựng một tu viện mới cho các tu sĩ. Trước hết ngài tổ chức một lễ bố thí lớn và cúng dường thực phẩm cho chư Tăng. Rồi ngài chọn một cặp bò tốt nhất của mình, trang sức những cặp sừng của chúng bằng vàng bạc và những thứ quý khác, và sai làm một cái cày bằng vàng. Đoạn ngài đích thân cày bốn phía và dân cúng mảnh đất ấy cho chư Tăng gồm cả cư dân, nhà cửa ruộng vườn trong phạm vi ấy. Việc này được khắc trên một tấm bản bằng đồng. Từ lúc ấy trở về sau, bản khắc được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, không ai dám gián đoạn hay hủy bỏ" (C: 7b, 19-20; 8a, 1).

Khi đến nước Cao Xương, Pháp Hiển chứng kiến đại hội ngũ niên được tổ chức trong đó chư Tăng rất được tôn trọng cúng dường.

"Trong đại hội này chư Tăng từ bốn phương đều được mời tham dự. Khi Tăng chúng tập họp, chỗ ngồi cuả họ được trang hoàng bằng cờ lọng, lại được làm đẹp thêm bằng những hoa sen vàng, bạc. Những tấm vải sạch được trải trên chồ ngồi. Quốc vương và đình thần theo truyền thống Phật giáo, dâng cúng lễ vật trong 1, 2 hay 3 tháng, phần nhiều vào mùa Xuân. Sau khi dâng lễ vật, Quốc vương khuyên đình thần dâng lễ vật cho chư Tăng dùng trong 1, 2, 3 cho đến 7 ngày. Khi tất cả sự cúng dường đã được làm xong, Quốc vương sai thắng yên cương con ngựa của mình và ra lệnh cho một vị quan trong triều cỡi lên nó. Rồi với vải trắng, đủ thứ châu báu và các vật cần dùng cho chư Tăng, tất cả những thứ này được vua và đình thần lập nguyện dâng cúng cho Tăng-già. Về sau họ chuộc lại những vật ấy từ chư Tăng" (C: 1b, 5-8).

Tại Bồ-đề Đạo tràng, Pháp Hiển nhận xét chư Tăng ở 3 tu viện tại đấy được dân địa phương cung cấp vật dụng không thiếu.

Tại quốc gia Sư Tử, dân chúng cho Pháp Hiển biết có khoảng 60.000 tu sĩ được quần chúng hổ trợ thức ăn, còn vua thì cúng thực phẩm cho 5.000-6.000 Tỳ-kheo nội thành. Khi cần, chư Tăng mang bát khất thực đi ra và được đầy bát tuỳ sức chứa.

Như vậy, bức tranh toàn cảnh mà Pháp Hiển đã ghi lại về toàn thể Tăng già nghiêm trì giới luật, cùng với sự cung kính cúng dường của vua chúa và thần dân đối với chư Tăng, là một điều rất cảm động và khá chính xác. Ở đây sự đóng góp của Pháp Hiển càng độc đáo hơn bởi vì nó đã bổ túc cho những gì thiếu sót trong Tây Du Ký của Huyền Trang. Nhà chiêm bái đời Đường đã bị lôi cuốn bởi những vấn đề khác nên quên bẵng mô tả đời sống tu sĩ, ngoại trừ

một vài con số tu sĩ và tu viện được ghi qua loa chiếu lệ. Pháp Hiển ngược lại, không quan tâm gì khác ngoài Giới Luật. Bởi thế ký sự của ngài đầy những chi tiết đem lại cho ta một hình ảnh khá đầy đủ về đời sống tu sĩ ở Ấn Độ và Tích Lan vào thế kỷ thứ V.

-3-
Các ngày lễ Phật

Trong cuộc hành hương chiêm bái của ngài, ngoài sự quan tâm chính yếu về những gì liên hệ đến kỷ luật Tăng đoàn, Pháp Hiển còn quan sát một số lễ lạc rất thú vị của Phật giáo và ghi lại theo ký ức. Những lễ lạc này chứng tỏ ảnh hưởng đạo Phật đã thâm nhập vào đời sống văn hóa và xúc cảm của quần chúng như thế nào.

Khi Pháp Hiển và các bạn đồng hành đến xứ Vu Điền, thì Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh và Huệ Đạt đi trước đến Cao Xương, còn Pháp Hiển và những người khác ở lại thêm 3 tháng để xem lễ rước tượng Phật. Ngài đã ghi lại một cách sống động cuộc lễ này trong tập ký sự:

"Từ ngày 1 tháng 4, tất cả đường sá nội thành đều được rưới nước và quét sạch; lề đường được trang hoàng rực rỡ. Phía trên cổng thành dựng một tàn lọng lớn trang hoàng đẹp đẽ, nơi ấy vua, hoàng hậu và các bà trong cung ngồi. Chư Tăng ở tu viện Cù-ma-đế [Gomatì] theo Đại Thừa, được Quốc vương tôn trọng, diễn hành các tượng Phật đi trước. Cách thành 3-4 dặm, có một chiếc xe bốn bánh cao 3 trượng, hình dáng như một lâu đài di động. Xe được trang hoàng bằng 7 thứ quý báu, có treo tràng phan bảo cái bằng lụa. Hình ảnh Phật đứng giữa xe có hai Bồ-tát theo hầu, trong lúc hình chư Thiên bằng vàng bạc ngọc bích được treo trên không để làm thị giả. Khi tượng rước đến cổng thành còn chừng 100 bước, Quốc vương cởi bỏ vương miện, thay áo mới đi chân không, mang theo hoa hương mà ra khỏi cổng thành. Hoàng Hậu và các cung tần

đứng đợi từ xa chờ tung hoa và đốt hương. Khi tượng được rước vào cổng, Hoàng hậu và các phi tần rải hoa. Bằng cách ấy lễ rước được tổ chức với những loại xe hoa trang hoàng đủ cách. Mỗi tu viện phải diễn hành một ngày, từ ngày 1 đến ngày 14 tháng 4 thì chấm dứt. Khi lễ rước tượng kết thúc, Quốc vương cùng hoàng hậu và phi tần mới hồi cung" (C: 1a, 16-20; 1b, 1).

Lễ rước này, có lẽ được cử hành vào dịp Đản sinh của Phật vào ngày mồng 8 tháng 4 theo lịch Trung Quốc hoặc ngày rằm theo lịch Ấn Độ.

Khi đến đô thành Ba-liên-phất [Pàtaliputra] Pháp Hiển chứng kiến một lễ rước tượng khác được tổ chức hàng năm vào ngày 8 tháng 2 âm lịch là ngày xuất gia của Phật. Lễ rước được mô tả như sau:

"Mỗi năm vào ngày 8 tháng 2 một lễ rước tượng được cử hành. Người ta dùng một xe bốn bánh trên đó dựng một dàn bằng tre có 5 tầng ở giữa có một cột chống đỡ cao chừng hai trượng. Toàn thể trông như một cái tháp xung quanh vấn vải bông trắng, trên có hình chư Thiên trang hoàng bằng vàng, bạc, lưu ly, xung quanh treo tràng phan bảo cái. Bốn bên đều trang hoàng cảnh đức Phật ngồi với hai vị Bồ-tát đứng làm thị giả. Có 20 xe hoa được trang hoàng đủ kiểu, vào ngày ấy Tăng tục trong xứ họp lại, có âm nhạc, hát ca, dâng hoa hương cúng dường. Những người thuộc giai cấp Bà-la-môn đi ra đón tượng Phật tuần tự được rước vào và ở lại đấy trong hai đêm. Suốt đêm đèn được thắp sáng và những pho tượng được cúng dường bằng âm nhạc, hát ca và lễ kính. Lễ này được cử hành như vậy ở tất cả các quốc gia" (C: 5a; 18-20; 5b-1).

Tại nước Sư Tử, Pháp Hiển đã chứng kiến một lễ trưng bày Răng Phật và kể lại trong ký sự như sau:

"Răng Phật thường được trưng bày vào tháng 3. Mười ngày trước đó Quốc vương cho thắng một thớt voi lớn trang hoàng đẹp đẽ, sai một người có tài hùng biện mặc triều phục cỡi voi đánh trống loan báo như sau:

"Từ ba vô số kiếp, Bồ-tát đã thực hành hạnh Ba-la-mật không kể thân mạng. Ngài đã từ bỏ ngai vàng cung điện, vợ con, móc mắt mà cho người, cắt thịt để chuộc một con bồ câu, bố thí đầu, xả thân cho cọp đói ăn thịt không tiếc gì tủy não. Sau khi thực hành đủ các hạnh Ba-la-mật để lợi lạc hữu tình. Ngài đã thành Phật.

"Tại thế gian này, Ngài đã thuyết Pháp 45 năm để cải hóa con người, khiến ai chưa an ổn được an ổn, ai chưa giải thoát được giải thoát. Sau khi nguyện độ sanh đã hoàn mãn. Ngài nhập Niết-bàn.

"Từ ngày Phật nhập Niết-bàn đến nay đã 1497 năm trôi qua. Con mắt của thế gian đã khép lại, nỗi đau khổ của hữu tình vẫn còn dai dẳng. Mười ngày nữa. Răng Phật sẽ được cung nghỉnh đến chùa Vô Úy Sơn. Tất cả Tăng tục trong nước ai muốn gieo giống phước hãy sửa sang đường sá, trang hoàng các nẻo, và hãy sẵn sàng để cúng dường".

Sau lời công bố này, đức vua cho dựng hai bên lề đường 500 hình ảnh tiền thân Phật khi còn làm Bồ-tát, như Sudàna (Thiện Thí - Tu-đại-noa), Sama, Voi chúa, Nai và Ngựa. Rồi Răng Phật được đưa ra cung nghinh dọc đường. Trên đường những phẩm vật cúng dường được dâng cúng xá-lợi cho đến khi rước đến tu viện Vô Úy Sơn. Tại đấy Tăng tục đều đến tụ họp đốt hương thắp đèn và làm các cách cúng dường khác ngày đêm không dứt.

"Sau 90 ngày, Răng Phật mới được rước về tu viện trong nội thành. Tại tu viện nội thành, vào những ngày trai giới,

các cổng được mở rộng để dân chúng đến lễ bái xá-lợi Răng Phật đúng pháp" (C: 7b; 7-13).

-4-
Việc thờ cúng xá-lợi

Việc thờ cúng xá-lợi dường như đã bắt đầu từ lúc Phật còn tại thế, khi đức Phật cho Bhalluka và Tapassu một ít móng tay và tóc của Ngài để về thờ. Và sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, tro hỏa táng nhục thân Ngài được phân phối cho 8 quốc gia để xây tháp cúng dường. Khi viếng Ấn Độ và Tích Lan, Pháp Hiển đã chứng kiến sự thờ cúng xá-lợi được thực hành một cách rộng rãi tại các nước ngài đã đi qua và đã ghi lại trong ký sự. Đây là một đề tài rất thú vị để nghiên cứu.

Xá-lợi có thể được phân làm 3 loại. Đầu tiên là tro còn lại sau khi hỏa táng nhục thân Phật; rồi đến những di cốt thuộc về thân Phật như xương sọ, răng... Và cuối cùng là những vật dụng mà đức Phật đã dùng lúc sinh tiền như: Y, đồ chải răng... hoặc những vật có liên hệ ít nhiều đến Phật như là cái bóng của Ngài để lại trong hang động, tảng đá Ngài ngồi thiền ... Không những người ta đảnh lễ cúng dường xá-lợi cuả chư Phật trước ngài và xá-lợi của các đại đệ tử.

A- Xá-lợi Tro của Phật

Pháp Hiển ghi lại rằng tại Câu-thi-na, những chùa tháp được xây cất tại những nơi mà ngày xưa 8 Quốc vương đã phân chia xá-lợi của Phật. Khi đến Ràmagràma, một nơi cách chỗ Phật đản sinh 5 do-tuần về phía Đông, Pháp Hiển kể Quốc vương xứ này đã dựng một cái tháp lấy tên Ràmagràma để thờ phần xá-lợi dành cho nước ông. Pháp

Hiển cũng kể lại truyền thuyết liên hệ đến tháp này như sau:

"Gần ngôi tháp có một cái ao, một con rồng ở đấy canh giữ tháp. Ngày và đêm rồng đảnh lễ tháp. Khi vua A-dục lên ngôi, vua muốn phá hủy tám ngôi tháp. Rồng xuất hiện trước vua và đưa vua về cung điện của mình chỉ cho vua đủ mọi vật dụng cụ thờ cúng mà nói, nếu những vật cúng dường của vua tốt hơn những thứ này thì vua cứ việc phá tháp và lấy xá-lợi. Vua A-dục biết những phẩm vật cúng dường này không có trên thế gian, bởi thế vua bỏ đi". (C: 4b, 6-8).

Cũng trong nước này có ngôi tháp gọi là Tháp Thờ Tro, có lẽ chứa một ít tro của Phật. Vua A-xà-thế được một phần xá-lợi của Phật, và Pháp Hiển đã ghi lại, cách cổng thành Tân Vương Xá 300 bước về phía Tây, có một ngôi tháp tráng lệ do vua A-xà-thế dựng để thờ phần xá-lợi mà vua nhận được. Ở thành Ba-liên-Phất, Pháp Hiển kể, vua A-dục sau khi phá 7 ngôi tháp xong, đã xây 84.000 tháp thờ tro của Phật, đầu tiên là ngôi đại tháp cách kinh thành 3 dặm về phía Nam.

B- Xá-lợi các thân phần của Phật

1. Răng Phật:

Pháp Hiển ghi lại có 2 xá-lợi Răng Phật được thờ: một ở Cao Xương và một ở đảo Sư Tử. Tại Cao Xương, xá-lợi được xây tháp thờ trong khi ở đảo Sư Tử, xá-lợi được tàng trữ trong ngôi chùa thờ Răng Phật, làm bằng 7 thứ quý báu. Cái răng này được trưng bày vào giữa tháng 3 và người ta chuẩn bị linh đình để rước xá-lợi từ chùa này đến tu viện Vô Úy Sơn.

2. Xương đảnh đầu (xương sọ).

Pháp Hiển ghi lại việc thờ Xương sọ của Phật trong thành Hilo như sau:

"Trong thành Hilo có một ngôi chùa Xương đảnh Phật, chùa được dát vàng và trang hoàng bằng bảy báu. Quốc vương rất tôn trọng xá-lợi này. Vì sợ trộm, vua chọn 8 người quý tộc mỗi người giữ một khuôn dấu để bảo vệ xá-lợi. Mỗi sáng sớm, cả 8 người cùng đến kiểm tra dấu niêm phong. Sau đó cửa được mở ra. Họ dùng nước thơm rửa tay rồi cung nghinh xá-lợi ra ngoài chùa, tôn trí trên một đài cao làm bằng bảy báu có đế xoay tròn, xá-lợi được phủ bằng một cái bát thủy tinh; tất cả đều được trang trí bằng ngọc ngà lưu ly. Xương đảnh Phật có màu vàng nhạt, vuông vức 4 tấc Anh với đảnh nhô ra. Mỗi ngày sau khi xương đảnh Phật đã được thỉnh ra khỏi chùa, một người trong chùa lên lầu cao đánh chuông trống và thổi còi. Quốc vương nghe tiếng chuông trống thì đến chùa để cúng dường hoa hương, đảnh lễ xá-lợi rồi về. Vua đi vào bằng cổng phía Đông và đi ra bằng cổng phía Tây. Mỗi buổi chiều vua đều hành lễ như vậy trước khi lo việc triều đình. Các cư sĩ và trưởng giả cũng đảnh lễ cúng dường xá-lợi trước rồi mới về làm việc nhà. Mỗi ngày, tập tục này được thi hành không xao lãng. Sau lễ dâng cúng, xá-lợi lại được đưa vào trong chùa, đựng trong tháp Giải thoát cao hơn 5 tấc làm bằng bảy báu. Trước cổng chùa mỗi sáng có những người bán hoa hương cho những người muốn cúng dường. Khuôn viên tu viện này chiếm một khoảng vuông vức mỗi bề 30 bước, đất nơi này không rung chuyển dù khi có sấm sét động đất" (C: 2a, 17-20; 2b, 1-2).

3. Tóc và móng tay:

Tại xứ Nagarahàra, cách 100 bước về phía tây của hang có bóng mát Phật, có một cái tháp cao từ 70-80 bộ tương truyền do Đức Phật và chúng đệ tử ngài xây, chứa tóc và móng của Phật. Tại Sankàsya có những ngôi tháp kỷ niệm nơi đức Phật đã cắt tóc và móng tay.

C- Những di vật gồm các vật dụng mà Phật đã dùng:

Ngay cả những vật dụng mà đức Phật đã từng dùng cũng trở thành những đối tượng để tôn kính đối với quần chúng Phật tử. Pháp Hiển đã chứng kiến sự thờ phụng này hầu như ở khắp nơi ngài đi qua.

1. Bát khất thực:

Trong thành Purushapura, có một bát khất thực của Phật. Bát có thể chứa hai đấu; bát có đủ màu sắc mà nổi bật là màu đen. Người nghèo cúng một ít hoa bát đã đầy, trong khi ngươòi giàu thì dù bỏ bao nhiêu cũng không đầy bát. Hơn bảy trăm tu sĩ trong chùa giữ gìn bát ấy. Trước giờ ngọ trai, họ đem bát ra cùng với cư sĩ làm lễ cúng Phật, sau đó mới thọ trai. Buổi chiều đến giờ thắp hương cũng làm như vây. Ngày xưa Quốc vương nước Yue Chih [Nhục Chỉ] muốn đoạt cái bát này đã cất quân sang đánh. Khi chinh phục được nước này, vua muốn thỉnh bát đi vì ông cũng là một Phật tử sùng đạo. Vua tổ chức một đại lễ cúng dường Tam Bảo. Xong lễ, vua cho thắng một thớt voi lớn, đặt bát lên lưng voi. Nhưng voi quỵ xuống không chịu bước tới. Vua lại ra lệnh cho một chiếc xe bốn bánh mang bình bát đi. Nhưng dù có tám con voi kéo, xe cũng không tiến đi được bước nào. Vua biết mình chưa đủ nhân duyên để chiếm cái bát, lấy làn hổ thẹn. Ông bèn xây một cái tháp

và một ngôi chùa rồi cử một viên quan ở lại đấy mà thờ cúng bái.

Khi ở Tích Lan, Pháp Hiển ghi lại một bài giảng do một nhà sư Ấn tụng. Bài giảng này được xem là lịch sử cái bát khất thực của Phật, chứa nhiều yếu tố huyền thoại khá thú vị như sau:

"Đầu tiên bình bát của Phật ở Tỳ-xá-ly. Bây giờ nó ở Gandhàra. Sau nhiều trăm năm (vị Tăng nói rõ khoảng thời gian nhưng Pháp Hiển đã quên chi tiết này) bình bát lại trở về nước Yue Shih ở phía Tây. Rồi nhiều trăm năm sau nó sẽ đến xứ Vu Điền. Nó sẽ ở đấy nhiều trăm năm, rồi sẽ đến kinh đô Kucha. Sau nhiều trăm năm nó đến đất Hán. Sau nhiều trăm năm nó sẽ trở về đất Ấn, rồi thăng lên trời Đâu-suất. Khi trông thấy cái bát, Bồ-tát Di Lặc kêu lên: "Bát của đức Thích Ca mâu ni đã đến". Rồi cùng với chư Thiên, Di Lặc tuyên bố hãy cúng dường bát bằng hương hoa trong 7 ngày. Sau 7 ngày nó sẽ trở xuống Diêm-phù-đề. Khi ấy vua Rồng biển sẽ đưa bát xuống Long cung. Khi Di Lặc thành Chánh giác, cái bát sẽ thành 4 và trở về chỗ cũ trên núi Anna (Vinataka). Sau khi Di Lặc thành Phật, bốn vị vua trời sẽ làm như đối với Đức Phật trước (dâng cúng bát). Một ngàn đức Phật trong Hiền kiếp đều sử dụng cái bát này.

"Khi bát này biến mất thì Phật giáo cũng dần dần biến mất. Sau khi Phật giáo biến mất, thọ mạng con người giảm dần cho đến chỉ còn 5 năm. Khi thọ mạng giảm còn 5 năm, thì ngũ cốc, dầu, bơ cũng biến mất và con người trở nên ác độc, xấu xa đến nỗi cỏ cây cũng biến thành gươm giáo gậy gộc để giết hại lẫn nhau. Những người hiền thiện sẽ rút vào núi rừng. Khi những người xấu ác đã tàn hại lẫn nhau đến tận diệt, những người vào núi lại đi ra và bảo

nhau: "Thọ mạng người xưa rất dài; nhưng do tạo nhiều ác nghiệp mà thọ mạng chúng ta ngày nay rút ngắn chỉ còn 5 năm. Vậy chúng ta hãy làm thiện hành, có tâm thương xót, đào luyện đức tin và chính trực". Rồi họ đào luyện đức tin và chính trực, nên dần dần thọ mạng tăng lên 8 vạn tuổi. Khi Di Lặc ra đời và chuyển Pháp luân lần đầu, trước tiên ngài sẽ hóa độ những đệ tử của Phật Thích Ca, những người đã đi tu, những người đã quy y thọ 5 giới, 8 giới và cúng dường Tam Bảo. Nhóm thứ hai và thứ ba được ngài cứu độ là những người có duyên lành."

Lúc ấy Pháp Hiển muốn ghi chép toàn thể bài giảng nhưng vị sư nói không có bản viết thành văn, mà chỉ học thuộc lòng (C: 8a, 1-9).

Pháp Hiển còn kể lại sự thờ kính một bát khất thực khác của Phật. Trên đường đến Tỳ-xá-ly, ngài đến một nơi mà ngày xưa đức Phật đã cho người dòng họ Licchcavi [Ly-sa] bình bát khất thực của Ngài làm kỷ niệm. Khi đức Phật du hành đến nơi Ngài sẽ nhập Niết-bàn, những người dòng họ Ly-sa muốn đi theo ngài. Đức Phật không cho họ đi theo, nhưng vì cảm mến Ngài, họ không chịu trở lui về. Bởi thế Phật hóa hiện một cái hố sâu ngăn cách giữa Ngài và những người này để họ không qua được, rồi Ngài cho họ bình bát của Ngài để làm xá-lợi. Một trụ đá ghi khắc việc này được dựng lên tại chỗ ấy.

2. Tích trượng của Phật:

Cách thành Nagarahàra một do-tuần về phía Đông Bắc, có một ngôi chùa được xây để thờ tích trượng của Phật làm bằng gỗ chiên đàn dài khoảng 16-17 tấc. Tích trượng được đặt trong một hộp gỗ dài, dù trăm người ngàn người cũng không thể di chuyển.

3. Áo Phật:

Cũng trong xứ Nagarahàra, có một ngôi chùa thờ áo Phật. Theo tường thuật của Pháp Hiển, dân chúng rất sùng tín đối với áo này mỗi khi gặp hạn hán họ thỉnh áo ra làm lễ dâng cúng để cầu mưa, và quả thực sau đó trời mưa.

4. Ống nhổ bằng đá của Phật:

Tại Cao Xương, Pháp Hiển kể đến một xá-lợi khác, đó là một ống nhổ bằng đá mà ngày xưa Phật đã dùng, nó có màu như bình bát của Ngài.

5. Bàn chải răng của Phật:

Ngoài cổng phía Nam của thành Vaisàkha và phía Đông con đường, là nơi mà ngày xưa Phật đã trồng một cây dương để lấy cành đương dùng chà răng. Cây dương này cao đúng 7 bộ, và chiều cao ấy không tăng không giảm. Một vài ngoại đạo Bà-la-môn ganh ghét muốn cắt bỏ nó, nhổ nó lên hoặc ném nó đi chỗ khác nhưng lại có cây khác mọc lên ngay tại chỗ cũ.

D- Xá-lợi gồm những vật có ít nhiều liên hệ đến đức Phật

Một đôi khi những dấu tích mà Phật đã để lại trên môt vài vật dụng cũng được bảo trì và tôn thờ như xá-lợi, chẳng hạn cái bóng của ngài, dấu chân của ngài...

1. Mỏm đá:

Tại xứ Udyàna, mỏm đá mà Phật thường phơi áo và hàng phục rồng dữ bây giờ vẫn còn. Mỏm đá này rộng 20 bộ, chiều cao của nó có chỗ 14 bộ, chỗ 20 bộ, và có một cạnh phẳng. Ở Gàya, Pháp Hiển ghi lại rằng cách hai dặm

về phía Bắc của nơi dâng cúng cháo sữa, là một tảng đá nơi đức Phật ngồi dưới một cây đại thụ để dùng cháo mà thiếu nữ Gramikas đã dâng. Tảng đá này vuông vức 6 bộ, cao 2 bộ, vẫn còn ở đấy khi Pháp Hiển chiêm bái.

2. Tảng đá:

Tại núi Linh Thứu, Pháp Hiển kể rằng tảng đá mà Đề-bà-đạt-đa lăn xuống để giết Phật hiện vẫn còn.

3. Cây:

Tại Gayà, cây lớn mà đức Phật đã ngồi dưới gốc để dùng cháo, đến nay vẫn còn. Theo Pháp Hiển, khí hậu ở đấy điều hòa nên cây có thể sống nhiều ngàn năm, cả đến một vạn năm. Ngài còn nói đến cây bối-đa tại Bồ-đề Đạo tràng, dưới cây ấy Đức Phật đã đạt Chánh giác. Một hột giống của cây này đã được gởi đến nước Sư Tử để trồng gần Phật điện của tu viện Vô Úy Sơn. Pháp Hiển đã mô tả cây ấy như sau:

"Vị vua xứ này ngày xưa đã gởi một sứ giả đến Ấn Độ để xin về một hột cây bối-đa và đã trồng nó gần Phật đường. Hột giống đã Tăng trưởng thành một cây lớn cao 20 trượng nghiêng về phía Đông Nam. Sợ cây ngã, vua đã ra lệnh dùng một cây trụ khổng lồ 8, 9 người ôm để chống đỡ. Tại nơi cây được chống, một cành mọc xuyên qua cột trụ, đâm xuống đất và mọc rễ. Cành lớn đến 4 người ôm. Cột trụ mặc dù bị cành xuyên thủng vẫn còn đứng đấy, không bị dời đi. Dưới đây này người ta xây một ngôi chùa thờ một tượng Phật ngồi. Tăng tục đến lễ bái không dứt" (C: 7a, 20; 7b, 1 - 2).

4. Hang:

Tại Vương Xá trên đỉnh núi Linh Thứu có một cái hang trong đó Phật thường ngồi thiền định. Cách 30 bước về

phía Đông Bắc của hang này, có một hang khác của ngài A-nan. Có một lần khi Tôn giả A-nan đang ngồi thiền , Ác ma biến thành hình một con chim thứu bay đến khủng bố A-nan. Do năng lực thần thông đức Phật biết được, đã duỗi tay ra vỗ vai A-nan để uỷ lạo ngài. Theo ký sự Pháp Hiển, thì dấu vết của chim thứu, cái lỗ xuyên qua đấy đức Phật đã đưa tay vỗ vai A-nan đến thời ấy vẫn còn.

5. Dấu móng tay Phật:

Khi rời thành Ba-liên-phất, Pháp Hiển đến một địa điểm cách đó 9 do-tuần, tại đây có một hang đá nằm trên đỉnh núi, bên trong có môt tượng Phật ngồi. Theo truyền thuyết, đây là nơi mà Đế Thích đi hỏi Phật 42 câu, cứ mỗi câu Đức Phật lại lấy móng tay làm dấu một vạch. Những dấu vạch này vẫn còn tồn tại khi Pháp Hiển chiêm bái.

6. Bóng Phật:

Phía Tây Nam một ngọn núi cao cách thành Nagarahàra nửa do-tuần, đức Phật đã để lại cái bóng của Ngài trong một hang động. Pháp Hiển kể, đứng cách xa chừng 10 bước, người ta có thể trông thấy cái bóng giống hệt như Phật thật với thân sắc vàng chói. Khi đến gần hơn cái bóng mờ dần. Các Quốc vương ở nhiều nước đã phái những họa sĩ tài ba đến vẽ lại cái bóng đó những không ai có thể ghi lại được. Người ta tin rằng cả ngàn Đức Phật đều đã để bóng lại trong hang. Ngày xưa, có một bóng Phật được trông thấy ở đây, sáng như thật, với đủ các đặc tướng. Nhưng về sau người ta không thấy được thường xuyên như trước, mà chỉ hiện ra một hình ảnh lờ mờ. Người nào tha thiết cầu nguyện, sẽ được thấy bóng Phật rõ ràng trước mắt mặc dù không lâu. Đến đời Huyền Trang, chính ngài cũng đã trông thấy bóng Phật khi đi chiêm bái. Cạnh Bồ-đề Đạo tràng trong một hang động,

nơi đức Phật ngồi kiết-già hướng về phương Đông trước khi đạt giác ngộ, cái bóng của Ngài cao gần 3 tấc xuất hiện trên vách đá trước mặt Ngài, như báo điềm Ngài sắp thành Phật. Pháp Hiển xác nhận cái bóng ấy vẫn còn được thấy vào lúc ngài đi chiêm bái.

7. Dấu chân Phật:

Dấu chân Phật được thờ tại 3 nơi: Udyàna. Ba-liên-phất và đảo Sư Tử. Truyền thuyết cho rằng khi Đức Phật đến miền Bắc Ấn, Ngài đã viếng thăm Udyàna và đã để lại nơi xứ này một dấu chân, kích thước của dấu chân này dài ngắn do tầm tri kiến người nhìn. Pháp Hiển đã xác nhận dấu chân ấy vẫn còn hiện rõ khi ngài đến chiêm bái. Đức Phật đã để lại một dấu chân khác tại thành Ba-liên-Phất trước ngôi đại tháp của vua A-dục, và người ta đã xây một ngôi chùa trên dấu chân, cổng mở về phía Bắc, hướng về tháp. Ở đảo Sư Tử, truyền thuyết ghi rằng Đức Phật đã có lần đến đảo này để hàng phục một con rồng dữ. Ngài đã để một chân ở phía Bắc thành, chân kia để trên đỉnh núi cách đó 15 do-tuần. Trên dấu chân này của Phật, một ngôi tháp lớn được xây cao 400 bộ, được trang hoàng bằng vàng bạc và đủ thứ châu báu.

E- Phật Ca-diếp, Độc giác, La-hán, và A-nan

Trong Phật Quốc Ký, Pháp Hiển còn đề cập sự tôn thờ xá-lợi của các đức Phật khác và các đệ tử của Phật.

1. Phật Ca-diếp:

Tại một thành phố tên Tadwa, nơi đức Phật Ca-diếp đản sinh và nhập Niết-bàn, có một ngôi tháp lớn được xây dựng trên những xá-lợi của ngài.

2. Độc giác:

Khi Pháp Hiển đến chùa Agnidagdha, ngài gặp một nơi dân chúng tin là chỗ nhập Niết-bàn của một vị Độc Giác. Chỗ ấy cỡ bằng một bánh xe, không có rau cỏ nào mọc, mặc dù xung quanh đầy cỏ. Cũng không có cỏ mọc tại chỗ mà Đức Phật đã phơi áo, để lại những lằn y trên đất. Pháp Hiển ghi nhận rằng những dấu vết ấy vẫn còn được thấy.

3. La-hán:

Tại chùa Agnidagdha theo Pháp Hiển kể, có lần một vị La-hán rửa tay, nước giọt từ hai bàn tay của ngài đã để lại dấu trên mặt đất đến nay vẫn còn. Pháp Hiển thêm rằng mặc dầu bị cọ xát nhiều lần, những dấu vết ấy vẫn không biến mất.

4. Xá-lợi A-nan:

Tại Tỳ-xá-ly, theo Phật Quốc Ký, về phía Bắc đô thành, có một ngôi tháp xây trên một nửa phần xá-lợi của Tôn giả A-nan. Nửa phần kia được vua A-xà-thế mang đến Vương Xá, Pháp Hiển không nói gì về việc tại Vương Xá có xây tháp A-nan hay không.

F. Việc thờ xá-lợi theo xứ sở

1. Cao Xương:

Trong xứ này có tháp thờ ống nhổ bằng đá ngày xưa đức Phật đã dùng, và tháp thờ Răng Phật.

2. Ô-trường [Udyàna]:

Theo truyền thuyết khi Phật đến thăm miền Bắc Ấn, Ngài đã để lại dấu chân ở đấy, lại có một núi đá nơi Phật phơi áo và hàng phục rồng dữ.

3. Phất lâu sa [Purushapura]:

Tại đây thờ bát khất thực của Phật, dung lượng hai đấu, có đủ màu, màu đen nổi bật. Bình bát có 4 lớp được trông thấy rõ ràng, mặt bình bát láng bóng.

4. Thành Hilo:

Đây là nơi có chùa thờ xương sọ của Phật, toàn thể ngôi chùa được dát vàng và trang hoàng bằng bảy báu.

5. Nagarahàra:

Tại đây răng Phật được thờ trong một cái tháp. Tích trượng của Phật bằng gỗ trầm dài 16 - 17 bộ được đặt trong một cái hộp gỗ và được thờ trong một ngôi chùa xây để thờ tích trượng. Một xá-lợi khác được thờ ở đây là áo Phật, dùng để cầu mưa khi có hạn hán. Trong một hang đá ở trên núi cao cách thành này nửa do-tuần về phía Nam, có một cái bóng đức Phật để lại, đã trở thành đối tượng tôn thờ. Cái bóng này giống như đức Phật còn sống, có lần Ngài đã cạo tóc và cắt móng tay tại đây. Một cái tháp được chính đức Phật và các đệ tử xây lên ở nơi này.

6. Sankàsya:

Tại chùa Agnidagdha, có thờ dấu tích để lại của một vị A-la-hán giọt nước rửa tay rơi xuống đất, tại đây một ngôi chùa được dụng lên. Lại có một tu viện được xây để kỷ niệm chỗ mà môt vị Độc Giác Phật đã từng nhận thức ăn, chỗ Ngài nhập Niết-bàn, và nơi Ngài phơi áo, Pháp Hiển thêm có những lần y vẫn còn lưu dấu.

7. Vaisàkha:

Một cây dương cao đến 7 bộ mọc lên từ cành dương Phật đã dùng để chà răng. Cây này chiều cao không tăng giảm.

8. Ràmagràma:

Một phần xá-lợi của Phật được thờ trong một ngôi tháp do Quốc vương xứ này xây dựng.

9. Ba-liên-phất:

Trước mặt ngôi tháp lớn do A-dục vương xây, có một ngôi chùa được dựng lên trên một dấu chân Phật.

10. Tỳ-xá-ly:

Trong một ngôi chùa có lầu ở Ngôi Rừng Lớn (Đại Lâm), có một ngôi tháp được xây trên nửa phần xá-lợi của Tôn giả A-nan.

11. Vương Xá:

Tại đây có một tháp lớn do vua A-xà-thế xây để thờ một phần xá-lợi của Phật. Trên đỉnh núi Linh Thứu trong một hang động, có những dấu vết của chim thứu đến khủng bố A-nan và cái lỗ do bàn tay Phật tạo nên khi Ngài đưa qua vỗ vai A-nan để trấn an Tôn giả. Ở đây cũng còn tảng đá mà Đề-bà-đạt-đa đã lăn xuống, làm ngón chân Phật bị thương. Trên một mỏm núi cách thành Ba-liên-phất 9 do-tuần có những dấu tay của Phật vạch trên đá khi trả lời 42 điểm Đế Thích hỏi. Những dấu này còn khi Pháp Hiển chiêm bái.

12. Bồ-đề Đạo tràng:

Cây và đá nơi đức Phật ngồi để dùng cháo do các thiếu nữ Gramikas cúng vẫn còn khi Pháp Hiển đến viếng nơi này. Trong một hang động nơi Đức Phật ngồi trước khi giác ngộ, cái bóng của ngài cao chừng 3 tấc vẫn còn được thấy rõ.

13. Nước Sư Tử:

Đức Phật đã để lại một dấu chân ở phía Bắc vương đô khi Ngài đến xứ này để hàng phục một con rồng dữ. Trên dấu chân này được xây một tháp lớn cao 400 bộ, trang trí vàng bạc và đủ thứ châu báu. Có một cây Bồ-đề mang từ Ấn Độ về trồng vẫn còn lớn mạnh. Nhưng xá-lợi quan trọng nhất ở đây là một cái răng Phật được thờ trong một ngôi chùa xây toàn bằng 7 báu.

-5-

Việc thờ tháp

A- Nguồn gốc

Tập tục thờ tháp dường như đã bắt đầu ngay từ thời đức Phật, như giai thoại sau đây được các nhà Hữu Bộ truyền tụng, đã chứng tỏ. Có lần trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, khi Ngài du hành trong nhân gian để giáo hóa, con luôn mong muốn được chiêm ngưỡng ngài. Xin Thế Tôn cho con một vài kỷ vật để con có thể thờ kính". Phật liền cho ông ta một ít tóc và móng tay Ngài và nói: "Ông hãy thờ kính những thứ này". Cấp Cô Độc nói: "Bạch Thế Tôn, xin Ngài cho phép con xây tháp thờ những tóc và móng tay này." Đức Phật liền cho phép ông ta xây tháp.

B- Số lượng tháp

Khi Pháp Hiển viếng thăm Ấn Độ, ngài nhận thấy sự thờ pháp lan truyền khắp, và hầu hết các nước Phật giáo đều có rất nhiều tháp mà các Quốc vương và dân chúng đều đến cúng dường lễ bái rất thành kính.

Ở Ba-liên-phất, Pháp Hiển kể ràng vua A-dục đã giật sập 7 ngôi tháp cũ và xây 84.000 ngôi tháp mới trong nước. Ở thành Nagarahàra có nhiều tháp nhất, hơn 1.000 ngôi. Tại thành Agnidagdha, có 100 ngôi tháp nhỏ nhưng người ta không thể đếm số lượng thật sự, dù có bỏ ra cả ngày để đếm.

C- Một vài tháp lớn

Cái tháp cao nhất và hùng vĩ nhất có lẽ là ngôi tháp do vua Ca-nị-sắc-ca xây ở Purashapura. Pháp Hiển ghi rằng, tháp này cao 400 bộ làm bằng đủ thứ châu báu, và là tháp đẹp nhất ở Diêm-phù-đề. Tại xứ Takshasilà, những ngôi tháp lớn được trang hoàng bằng nhiều báu vật, và các vua quan dân chúng từ nhiều nơi tranh nhau dâng hoa hương và đèn không ngớt. Lại cần chú ý đến tháp do vua A-dục xây ở Ba-liên-phất cách hơn 3 dặm về phía Nam của châu thành. Ngôi tháp này phải rất hùng vị vì đó là ngôi tháp đầu tiên trong 84.000 tháp mà vua định xây.

D- Tháp do chính đức Phật xây

Hầu hết các tháp đều do vua chúa và dân chúng xây để tỏ lòng kính mộ Phật và các đệ tử của Ngài. Pháp Hiển ghi lại một trường hợp trong đó chính Đức Phật cùng với một số đệ tử của Ngài tham gia xây tháp. Tại xứ Nagarahàra, có một tháp cao 70-80 bộ được Phật và các đệ tử xây trên tóc và móng tay của Ngài để làm mẫu cho sự xây dựng bảo tháp trong tương lai.

E- Các loại tháp

Tháp có thể chia làm hai loại:

1) Tháp cúng dường, được xây trên xá-lợi của Phật và các bậc Thánh khác;

2) Tháp kỷ niệm, để đánh dấu những nơi liên hệ đến vài biến cố hay vài hoạt động của đức Phật và một số đại đệ tử của Ngài.

Về tháp cúng dường, có thể kể tháp thờ Răng Phật, Nagarahàra, và tháp do vua A-xà-thế xây trên phần xá-lợi Phật mà ông nhận được. Về tháp kỷ niệm, ta có thể kể đến điển hình như tháp xây kỷ niệm chỗ Phật rời cung điện đi ra cổng thành phía Đông, thấy một người ốm và đã ra lệnh cho Kapilavastu [Ca-tỳ-la-vệ], hoặc ngôi tháp dựng lên tại chỗ đức Phật đã giảng pháp cho 5 anh em Kiều Trần Như tại Vườn Nai.

F- Tháp thờ bốn đức Phật

Đấy là những tháp cúng dường và kỷ niệm, được xây trên xá-lợi hay những nơi liên hệ đến những hoạt động của chư Phật trước kia, một vị Độc Giác, Phật Thích Ca, một số La-hán và đại đệ tử của Phật cùng Tăng-già nói chung.

Tại xứ Vaisàkha, những ngôi tháp được xây trên những chỗ mà bốn vị Phật đã từng kinh hành, ngồi thiền , tàn tích còn được thấy vào thời kỳ Pháp Hiển chiêm bái. Tại Sankàsya cũng thế, có những ngôi tháp kỷ niệm nơi ba vị Phật trước đức Thích Ca đã sống, và bất kể nơi nào có hình ảnh và dấu vết đức Phật Thích Ca. Tại Xá-vệ có những nôi tháp để kỷ niệm Phật Ca-diếp giáng sinh và gặp thân phụ, nhập Niết-bàn. Cũng có một ngôi tháp lớn được dựng trên những nơi đức Phật Câu-lưu-tôn giáng sinh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn. Chưa đến một do-tuần về phía Bắc, có những ngôi tháp xây trên những nơi Phật Câu-na-hàm-ni giáng sinh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn.

G - Tháp thờ các vị Độc giác và La-hán

Ở xứ Nagarahara có đến một ngàn ngôi tháp thờ Độc Giác và La-hán. Ở Tỳ-xá-ly, có hai ngôi tháp thờ Độc Giác và La-hán. Ở Tỳ-xá-ly, có hai ngôi tháp xây để kỷ niệm hai vị vua tu hành thành Độc giác. Những tháp này có tên là tháp Buông Cung Kiếm liên hệ đến một huyền thoại.

H. Tháp thờ Phật Thích Ca

Điều đương nhiên là Phật Thích Ca được xây tháp thờ nhiều nhất tại khắp các quốc gia mà Pháp Hiển đã thăm viếng.

a. Các tiền thân của Ngài:

Có những tháp được xây trên những địa điểm liên hệ đến một vài tiền thân của Phật.

Tại Suvastu, có một nơi ở đấy trời Đế Thích đã thử Phật bằng cách giả dạng một con diều hâu cắp một con bồ câu; và Bồ-tát vì muốn cứu chim bồ câu, đã tự cắt thịt mình để chuộc con chim khốn khổ. Khi đạt thành Chánh Giác, đi qua nơi ấy Phật đã kể lại cho các đệ tử nghe chuyện tiền thân cuả Ngài, và chỉ chỗ Ngài cắt thịt cứu bồ câu. Thế là dân chúng dựng lên một ngôi tháp trang hoàng bằng vàng bạc.

Tại xứ Gandhàra, một ngôi tháp lớn được xây trang trí bằng vàng bạc ở địa điểm mà ngày xưa trong một tiền kiếp Phật đã bố thí mắt.

Ở nước Takshasilà, có hai nơi liên hệ đến đời trước của Phật. Khi còn là Bồ-tát, Ngài đã bố thí đầu nơi đây, do đó có địa danh Takshasilà nghĩa là chặt đầu. Từ đây đi hai ngày đường thì đến một nơi khác, chỗ tiền thân Phật đã xả thân cho cọp đói ăn thịt. Nhiều ngôi tháp trang hoàng

lộng lẫy được xây trên hai nơi này; được các vua quan và dân chúng từ khắp nơi đến chiêm bái.

b. Tro của Phật:

Pháp Hiển kể tại Câu-thi-na có một ngôi tháp được xây tại chỗ 8 vị vua xây để thờ phần xá-lợi dành cho mình. Pháp Hiển chỉ viếng được hai ngôi tháp, một tên Ràmagràma do vua cùng tên xây tại xứ của ông, nằm cách chỗ Phật giáng sinh 5 do-tuần về phía Đông. Ngôi tháp kia do vua A-xà-thế xây tại thành Vương Xá để thờ phần xá-lợi mà vua nhận được, tháp này nằm ngoài cổng thành 300 bước. Lại còn có một ngôi tháp gọilà Tháp thờ Tro tại Ramagràma. Tháp này có lẽ liên hệ đến tro của Phật. Ở thành Ba-liên-phất có một ngôi tháp lớn thờ tro Phật do vua A-dục xây; đây là ngôi đầu tiên trong 84.000 ngôi tháp mà vua A-dục định xây.

c. Tháp thờ thân phần của Phật:

1. Răng Phật: Ở Cao Xương, dân chúng dựng một ngôi tháp để thờ một cái răng của Phật. Tại Nagarahàra cũng có một ngôi tháp thờ xá-lợi Răng.

2. Tóc và móng tay: Ở xứ Nagarahàra cách 1.000 bước về phía Tây hang động Bóng Phật, chính đức Phật và các đệ tử đã xây một ngôi tháp cao từ 70 đến 80 bộ trên những tóc và móng tay của Phật. Sankasya có những ngôi tháp tại những nơi Phật đã cắt tóc và móng tay.

3. Dấu chân: Mặc dù dấu chân Phật được thờ ở 3 nơi Ô-trường [Udyàna], Ba-liên-phất [Pàtaliputra], đảo Sư Tử [Simhala], chỉ có nơi sau cùng này xây một ngôi tháp cao 400 bộ trên một dấu chân của Phật. Pháp này được trang hoàng bằng các loại vàng bạc và châu báu.

d. Các tháp liên hệ đến vài hoạt động của Phật.

Những tháp kỷ niệm này được xây trên những nơi liên hệ đến hoạt động của Phật, chúng có số lượng nhiều nhất và lan rộng nhất. Đương nhiên Pháp Hiển không thể nào kể cho hết, vì ngài không ghi lại những ngôi tháp không lôi cuốn sự chú ý của ngài, hoặc vì ngài cho là không đủ tầm quan trọng để nhắc đến. Các tháp được xây trên những chỗ như sau:

1. Nơi Thái tử đản sinh ở vườn Lâm-tỳ-ni.
2. Nơi Thái tử sau khi ra khỏi thành Đông trông thấy người ốm và bảo người đánh xe quay trở về Ca-tỳ-la-vệ.
3. Nơi Thái tử từ giã Xa-nặc và bạch mã Kiền Trắc, ở xứ Ràmagràma.
4. Nơi đức Phật tu khổ hạnh 6 năm.
5. Nơi Đức Phật có lần đã tắm và một vị Trời đã hạ thấp một cành cây cho Ngài vịn để bước lên khỏi mặt nước.
6. Nơi các cô gái dâng sữa và cháo cho Bồ-tát.
7. Nơi đức Phật ngồi trên tảng đá quay mặt về hướng Đông để dùng cháo ấy.
8. Nơi đức Phật thành Chánh giác.
9. Nơi đức Phật nhìn ngắm cây Bồ đề và thưởng thức đại lạc của giải thoát trong 7 ngày sau khi giác ngộ.
10. Nơi ngài kinh hành từ Đông sang Tây dưới cội Bồ đề.
11. Nơi chư Thiên dựng một đàn cao làm bằng 7 báu để dâng cúng Phật trong 7 ngày.
12. Nơi con rồng mù Mucalinda quấn quanh đức Phật trong 7 ngày.

13. Nơi đức Phật ngồi trên tảng đá xoay mặt về phương Đông dưới cây Nigrodha [Ni-câu-luật], lúc Phạm thiên hiện xuống thỉnh cầu Ngài thuyết pháp.
14. Nơi bốn vua Trời cúng dường bát cho Phật.
15. Nơi 500 người buôn dâng cúng Phật bột và mật; tất cả những nơi này đều ở Buddha Gàya [Bồ-đề Đạo tràng].
16. Nơi Phật ngồi xoay mặt về phía Đông thuyết pháp lần đầu hóa độ 5 anh em Kiều Trần Như.
17. Nơi Ngài tiên đoán tương lai của Phật Di Lặc.
18. Nơi rồng Y-bát-la [Elàpattra] hỏi Phật chừng nào nó thoát được lốt rồng.

    (Ba chỗ trên đây đều ở Vàrànasi trong vườn Nai.)

19. Nơi Đức Phật hóa độ ba anh em ông Ca-diếp và 1000 đệ tử ở thành Gàya.
20. Nơi đức Phật về thăm thân phụ.
21. Nơi đất rung động 6 lần khi 500 vương tử dòng Thích Ca đảnh lễ Ưu-ba-ly sau khi xuất gia.
22. Nơi Phật thuyết pháp cho chư Thiên trong Tứ thiên vương canh giữ bốn cổng giảng đường để ngăn vua Tịnh Phạn đi vào.
23. Nơi Đức Phật ngồi dưới cây Nigrodha xoay mặt về hướng Đông khi Di mẫu Mahàprajapàti [Đại Ái Đạo] dâng cúng Ngài một cái y.

    (Tất cả những biến cố trên đây xảy ra tại thành Ca-tỳ-la-vệ.)

24. Nơi Đế Thích và Phạm thiên từ cung trời 33 cùng với Phật xuống trần, ở Sankàsya.
25. Nơi Ni Utpala người đầu tiên đảnh lễ Phật khi Ngài từ cõi trời 33 trở xuống tại Sankàsya.
26. Nơi Đức Phật giảng pháp cho đệ tử tại Kànyakubja.

27. Nơi Đức Phật giảng pháp, kinh hành và ngồi thiền ở làng Hari.
28. Nơi Đức Phật thuyết pháp cứu độ nhiều người, nơi Ngài kinh hành, ngồi thiền ở thành Xá-vệ, mỗi tháp có một tên riêng.
29. Nơi đức Phật đứng bên vệ đường khi vua Lưu Ly sắp tấn công dòng Thích Ca tại Xá-vệ.
30. Nơi vua Lưu Ly tàn hại con cháu dòng họ Thích Ca và những người này khi chết đều đắc sơ quả tại Ca-tỳ-la-vệ.
31. Nơi Đức Phật cảm hóa một ác quỷ, cách 8 do-tuần về phía Đông vườn Ghoshira [Cù-sư-la] ở nước Kausàmbi [Câu-diệm-di].
32. Nơi Đức Phật ở, nơi ngài ngồi thiền và kinh hành, tại Champà.
33. Nơi Đức Phật cùng với chúng đệ tử rời Tỳ-xá-ly bằng cổng Tây, và quay về bên phải nhìn đô thành mà bảo: "Đây là nơi cuối cùng mà ta viếng thăm".
34. Nơi đức Thế Tôn nằm trong một quan tài bằng vàng và được lễ kính trong 7 ngày.
35. Nơi Vajrapàni [Kim Cương Thủ] bỏ kiếm vàng xuống.
36. Nơi Phật nhập Niết-bàn. Ba tháp sau cùng này đều ở Kusinàrà [Câu-thi-na].

I. Tháp thờ đại đệ tử của Phật

Với lòng nhiệt thành ngưỡng mộ đức Phật, quần chúng cũng không quên các đại đệ tử của Ngài nên đã xây nhiều đại tháp để cúng dường các vị ấy.

a. Dành cho Xá-lợi-phất:

Tại ngôi làng Kàlapinàka, cách một ngọn núi đơn độc, một do-tuần về phía Tây Bắc, một ngôi tháp được dựng tại chỗ Xá-lợi-phất sinh ra và nhập Niết-bàn.

b. Dành cho A-nan:

Một ngôi tháp được dựng trên nửa phần xá-lợi của A-nan tại thành Tỳ-xá-ly.

c. Dành cho Subhadra (Tu-bạt-đà-la):

Tại Câu-thi-na, một ngôi tháp được dựng tại chỗ đệ tử cuối cùng của Phật là Tu-bạt-đà-la gia nhập Tăng đoàn.

d. Dành cho Đại Ái Đạo:

Tại Xá-vệ, một ngôi tháp được dựng tại chỗ ngôi chùa đã đổ nát của Đại Ái Đạo.

e. Dành cho Cấp Cô Độc;

Ở Xá-vệ một ngôi tháp được xây trên di tích nhà của Cấp Cô Độc.

f. Dành cho Angulimàla (Vô Não):

Cũng ở Xá-vệ, có những ngôi tháp được xây tại những nơi Vô Não đã đắc quả A-la-hán và được hỏa táng sau khi chết. Ở đây Pháp Hiển kể rằng một số ngoại đạo Bà-la-môn vì ganh ghét muốn phá những ngôi tháp này nhưng bỗng sấm sét nổi lên làm họ sợ hãi bỏ chạy.

J. Tháp thờ kỷ niệm kỳ Kết tập thứ hai

Tại Tỳ-xá-ly, có một ngôi tháp được dựng để kỷ niệm nơi xảy ra đại hội. Kết tập kinh điển lần hai.

Ngoài những ngôi tháp nói trên, Pháp Hiển còn ghi lại một ngôi tháp do vua Kanishka [Ca nị-sắc-ca] xây, có lẽ để

cúng dường Phật, tại xứ Purusapura. Tháp này cao hơn 400 bộ, Pháp Hiển ghi rằng đây là tháp đẹp nhất trong khắp cõi Diêm-phù-đề, với tầm vóc vĩ đại và đủ loại trang hoàng quý báu.

Ở chùa Agnidagdha, Pháp Hiển kể có 100 ngôi tháp, nhưng ngài không nói rõ là tháp thờ những ai.

K. Những bảo tháp kể theo quốc gia

1. Vu Điền:

Trong tu viên Tân Hoàng Gia, Pháp Hiển kể có một ngôi tháp với một Phật điện tráng lệ đằng sau.

2. Cao Xương:

Có một ngôi tháp thờ Răng Phật.

3. Tú -ha-đa [Suvastu]:

Một ngôi tháp trang hoàng bằng vàng bạc, được xây tại chỗ tiền thân Phật đã cắt thịt mình để chuộc một con bồ câu.

4. Kiền-đà-vệ [Gandhàra]:

Một ngôi tháp lớn trang hoàng vàng bạc được xây tại chỗ tiền thân Phật đã móc mắt bố thí.

5. Trúc-sát-thi-la [Takshasilà]:

Tại nơi Phật trong một tiền kiếp đã bố thí đầu, và nơi Ngài xả thân cho cọp đói ăn thịt, cả hai nơi đều có tháp trang hoàng bằng các báu vật. Vua quan và dân chúng từ nhiều nước tranh nhau đến cúng dường rải hoa thắp đèn không dứt. Hai ngôi tháp này và hai ngôi tháp được nói ở trên làm thành bốn vĩ đại của Takshasilà.

6. Phất-lâu-sa [Purushapura]:

Tại đây có một tháp lớn cao 400 bộ do vua Ca-nị-sắc-ca xây. Tháp được trang hoàng bằng đủ thứ báu vật và được xem là đẹp nhất trong tất cả tháp ở Jambudvìpa [Diêm phù đề].

7. Na-kiệt [Nagarahàra]:

Một ngôi tháp được xây để thờ Răng Phật. Tại nơi đức Phật cắt tóc và các đệ tử đã xây một tháp cao 70-80 bộ, tháp này vẫn còn vào thời gian Pháp Hiển chiêm bái. Tại đây có đến 1.000 ngôi tháp thờ các bậc La-hán và Độc giác.

8. Tăng già-thi [Sankàsya]:

Một ngôi tháp được dựng tại nơi Tỳ-kheo-ni Utpala đảnh lễ Phật đầu tiên khi Ngài từ cung Trời Ba mươi ba trở xuống. Lại có những tháp kỷ niệm nơi Phật cắt tóc và móng tay, nơi ba đức Phật quá khứ và Phật Thích Ca đã kinh hành, ngồi thiền , và bất cứ nơi nào có hình ảnh dấu vết của chư Phật. Những ngôi tháp này vẫn còn. Một ngôi tháp được xây tại chỗ Trời Đế Thích và Phạm thiên theo Phật xuống trần.

9. Chùa Agnidagdha:

Tại đây có một ngôi tháp thờ đức Phật, tương truyền được các Thiện thần giữ gìn sạch sẽ không cần đến sức người. Một ông vua ngoại đạo muốn thách thức những phi nhân, đã kéo một đạo quân đến đóng, phóng uế xả rác thành đống lớn, nhưng phi nhân nổi gió mạnh thổi tan làm sạch sẽ chỗ ấy. Có hàng trăm ngôi tháp nhỏ ở nơi này, không ai đếm xiết dù có bỏ ra cả ngày mà đếm. Nếu người nào nhất định muốn biết số lượng, bằng cách đặt mỗi người đứng bên mỗi tháp rồi đếm số người, thì luôn luôn

có lúc thừa, lúc thiếu, rốt cuộc họ cũng không thể nào biết được số lượng chính xác.

10. Thành Kanyàkubja:

Một ngôi tháp được xây dựng tại chỗ đức Phật đã thuyết Pháp cho các đệ tử.

11. Làng Hàri:

Có những tháp được dựng tại nơi đức Phật thuyết pháp, kinh hành và ngồi thiền .

12. Vaisàka:

Có những ngôi tháp được xây tại chỗ bố vị Phật kinh hành và ngồi thiền , phế tích của những nơi ấy đến thời Pháp Hiển vẫn còn.

13. Xá-vệ:

Những tháp đã được xây lên tại di tích tu viện hoang phế của bà Mahàpajàpati [Đại Ái Đạo], nhà ông Cấp Cô Độc, nơi Vô Não đắc A-la-hán và nơi ngài được hỏa táng sau khi nhập Niết-bàn. Những tháp này bị ngoại đạo có ý định phá, nhưng trời giáng sấm chớp làm họ kinh hãi bỏ đi. Có những tháp có tên riêng, được xây tại chỗ Đức Phật thuyết pháp, kinh hành và ngồi thiền . Bốn dặm về phía Tây Bắc Xá-vệ là nơi vua Virudhaka [Lưu Ly] tấn công dòng họ Thích-Ca, một ngôi tháp được xây tại chỗ này. Lại có những tháp được dựng để đánh dấu chỗ Phật Ca-diếp đản sanh chỗ Ngài gặp thân phụ, chỗ Ngài nhập Niết-bàn. Một ngôi tháp lớn được xây trên những di hài của Phật Ca-diếp.

14. Thành Nàpika:

Những ngôi tháp được dựng tại chỗ Phật Krakuc-chanda [Câu-lưu-tôn] đản sanh, gặp thân phụ và nhập

Niết-bàn. Chưa đầy một do-tuần về phía Bắc, có một tháp khác xây trên di tích Phật Kanakamuni [Câu-na-hàm-mâu-ni] đản sanh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn.

15. Ca-tỳ-la-vệ:

Những ngôi tháp được xây tại những địa điểm Thái tử ra cổng thành phía Đông thấy một người bệnh và cho xe quay về, nơi A-tư-đà xem tướng Thái tử, nơi Thái tử cùng Ananda và những người khác vật ngã một con voi, nơi thái tử bắn một mũi tên xuyên qua đất về phía Đông Nam 30 dặm, làm cho một dòng nước vọt lên. Lại có những ngôi tháp xây để kỷ niệm những nơi đức Phật trở về thăm thân phụ sau khi thành đạo, nơi Phật thuyết pháp cho chư Thiên, có Tứ thiên vương gác bốn cổng; nơi đức Phật ngồi dưới cây Nigrodha [Ni-câu-luật] để nhận một cái y do bà Đại Ái Đạo cúng, nơi có di tích ngôi chùa của bà, nơi vua Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích.

16. Ràmagràma:

Quốc vương nước này đã được chia một phần xá-lợi của Phật, và khi về nước đã dựng một cái tháp tên Ràmagràma. Phía Đông tháp này cách 8 do-tuần là chỗ Thái tử từ giã người hầu Xa-nặc và con ngựa trắng của Ngài. Cách ngôi chùa 100 dặm về phía Đông có một tháp do vua A-dục xây cất. Cách nơi này 4 do-tuần về phía Đông là Tháp thờ Tro.

17. Câu-thi-na:

Có những ngôi tháp được xây trên những chỗ kỷ niệm đệ tử cuối cùng của Phật là Subhadra [Tu-bạt-đà-la] gia nhập Tăng đoàn; chỗ đức Thế Tôn nằm trong một chiếc quan tài bằng vàng, nhận sự kính lễ trong 7 ngày, chỗ

Vajrapàni [Kim Cương Thủ] buông khí giới bằng vàng, chỗ 8 ông vua chia nhau xá-lợi của Phật.

18. Tỳ-xá-ly:

Một ngôi tháp được xây trên nửa phần xá-lợi của Tôn giả A-nan. Trong thành này có bà Àmrapàlì người đã xây cho Phật một ngôi tháp, di tích vẫn còn được thấy vào bởi thời Pháp Hiển chiêm bái. Khi đức Phật sắp nhập Niết-bàn. Ngài cùng các đệ tử rời Tỳ-xá-ly bằng cổng Tây thành, và quay về bên phải ngoài nhìn đô thị mà nói, đây là nơi cuối cùng Như Lai đã viếng thăm. Một ngôi tháp cũng đã được dựng tại chỗ ấy. Cách thành này 300 dặm về phía Tây Bắc là ngôi tháp Buông Cung Gậy. Hai ngôi tháp được dựng để kỷ niệm hai vị vua tư thành Độc giác. Ở đây một ngôi tháp được xây tại chỗ triệu tập đại hội Kết tập lần hai.

19. Ba-liên-phất:

Sau khi phá 7 ngôi tháp cũ, vua A-dục đã xây 84.000 tháp mới, ngôi tháp đầu tiên được xây cách thành này 300 dặm về phía Nam.

20. Kàlapinàka:

Cách một do-tuần về phía Tây Nam đỉnh núi Cô đơn, Pháp Hiển đi đến làng Kàlapinàka. Đây chính là nơi sinh của Tôn giả Xá-lợi-phất, ngài cũng đã trở về đấy để nhập Niết-bàn. Một ngôi tháp được dựng lên ở đây, đến thời Pháp Hiển chiêm bái vẫn còn.

21. Vương Xá:

Cách cổng Tây Thành 300 bước có một ngôi tháp lớn do vua A-xà-thế xây để thờ phần xá-lợi của Phật mà vua nhận được.

22. Buddha Gayà (Bồ-đề Đạo tràng)

Tại những nơi mà khi còn tu khổ hạnh đức Phật đã đến, và tại một nơi được kể sau đây, những người sau đã xây những ngôi tháp và dựng tường Phật còn tồn tại đến ngày nay: tháp kỷ niệm chỗ Ngài thưởng thức đại lạc giải thoát trong 7 ngày sau khi giác ngộ, chỗ Ngài kinh hành từ Đông sang Tây trong 7 ngày dưới cây Bồ Đề, chỗ chư Thiên cúng dường Ngài trong 7 ngày một đài làm bằng 7 báu; chỗ con rồng mù Muchlinda quấn quanh Phật 7 ngày, chỗ Phật ngồi dưới cây Ni-câu-luật xây mặt về hướng Đông, khi Phạm thiên thỉnh Ngài thuyết pháp; chỗ bốn vua Trời cúng Ngài cái bát khất thực; chỗ 500 người buôn dâng cúng Ngài bột và mật; và chỗ Ngài thâu nhận ba anh em Ca-diếp và một ngàn đồ đệ của họ.

23. Vàrànasi (Ba-la-nại):

Những ngôi tháp được xây dựng tại những nơi đức Phật độ cho nhóm ông Kaundinna [năm anh em Kiều-trần-Như]; nơi Đức Phật tiên đoán sự ra đời của Phật Di Lặc; nơi con rồng Y-bát-la hỏi Phật đến lúc nào nó mới thoát khỏi thân rồng.

24. Kausàmbi (Câu-diệm-bì):

Cách 8 do-tuần phía Đông vườn Ghoshira [Cù-sư-la] là nơi Phật đã cảm hóa một ác quỷ. Một ngôi tháp cũng đánh dấu những nơi Ngài đã từng sống, kinh hành và ngồi thiền
.

25. Champà:

Những ngôi tháp được xây tại nơi đức Phật cư trú, kinh hành, và nơi cả 4 đức Phật đã từng ngồi thiền.

26. Nước Sư Tử:

Phía Bắc vương đô này, một ngôi bảo tháp lớn cao 400 bộ, trang hoàng vàng bạc và đủ thứ châu báu, được xây trên một dấu chân của Phật.

Phần III

NHỮNG TƯ LIỆU LỊCH SỬ VÀ BÁN LỊCH SỬ DO PHÁP HIỂN GHI LẠI

-1-
Lịch sử và huyền thoại về cuộc đời đức Phật

Một bằng chứng sự cống hiến giá trị của Pháp Hiển cho lịch sử Phật giáo là chúng ta có thể căn cứ vào những tư liệu cung cấp trong ký sự của ngài để viết lại lịch sử đức Phật. Không những ngài đã viếng thăm tất cả những địa điểm quan trọng liên hệ đến những hoạt động chính của Phật, mà ngài cũng không quên ghi lại những nơi trở thành Thánh địa nhờ sự hiện diện của đức Thế Tôn, và kể lại những giai thoại hay huyền thoại thuộc về vài khía cạnh của đời Phật. Những dữ kiện rải rác khắp ký sự của ngài cung cấp cho chúng ta đầy đủ tư liệu để khôi phục những giai đoạn chính trong cuộc đời của nhà sáng lập Phật giáo.

A. Đản sanh

Giấc mộng của Hoàng hậu Ma-gia và sự đản sanh của Phật tại vườn Lâm-tỳ-ni được chứng minh bằng những đoạn văn: "Trong cung điện cũ cuả vua Suddhodana [Tịnh Phạn], có hình ảnh của bà mẹ Thái tử, với Thái tử cỡi voi trắng vào thai mẹ" (C: 4a, 18-19). "Cách 50 dặm về phía Đông đô thành, có một vườn thượng uyển tên Lumbini [Lâm-tỳ-ni]. Hoàng hậu tắm xong từ bờ phía Bắc đi ra khỏi ao tắm bước 20 bước, đưa tay vịn một cành cây, và trong khi mặt day về phương Đông, bà sinh Thái tử. Khi Thái tử xuất hiện trên đất, ngài bước đi 7 bước và được hai Long vương tắm rửa. Nơi ngài tắm biến thành một cái giếng.

Những tu sĩ thường đến uống nước trong giếng này, và trong ao" (C: 4b, 2-4).

B. Thiếu thời và tuổi trẻ

Tuổi thơ của Thái tử, một vài việc quan trọng lúc thiếu thời của ngài, khát vọng của ngài sống đời cao thượng được mô tả trong đoạn sau đây: "Ở đây cũng là những nơi A-tư-đà xem tướng thái tử, nơi thái tử cùng Nan-đà và những vị khác thắng một con voi và bắn tên. Một mũi tên được bắn ra từ đây bay về phương Tây Nam cách 30 dặm, xuyên xuống đất khiến một dòng suối chảy lên. Người sau đã đào tại đấy một cái giếng cho người đi đường uống" (C: 4a, 19-20). "Cách thành vài dặm về phía Đông Bắc là một thửa ruộng của hoàng gia, nơi Thái tử đã ngồi dưới cây ngắm nhìn những người cày ruộng" (C: 4b, 2).

C. Xuất gia và tu khổ hạnh

Những đoạn sau đây tả Thái tử lần đầu tiên tiếp xúc cuộc đời, sự xuất gia tu khổ hạnh của ngài:

"Một ngôi tháp được xây dựng tại chỗ Thái tử ra cổng Đông thành, trông thấy một người ốm và bảo người đánh xe quay về". (C: 4a, 19).

"Từ tu viện Sràmanera đi về phía Đông cách 3 do-tuần là nơi Thái tử bảo Xa-nặc quay xe bạch mã trở về" (C: 4b. 11).

"Đi về Phía Nam 20 dặm, họ đến một nơi ngày xưa Bồ-tát tu khổ hạnh trong 6 năm. Chỗ này là một rừng cây gỗ" (C: 6a, 2-3).

D. Đại giác ngộ, thiền định và kinh hành dưới cây bồ-đề

Pháp Hiển ghi lại chi tiết những giai đoạn khi Phật đạt giác ngộ, khi Ngài thành Phật, thiền định dưới cây bồ-đề và đi kinh hành quanh cây:

"Đi về phía Tây rừng Khổ Hạnh chừng 3 dặm, họ đến nơi ở đấy đức Phật đã xuống nước tắm; nơi một vị Trời hạn thấp cành cây để Phật vịn mà lên bờ ao" (C: 6a, 3).

"Lại đi 2 lý về phía Bắc, họ đến một nơi ở đấy cô gái Gramika dâng cháo sữa cúng Phật" (C: 6a, 3-4).

"Từ nơi này đi thêm 2 dặm về phía Bắc, họ đến một nơi ngày xưa Phật đã ngồi trên tảng đá dưới gốc cây để dùng cháo ấy, mặt hướng về phương Đông" (C: 6a, 4).

"Từ chỗ này đi thêm nữa do-tuần về phía Đông Bắc, họ đến một hang đá. Nơi đây đức Bồ-tát đã ngồi kiết-già mặt hướng về Tây, nghĩ rằng nếu ngài sẽ thành Phật thì hãy có vài phép lạ hiện ra. Khi ấy trên vách đá liền xuất hiện một cái bóng của Phật cao chừng 3 tấc. Ngay cả bây giờ, cái bóng ấy vẫn còn hiện rõ.

Lúc ấy, trời đất rung chuyển mạnh, và chư Thiên trong không trung nói: "Đây không phải chỗ mà chư Phật quá khứ vị lai sẽ đạt giác ngộ. Từ đây đi về phía Tây Nam chưa đến nửa do-tuần, dưới một cây bối-đa [pattra], là nơi mà chư Phật quá khứ vị lai đạt thành Chánh Giác". Nói xong chư Thiên ca hát đi trước dẫn đường; Bồ-tát đứng dậy đi theo".

"Ba mươi bước cách cây ấy, chư Thiên dâng cúng ngài một ít cỏ cát tường và đức Bồ-tát đã nhận lấy. Ngài bước thêm 15 bước, bỗng có 500 con chim xanh bay đến liệng quanh ngài 3 vòng rồi bay đi. Đức Bồ-tát đến trước cây

bối-đa [pattra] trải cỏ cát tường và ngồi xây mặt về hướng Đông. Vào lúc ấy Ác ma [Màra] sai 3 cô gái đẹp từ hướng Bắc đến cám dỗ ngài, còn chính ông ta thì đến từ hướng Nam để thách thức Bồ-tát. Ngài ấn mũi chân trên đất thì đạo quân ma bỏ trốn, còn 3 cô gái biến thành những bà già" (C: 6a, 5-9).

"Người đời sau đã dựng những tháp và hình ảnh còn tồn tại đến ngày nay tại nhưng nơi sau đây:

- Nơi Phật sau khi giác ngộ, trải qua 7 ngày ngắm cây và thưởng thức đại lạc giải thoát.

- Nơi Đức Phật kinh hành từ Đông sang Tây dưới gốc cây bối-đa.

- Nơi chư Thiên hóa hiện một điện thờ làm bằng 7 báu để dâng Phật trong 7 ngày.

- Nơi con rắn mù Mucilinda quấn quanh Phật trong 7 ngày.

- Nơi đức Phật ngồi trên một tảng đá vuông dưới cây Ni-câu-luật [nyagrodha], mặt hướng về Đông, khi Phạm thiên đến thỉnh Ngài thuyết pháp.

- Nơi bốn vua Trời [Tứ thiên vương] dâng cúng Ngài cái bát.

- Nơi 500 người buôn dâng cúng Ngài bột và mật" (C: 6a, 9 - 11).

E. Đức Phật du hóa thuyết pháp

Bài pháp đầu tiên của Phật cho 5 vị Tỳ-kheo, sự cải hóa 3 anh em Ca-diếp, và một vài giai đoạn quan trọng trong cuộc du hóa của Ngài được Pháp Hiển kể lại, theo địa điểm như sau:

a) Tại Sarnath:

"Cách chừng 10 dặm về phía Đông Bắc thành Vàrànasi [Ba-la-nại] trong tinh xá Kỳ Viên, khởi thủy có một vị Độc Giác sống và thường có nai hoang lui tới. Khi Đức Thế Tôn sắp thành Phật, chư Thiên trên trời loan báo: "Thái tử của vua Tịnh Phạn, người từ bỏ đời sống gia đình để thực hành Chánh Pháp, 7 ngày nữa sẽ thành Phật". Vị Độc Giác Phật sau khi nghe thế bèn nhập Niết-bàn, do vậy nơi này được gọi là vườn Nai của các vị Tiên nhân. Sau khi đức Phật thành Chánh Giác, người đời sau dựng một tinh xá tại đây." (C: 6b, 9-11).

"Đức Phật muốn độ cho Kiều-trần-như và 4 người bạn đồng tu. Cả 5 vị này bảo nhau: ”Sa-môn Cồ-đàm đã thực hành khổ hạnh trong 6 năm, chỉ ăn mỗi ngày một hột mè và một hột gạo mà vẫn không thể đạt thành Chánh Giác. Thế mà bây giờ lại đi vào trong nhân gian, buông thả thân miệng ý, thì làm sao đạt chân lý được? Khi ông ta đã đến; chúng ta đừng nói chuyện với ông ấy.” Nhưng khi Đức Phật đến gần thì cả 5 người đều đứng lên thi lễ" (C: 6b, 11 - 13).

"Lại đi thêm 60 bước về phía Bắc họ đến một nơi ở đấy ngày xưa đức Phật đã ngồi xoay mặt về hướng Đông mà chuyển hóa độ 5 anh em ông Kiều-trần-như" (C: 6b, 13),

"Hai mươi bước từ nơi này đi về hướng Bắc, là nơi mà đức Phật đã tiên đoán tương lai của Bồ-tát Di Lặc" (C: 6b, 13).

"Năm mươi bước về phía Bắc nơi này, là chỗ mà con rồng Y-bát-la đã hỏi Phật: "Khi nào thì con có thể thoát thân rồng?" (C: 6b 13-14).

b) Tại Gayà:

"Nơi Đức Phật độ cho ba anh em Ca-diếp và 1000 đệ tử của họ" (C: 6a, 11 - 12).

c) Tại Pàtaliputra [Ba-liên-phất].

"Từ chỗ này (đô thị Địa Ngục) về phía Đông Nam 9 do-tuần, có một ngọn núi nhỏ đứng cô đơn, trên đỉnh có một hang đá. Trong cái hang này Đức Phật đã từng ngồi xoay mặt về hướng Nam. Trời Đế Thích phái nhạc công cõi trời là Pancasikha [Pan Che, Ngũ Kết Nhạc Tử] đến thổi sáo cho Phật nghe và hỏi Phật về 42 điểm. Đức Phật làm dấu mỗi câu hỏi bằng một vạch trên đá với ngón tay của Ngài. Những dấu ấy nay vẫn còn" (C: 5b; 5-6).

"Đi về phía Tây dọc sông Hằng 10 do-tuần. Pháp Hiển đến một tu viện tên Àtnavi (Hoang Dã) Đức Phật đã từng sống ở đấy" (C: 6b; 8-9).

d) Tại Vương Xá:

"... Đấy là nơi Ni-kiền-tử đào một hố lửa và dọn cơm độc để hại Phật, nơi A-xà-thế phục rượu cho voi đen say để hại Ngài" (C: 5b, 9-10).

"Ở khúc quanh về phía Đông Bắc đô thị, là nơi Jìvaka [Kỳ-bà] dựng một tu viện trong vườn xoài để dâng cúng Phật và 1250 đệ tử" (C: 5b, 10).

"Không đầy 3 dặm từ đỉnh núi Linh Thứu, có một hang đá hướng về Nam. Ngày xưa đức Phật đã ngồi thiền ở đấy. Phía Tây Bắc, cách 30 bước có một hang đá khác. Một hôm trong lúc Tôn giả A-nan ngồi thiền tại đây, Ma vương Pisuna hóa làm con chim thứu đến khủng bố Tôn giả. Đức Phật đã duỗi tay xuyên qua đá mà vỗ vai A-nan. Nỗi sợ hãi của Tôn giả liền tiêu tan" (C: 5b, 11-12)

"Một lần khi đức Phật đang kinh hành theo hướng Đông Nam trước hang đá của Ngài, Đề-bà-đạt-đa từ hướng Bắc của mỏm núi đã lăn đá xuống làm chảy máu chân Phật" (C: 5b, 13-14).

"Ngày xưa đức Phật giảng Kinh Lăng Nghiêm tại núi Linh Thứu" (C: 5b, 15).

"Cách 300 bước về phía Tây của Nan Sơn, có một hang đá tên là Pippala nơi Đức Phật thường ngồi thiền sau bữa ăn" (C: 5b, 17-18).

e) Tại Ca-tỳ-la-vệ:

Những ngôi tháp đã được xây dựng tại những chỗ sau đây: "Nơi Phật về thăm thân phụ sau khi thành Chánh Giác; nơi 500 người con trai dòng Thích Ca xuất gia đến đảnh lễ Ưu-ba-ly; vào lúc ấy quả đất rung động 6 lần; nơi Đức Phật giảng pháp cho chư Thiên với Tứ thiên vương canh giữ bốn cửa để ngăn vua Tịnh Phạn đi vào; nơi Đức Phật ngồi dưới cây Ni-câu-luật xoay mặt về Đông lúc bà Mahàpàjapati [Ma-ha-ba-xà-ba-đề, Đại Ái Đạo] cúng Ngài y Tăng-già-lê. Cây ấy hiện nay vẫn còn. Tại đây cũng có một cái tháp dựng lên tại chỗ vua Lưu Ly tàn hại con cháu dòng Thích Ca, những người này đã đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn" (C: 4a, 30; 4b, 1-2).

f) Ở Ô-trường [Udyàna]:

"Theo truyền thuyết, khi đức Phật viếng thăm miền Bắc Ấn Độ. Ngài đã viếng xứ này.Ngài để lại dấu chân ngắn dài tùy tâm trí người nhìn. Dấu chân này hiện nay vẫn còn. Người ta còn thấy được tảng đá trên đó Ngài đã phơi áo, chỗ Ngài đã cải hóa một con rồng dữ..." (C: 2a, 1-2).

g) Ở Phất-lâu-sa [Purushapura]:

"Xưa đức Phật cùng chúng đệ tử đã du hành trong xứ này. Ngài đã nói với A-nan: "Sau khi ta nhập Niết-bàn, một vị vua tên Kanishka [Ca-nị-sắc-ca] sẽ xây một cái tháp ở đây" (C: 2a, 8-9).

h) Tại Na-kiệt [Nagarahàra]:

"Cách thành Nagarahàra nửa do-tuần về phía Nam, hướng Tây Nam ngọn núi, có một hang đá nơi đức Phật đã để lại cái bóng của Ngài" (C: 2b, 6).

"Chừng 100 bước vè phía Tây của hang Bóng Phật, là nơi Đức Phật đã cạo tóc và cắt móng tay. Ngài đã đích thân cùng các đệ tử xây một cái tháp cao 70-80 bộ để làm mẫu cho những cái tháp tương lai. Tháp này hiện nay vẫn còn" (C: 2b, 8).

i) Tại Tăng-già-thi [Sankàsya]:

"Từ đây họ du hành 18 do-tuần về phía Đông Nam thì đến một xứ gọi là Sankàsya nơi đức Phật đã xuống từ cõi trời Ba mươi ba sau khi lên trời giảng pháp cho mẹ trong 3 tháng. Đức Phật đã vận thần thông lên trời nên chúng đệ tử không biết được việc ấy. Bảy ngày sau, ngài rút phép thần thông. Anuraudha [A-na-luật] với thiên nhãn đã thấy được đức Thế Tôn nên bảo Mục-kiền-Liên: "Hiền giả hãy đi đảnh lễ đức Thế Tôn" Mục-Kiền-Liên bèn đi đến nơk, cúi đầu dưới chân Phật và kính chào Ngài. Sau đó đức Phật bảo Mục-kiền-liên, 7 ngày sau ta sẽ trở xuống Diêm-phủ-đề. Mục-kiền Liên liền trở về cõi đất. Bấy giờ vua của 8 nước cùng đại thần và dân chúng đã lâu không thấy Phật nên rất nóng lòng yết kiến Ngài, họ tụ lại như mây tại xứ này để chờ Ngài trở về. Khi ấy một Ni cô tên là Utpala nghĩ: "Nay các vua quan và quần chúng ai cũng

chờ đón đức Phật. Là một nữ nhân làm sao ta có thể thấy được Ngài trước tiên?". Cô liền hóa phép tự biến thành một vua Chuyển luân nên được yết kiến Đức Phật trước tiên".

(Huyền Trang cũng nói đến việc này nhưng ít chi tiết hơn; ngài đã bỏ bớt vai trò A-na-luật và Mục-kiền-liên, và bỏ chuyện A-dục vương làm những cái thang. Trong ký sự của Huyền Trang, 3 cái thang được trời Đế Thích làm ra, giữa bằng vàng, cái bên trái bằng pha lê và bên phải bằng bạc. Ngài kể rằng nhiều thế kỷ về trước, những cái thang vẫn còn, nhưng bây giờ đã biến mất. Bởi thế những vương tử ở vùng lân cận đã xây 3 cái thang bằng gạch và đá, mỗi cái cao 70 bộ. Trên nóc những thang ấy họ dựng một tinh xá [Vihara, Tòng Lâm]. Tại đây A-dục vương đã xây một trụ đá cao 70 bộ, trên đỉnh đặt một tượng sư tử. Huyền Trang cũng nói đến câu chuyện ni cô Utpala nhưng với một kết thúc khác. Mặc dù bà hoá làm vua Chuyển luân, nhưng cũng không được thấy Phật trước tiên. Trong lúc ấy Tu-bồ-đề vẫn ngồi yên trong hang đá, nhưng nhờ liễu trí tánh không của vạn pháp với tuệ nhãn ngài đã thấy được pháp thân của Phật trước. Điều này được Phật xác nhận với Utpala khi Ngài từ trên trời trở xuống.)

"Đức Thế Tôn từ cõi trời Ba mươi ba xuống đất và làm xuất hiện một chiếc thang với 3 đường làm bằng châu báu. Phật xuống đường giữa làm bằng 7 báu. Phạm thiên hóa hiện một cái thang bằng bạc, tay cầm quạt lông theo hầu bên phải Phật. Vô số chư Thiên tháp tùng theo hầu Phật xuống đất. Khi Ngài xuống đến đất thì cả 3 cái thang biến mất trong đất, chỉ còn trồi lên bảy bực. Về sau vua A-dục muốn biết chiều sâu của những cái thang, đã cho người đào thử. Họ đào xuống đến hoàng tuyền mà cũng chưa tới đầu kia cái thang. Điều này càng làm cho vua thêm tín

tâm, bởi thế ông đã xây một ngôi chùa trên những bực thang ấy. Trên cái thang giữa, ông đã đăt tượng Phật cao 16 bộ" (C: 3a, 8 - 15).

"Cách năm mươi do-tuần phía Bắc chùa Rồng, có một ngôi chùa gọi là Agnidagda, tên một ác quỷ đã được Phật hóa độ" (C: 3b, 2-3)

j) Tại thành Kànyakubja:

"Cách sáu, bảy dặm phía Tây thành, trên bờ bắc sông Hằng, là nơi đất Phật giảng pháp cho chúng đệ tử. Theo truyền thuyết, Ngài đã giảng về vô thường khổ không, và dụ thân này với bọt nước' (C: 3b, 8-9).

k) Tại làng Hari:

"Họ vượt qua sông Hằng, đi bộ về hướng Nam 3 do-tuần thì đến làng Hari. Những ngôi tháp dựng tại những nơi Phật thuyết pháp, noơi Ngài kinh hành và ngồi thiền" (C: 3b, 9).

l) Tại Vaisàkha:

"Ở cổng Nam Thành này, phía Đông con đường, Phật có lần chà răng bằng cành dương xong, cắm nó xuống đất. Cành ấy mọc thành một cây cao bảy bộ, và từ đấy trở đi vẫn giữ chiều cao ấy không Tăng giảm. Ngoại đạo ganh ghét chặt phá, nhổ gốc quăng bỏ, nhưng cây khác lại mọc lên" (C: 3b, 10-11).

m) Tại Xá-vệ:

"Khi Phật lên cung trời Ba mươi ba để thuyết pháp cho mẹ trong ba tháng, vua Pasenadi [Ba-tư-nặc] nhớ Phật, sai thợ khắc hình tượng Ngài bằng gỗ chiên-đàn và đặt tượng ngồi trên tòa của Phật. Về sau, khi Phật trở về, tượng bèn rời chỗ đi ra đón chào Ngài. Phật dạy: "Ngài cứ ngồi yên chỗ. Sau khi tôi nhập Niết-bàn. Ngài sẽ làm mẫu mực cho

bốn chúng đệ tử tạc tượng trong tương lai". Khi ấy tượng trở lại chỗ ngồi. Đây là pho tượng Phật đầu tiên đã được tạc, và người đời sau lấy mẫu từ đó. Rồi đức Phật dời về một tu viện nhỏ khác ở phía Nam, cách chỗ của tượng tưởng chừng 20 bộ" (C: 3b, 15 - 17).

"Cách tinh xá 4 dặm về phía Tây Bắc là một khu rừng có tên Được Mắt. Ngày xưa 500 người mù sống tại đây, gần nơi Phật ở. Đức Phật đã giảng Pháp cho họ, và tất cả đều sáng mắt trở lại. Những người mù mừng rỡ cắm gậy vào đất và cúi đầu đảnh lễ Phật. Những cây gậy của họ mọc rễ và lớn lên cao. Dân chúng không dám chặt, bởi thế chúng thành một khu rừng có tên là rừng Được Mắt. Chư Tăng từ tinh xá Kỳ Viên sau khi ngọ trai thường đến khu rừng này để ngồi thiền " (C: 4a, 2 - 3).

"Từ 6-7 dặm về phía Đông Bắc của tinh xá Kỳ Viên là nơi bà Visàkha [Tỳ-xá-khư] đã dựng một tu viện để cúng Phật và chúng đệ tử, đến nay vẫn còn dấu tích ngôi chùa đổ nát" (C: 3a, 3 - 4).

"Tu viện Kỳ Hoàn có 2 cổng, một hướng về Đông, một hướng về Bắc. Ngôi vườn này là nơi ngày xưa trưởng giả Cấp Cô Độc lót vàng trên đất để mua. Hương thất của Phật đứng ở giữa. Đức Phật ở đây trong một thời gian khá dài, giảng dạy giáo pháp, cải hóa nhiều người, kinh hành và thiền định. Khắp nơi đều có tháp kỷ niệm, mỗi cái có một tên riêng. Ở đây cũng là nơi ngoại đạo nữ tên Sundari [Tôn-đà-lợi] tự để cho đồng đạo giết để vu oan cho Phật" (C: 4a, 4-5).

"Từ phía cổng Đông của tinh xá đi 70 bước, phía Tây con đường là nơi ngày xưa đức Phật đã biện luận với 96 phái ngoại đạo. Vua, đình thần và cư sĩ tụ họp lại đây để nghe tranh luận. Một nữ ngoại đạo tên Cinca dã độn bụng

một bó vải giả bộ có thai để phao vu cho Phật trước mặt chúng hội. Khi ấy trời Đế Thích biến thành con chuột trắng cắt dây độn bụng làm cho bó vải rơi xuống đất. Đất bèn mở ra chôn sống nàng" (C: 4a, 5-8).

"Đây cũng là nơi Đề-bà-đạt-đa tẩm độc móng tay để hại Phật và đã sa xuống địa ngục sống đang sống. Người đời sau đã ghi dấu những nơi này" (C: 4a, 8) "Cũng tại đây Đề-bà-đạt-đa có một toán đệ tử đảnh lễ 3 vị Phật quá khứ mà không lễ đức Phật Thích Ca" (C: 4a; 1-4).

"Phía Đông Bắc thành Xá-vệ cách 4 dặm là nơi vua Lưu Ly gặp Phật đứng bên vệ đường khi ông muốn khởi hành chinh phạt bộ tộc Thích-Ca" (C: 4a, 14-15).

n) Tại xứ Kausambi [Câu-diệm-bì]:

"Ngôi chùa ở đây tên gọi là Ghoshira [Cù-sư-la]; ngày xưa đức Phật đã sống ở đấy" (C: 5b, 15-16).

"Từ đây đi về phía Đông 8 do-tuần, là nơi đức Phật ngày xưa đã hàng phục một ác quỷ. Cũng tại đây Ngài đã sống, kinh hành, và ngồi thiền " (C: 6b, 15-16).

o) Tại xứ Champà:

"Về phía Đông 18 do-tuần xuôi sông Hằng, ở phía bờ Nam có một xứ lớn gọi là Champà. Ở đây có tháp được xây trên di tích tu viện của Phật, nơi Ngài kinh hành, nơi Ngài thiền định" (C: 7a 9-10).

p) Tại đảo Sư Tử:

"Có lần Đức Phật đã đến xứ này để hàng phục một con rồng dữ. Ngài dùng thần thông đặt một chân ở phía Bắc hoàng cung, chân kia đặt trên đỉnh núi. Hai dấu chân cách nhau 15 do-tuần" (C: 7a, 16).

q) Tại Tỳ-xá-ly:

"Về phía Bắc thành Tỳ-xá-ly là Giảng đường lầu trong khu Rừng Lớn, nơi đức Phật đã từng sống" (C: 4b, 15-16).

"Trong thành này, tín nữ Amràpali đã xây một ngôi tháp cúng Phật, hiện nay vẫn còn dấu tích" (C: 4b, 16).

"Cách đô thành 3 dặm về phía Nam, ở phía Tây con đường là nơi tín nữ Amràpali đã dâng cúng Phật một khu vườn và xây cho Ngài một tu viện" (C: 4b, 16-17).

F. Đức Phật nhập Niết-bàn

Hành trình cuối cùng của Phật từ Tỳ-xá-ly đến Câu-thi-na, nơi bát-niết-bàn của Ngài, sự hỏa thiêu xá-lợi được kể lại trong những đoạn sau đây:

a) Tại Tỳ-xá-ly:

"Bên cạnh tháp Buông Cung Gậy, đức Phật bảo A-nan: 3 tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, A-nan bị ma ám đã không thỉnh cầu Phật lưu lại đời thêm nữa" (C: 5a, 4-5).

"Khi thời gian Niết-bàn của Ngài đã gần kề, đức Phật cùng các đệ tử ra khỏi thành Tỳ-xá-ly hàng cổng phía Nam. Ngài xoay mình về bên phải nhìn thành Tỳ-xá-ly mà bảo các đệ tử: Đây là nơi cuối cùng mà Như Lai viếng thăm. Người đời sau đã dựng ngôi tháp tại chỗ này" (C: 4b, 17-18).

"Từ chỗ này họ đi thêm 12 dặm về phía Đông Nam, và gặp địa điểm ở đó những người dòng họ Licchavi [Lê-xa] mong muốn tiễn đưa Phật đến nơi Ngài nhập Niết-bàn. Nhưng Phật không bằng lòng và họ cũng không chịu trở lui. Đức Phật bèn hóa hiện một cái hố sâu trước mặt, làm họ không qua được. Rồi Ngài cho họ cái bát khất thực để

kỷ niệm và bảo họ lui về. Một ưu đá có khắc bia được dựng tại nơi này". (C: 4b, 14-15).

b) Tại Câu-thi-na:

"Đi thêm 12 do-tuần về phía Đông, họ đến thành Câu-thi-na. Về phía Bắc thành này, giữa hai cây Sala bên bờ sông Ni-liên, đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn chỗ này, đầu hướng về phương Bắc" (C: 4b, 12-13).

"Tháp và chùa được dựng tại những nơi như sau:

- Nơi Subhadra [Tu-bạt-đà-la] đệ tử cuối cùng của Phật gia nhập Tăng đoàn.

- Nơi đức Thế Tôn nằm trong một quan tài bằng vàng và nhận cúng dường trong 7 ngày.

- Nơi Vajrapàni [Kim Cương Thủ] đặt khí giới bằng vàng xuống.

- Nơi 8 vua chia nhau xá-lợi của Phật" (C: 4b, 12-13).

-2-

Những tiền thân của đức Phật

Trong Phật Quốc Ký, Pháp Hiển đã kể lại 6 chuyện tiền thân của đức Phật:

1) "Từ đây (chùa thờ xương sọ Phật) đã về phía Bắc một do-tuần, thì đến thủ đô nước Na Kiệt [Nagarahàra]. Đây là nơi đức Bồ-tát đã mua 5 cái hoa để dâng cúng đức Phật Samàdhiprabhà [Định Quang]" (C: 2b; 3-4).

2) "Ngày xưa Đế Thích muốn thử Bồ-tát, đã hóa làm diều hâu quắp bồ câu, và dụ Bồ-tát cắt thịt để chuộc bồ câu. Sau khi đạt giác ngộ ngang qua chỗ ấy (Suvastu - Tú-ha-đa) Phật đã nói với chúng Đệ Tử: "Đây là nơi mà ngày xưa Ta đã cắt thịt để chuộc bồ câu" (C: 2a, 3-4)

3) "Tại xứ Gandhàra, Bồ-tát đã bố thí mắt. Một bảo tháp trang trí bằng vàng được xây trên chỗ này" (C: 2a, 5).

4) "Khi Đức Phật còn là Bồ-tát, ngài đã bố thí đầu tại chỗ này, do đó chỗ này có tên là Cắt Đầu (Takshasilà - Trúc-sát-thi-la)" (C: 2a, 6).

5) "Lại nữa, đi về hường Đông 2 ngày, họ đến nơi mà Bồ-tát bố thí thân xác cho con cọp đói" (C 2a, 6-7).

6) "Ba dặm về phía Tây Bắc thành Tỳ-xá-ly có một ngôi tháp gọi là Buông Cung Kiếm, Tháp có tên như vậy vì câu chuyện sau đây:

"Trên thượng lưu sông Hằng có một xứ do một ông vua cai trị. Một bà thứ phi của vua sinh một bào thai kỳ dị. Hoàng hậu do ganh tị nên bảo: "Ngươi đã sinh một điểm xấu". Rồi bà ra lệnh bỏ bào thai vào một hòm gỗ ném

xuống sông Hằng. Ở hạ lưu sông Hằng có một ông vua khác đang ra ngoài dạo chơi. Trông thấy chiếc hòm nổi trên dòng sông, ông mở ra thì thấy 1.000 bé trai xinh đẹp. Vua đem về nuôi, chúng trở thành những thanh niên lực lưỡng, đánh đâu thắng đó. Sau đó họ đến tấn công vương quốc của người cha đang hết sức lo lắng buồn khổ. Bà thứ phi hỏi nguyên nhân, vua bảo: "Ông vua xứ kia có 1.000 vương tử bách chiến bách thắng sắp kéo đến đánh nước ta. Do đó mà ta sầu não". Thứ phi nói "Hoàng thượng đừng lo. Xin dựng một tòa tháp cao cho tôi lên, tôi sẽ hàng phục được chúng". Nhà vua làm theo yêu cầu. Khi quân địch kéo đến, bà thứ phi lên đỉnh tháp gọi: "Hỡi các con trai của ta, sao dám phản nghịch". Quân giặc nói: "Con cái hồi nào? Bà nói bậy". Thứ phi nói: "Nếu các ngươi không tin ta, hãy nhìn lên đây mà hả miệng ra". Tức thì bà nặn ngực mình với hai bàn tay, và từ mỗi bầu vú bà tuôn ra 500 tia sữa rơi tuốt vào trong miệng của 1000 đứa con trai. Khi nhận ra đấy là mẹ mình, họ bèn buông gậy xuống. Hai vua trầm tư về việc này và trở thành những vị Phật Độc Giác. Hai tháp thờ hai vị Phật này này hiện nay vẫn còn. Về sau khi Đức Thế Tôn thành Phật, Ngài đã bảo đệ tử: "Đây là nơi ngày xưa ta đã buông cung kiếm. Người đời sau biết như vậy bèn xây tháp trên chỗ ấy và đặt tên theo đó. Một ngàn người con trai ấy chính là 1.000 vị Phật trong Hiền kiếp [Bahadra Kalpa]" (C: 4b, 18-20; 5a, 1-4).

-3-

Các vị Phật khác và các vị A-la-hán

Không những chúng ta có thể viết lại đời sống của đức Phật Thích Ca nhờ những tài liệu trong tập Ký sự của Pháp Hiển, mà qua đó ta còn có thể biết thêm vài điều về ba vị Phật trước Phật Thích Ca, về Phật Di Lặc, về một vài vị Độc giác và La Hán.

1- Bốn đức Phật:

"Còn có tháp tại những nơi ba vị Phật quá khứ và đức Thích Ca đã ngồi thiền hoặc kinh hành " (C: 3a, 18).

"Lại nữa, ở đây (nước Vaisàkha) cũng là những nơi mà bốn đức Phật đã từng đi và ngồi. Dấu tích của tháp hiện vẫn còn đến ngày nay". (C: 3b, 11).

"Trước hang động (trên đỉnh Linh Thứu, là chỗ mà bốn đức Phật đã từng ngồi (C: 5b - 13).

"Tháp được dựng lên tại chỗ mà bốn đức Phật đã ngồi ở Champà" (C: 7a, 10).

2- Đức Phật Câu-lưu-tôn:

"Từ thành Xá-vệ đi thêm 12 do-tuần về phía Đông Nam, họ đến một thành phố tên Napika. Đây là nơi Đức Phật Krakucchanda [Câu-lưu-tôn] đản sinh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn. Những nơi này cũng có tháp được xây lên" (C: 4a, 16-17).

3- Phật Câu-na-hàm-mâu-ni:

"Từ chỗ này đi về phía Bắc không đầy một do-tuần, họ đến một thành phố nơi đức Phật Kanakamuni [Câu-na-

hàm-mâu-ni] đản sinh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn; cũng có tháp xây tại những nơi này" (C: 4a, 17).

4- Phật Ca-diếp:

"Cách thành Xá-vệ 50 dặm về phía Tây họ đến một thành phố tên Tadwa, nơi đức Phật Ca-diếp đản sanh, gặp thân phụ và nhập Niết-bàn. Những nơi này cũng có tháp được xây lên" (C: 4a, 16-17).

"Một ngôi đại tháp cũng được xây dựng trên xá-lợi của toàn thân Phật Ca-diếp". (C: 4a, 16).

"Ở đây có một ngôi chùa của Phật Ca-diếp ngày xưa được khắc trong núi đá, có 5 tầng. Dưới cùng là hình con voi có 500 hang đá; tầng hai có hình sư tử với 400 hang; tầng ba hình ngựa với 300 hang, tầng 4 hình bò với 200 hang và tầng 5 hình chim bồ câu với 100 hang. Trên đỉnh núi có dòng nước chảy xuống lượn quanh các hang đá qua một đường vòng cho đến khi xuống tầng thấp nhất mà ra đến cổng. Rải rác đó đây có một khe hở luồn qua các hang đá khiến cho ánh sáng lọt vào, không một xó góc nào bị chìm trong bóng tối. Bốn góc mỗi hang đá đều có những bực cấp. Người này nay nhỏ thó, phải dùng những bực cấp này để leo lên đỉnh, nhưng những người xưa chỉ cần bước một bước là lên tới. Do điều này, ngôi chùa được gọi là Po Lo Yueh. Po Lo Yueh, tiếng Ấn độ nghĩa là bồ câu. Có những người xưa chỉ cần bước một bước là lên tới. Do điều này, ngôi chùa được gọi là Po Lo Yueh. Có những vị La-hán sống ở đây" (C: 6b, 16-20).

(Có lẽ đó là các hang động Ajanta bây giờ.)

5- Phật Di Lặc:

"Tại xứ này (Darada – Đà-lịch), có một vị La-hán có thần thông đã đưa một nhà điêu khắc lên cõi trời Đâu-suất

quan sát hình dung của Phật Di Lặc để về tạc tượng. Sau khi lên trời Đâu-suất ba lần, thợ điêu khắc đã hoàn thành pho tượng cao 80 bộ đáy rộng 80 bộ, thường phát quang vào những ngày Bố-tát. Vua chúa các nước tranh nhau lễ bái cúng dường, đến nay tượng vẫn còn tại nước Darada (C: 1b, 13-15).

"Hai mươi bước từ nơi này (chỗ Phật thuyết phát cho 5 Tỳ-kheo đầu tiên) là nơi đức Phật đã tiên đoán tương lai Di Lặc". (C: 6b, 13).

6- Độc giác.

"Có một ngôi chùa có 600-700 tỳ-kheo. Đây là nơi ngày xưa một vị Độc Giác đã nhập Niết-bàn. Địa điểm này lớn bằng cái bánh xe. Cỏ mọc khắp nơi nhưng không mọc ở nơi này. Tại nơi ngày xưa Ngài đã phơi áo, cỏ cũng không mọc. Những lần y vẫn còn hiện rõ" (C: 3b, 6-7).

"Khi hai vị vua trầm tư về sự cố 1.000 vương tử đã buông bỏ khí giới vì nhận ra mẹ mình, họ đều trở thành Độc Giác. Ngày nay tháp của hai vị Độc Giác này vẫn còn" (C: 5a, 3)

"Chừng 10 dặm về phía Đông Bắc thành Vàrànasi [Ba-la-nại] là di tích Vườn Nai. Khởi thủy có một vị Độc Giác sống trong vườn này, nơi thường có những con nai lui tới. Khi đức Thế Tôn sắp thành Chánh Giác, chư Thiên công bố: "Thái tử con vua Tịnh Phạn người đã từ bỏ đời sống gia đình để tu tập Pháp, 7 ngày nữa sẽ thành Phật". Sau khi nghe thế, vị Độc Giáp nhập Niết-bàn. Bởi thế nơi này được gọi là Vườn Nai cuả các Tiên nhân. Sau khi Đức Phật thành Chánh giác, người đời sau đã xây một tịnh xá tại đây" (C: 6b, 9-11).

7- La-hán.

"Mỗi vị La-hán có một hốc đá riêng để ngồi thiền. Có tất cả 700 hốc đá" (C: 5b, 13).

"Sau khi mặt trời lặn, những vị La-hán đến sống trong núi Kê Túc này (Kukkutapada). Hằng năm dân địa phương và tín đồ từ các nước đến đây để đảnh lễ ngài Ca-diếp. Nếu những người đến đây mà tâm còn hoài nghi, thì về đêm, những vị La-hán sẽ xuất hiện bàn bạc với họ. Khi những hoài nghi của họ đã được giải tỏa, các vị ấy biến mất" (6b, 7-8).

-4-

Đệ tử của đức Phật

A. Tăng ni và cư sĩ

Từ ký sự của Pháp Hiển, chúng ta có thể thâu thập nhiều tài liệu liên hệ đến những đại đệ tử của Phật và những cư sĩ ngoại hộ trung kiên nhất của Ngài.

1. Ma-ha Ca-diếp:

"Đi từ đây về phương Nam chừng 3 dặm, họ đến một ngọn núi gọi là Kukkutapàda [Kê Túc]. Hiện tại, Ma-ha-ca-diếp đang ở trong núi này. Ngài làm cho chân núi nứt ra rồi đi vào trong. Lối vào bây giờ đã khép lại. Cách một khoảng khá xa, có một khe núi trong đó toàn thân Tôn giả Ca-diếp vẫn còn. Bên ngoài khe có đất mà ngày xưa Tôn giả đã dùng để rửa tay. Mỗi khi dân địa phương bị đau đầu, họ thường lấy đất này bôi vào chỗ đau thì liền khỏi. Sau khi mặt trời lặn, những vị La-hán đến ở trong núi. Hằng năm, người địa phương và dân mộ đạo từ các nước khác đến đây đảnh lễ ngài Ca-diếp. Ai còn nghi ngờ trong tầm, ban đêm những vị La-hán xuất hiện giải thích làm cho họ hết hoài nghi rồi biến mất" (C: 6b, 5-8).

"Lại đi về phía Tây thêm 5 hay 6 dặm, bên phía Bắc ngọn đồi, phía có bóng mát, là hang Thất Diệp [Saptaparna]. Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, có 500 vị La-hán kết tập kinh điển. Trong lúc họ tụng đọc, có 3 pháp tòa được dựng trên cao, trang hoàng đẹp đẽ. Xá-lợi-phất ngồi bên trái. Mục-kiền-liên ngồi bên phải. Trong 500 vị La-hán thiếu mất một người. Tôn giả Ma-ha-ca-diếp chủ

tọa buổi kết tập trong khi Tôn giả A-nan bị đứng ngoài hang, không được gia nhập" (C: 5b, 18-19).

2. Xá-lợi-phất:

"Từ đây (mỏm núi cô đơn), họ đi về phía Tây Nam một do-tuần, đến một khu làng tên gọi Nalo. Đây là nơi sinh của Tôn giả Xá-lợi-phất, và Ngài cũng trở về đấy để nhập Niết-bàn. Có một ngôi tháp được dựng tại chỗ này, hiện nay vẫn còn" (C: 5b, 6-7).

"Đây là đô thành cũ của vua Bình-sa, Đông-Tây dài 5,6 dặm và Bắc-Nam 7,8 dặm. Đây là nơi Xá-lợi-phất gặp Asvajita lần đầu tiên" (C: 5b, 8-9).

3. Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên:

"Trong thời gian tụng đọc Kinh tạng, ba pháp tòa được dựng lên, trang hoàng đẹp đẽ, Xá-lợi-phất ngồi tòa bên trái, Mục-kiền-liên ngồi tòa bên phải" (C: 5b, 18-19).

4. Mục-kiền-liên, A-na-luật:

"Đức Phật lên cung trời Ba mươi ba bằng thần thông làm cho đệ tử không biết được. Sau 7 ngày Ngài thu hồi phép thần. Với thiên nhãn A-na-luật trông thấy đức Thế Tôn từ xa và bảo Mục-kiền-liên hãy đi đảnh lễ đức Thế Tôn. Mục-kiền-liên đi đến cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Sau khi chào hỏi, đức Phật bảo Mục-kiền-liên: "Bảy ngày nữa Như Lai sẽ xuống lại Diêm-phù-đề". Mục-kiền-liên bèn trở về quả đất" (C: 3a, 9-10).

5. A nan:

"Không đầy ba dặm cách núi Linh Thứu có một động đá. Một lần khi Tôn giả A-nan ngồi thiền, Ác ma hóa làm một con chim thứu bay đến khủng bố ngài. Đức Phật dùng thần thông đưa tay xuyên qua đá vỗ vai Tôn giả, làm Tôn giả hết sợ". (C: 5b, 11-12).

"Ngày xưa, khi Phật đang đi trong xứ này (Purushapura) cùng với chúng đệ tử, Ngài bảo A-nan: "Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, một Quốc vương tên Kanishka [Ca-nị-sắc-ca] sẽ xây tháp ở đây. (C: 2a, 8-9). Cạnh tháp Buông Cung Gậy, đức Phật bảo A-nan: "Ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết-bàn". A-nan bị ma ám nên đã không thỉnh Phật lưu lại ở đời." (C: 5a, 4-5)

"Ma-ha-ca-diếp chủ tọa hội nghị kết tập trong khi A-nan đứng ngoài cửa động, không được thâu nhận" (C: 5b, 19).

"Từ nơi kết tập kỳ 2 này, họ đi về phía Đông 4 do-tuần đến chỗ hợp lưu 5 dòng sông. Tôn giả A-nan đã đi trên đường từ Ma-kiệt-đà đến Tỳ-xá-ly với ý định sẽ nhập Niết-bàn tại đấy. Chư Thiên bèn thông báo cho vua A-xà-thế. Vua xa giá đem quân đi theo ngài đến bên bờ sông. Những người dòng họ Licchavi [Lê-xa] thành Tỳ-xá-ly khi nghe Tôn giả sắp đến cũng ra bờ sông đón chào. Tôn giả A-nan sợ tiến tới thì vua A-xà-thế giận mà quay lui thì người Lê-xa buồn. Bởi thế Tôn giả bay lên giữa sông, dùng hỏa quang tam muội thiêu thân mà vào Niết-bàn. Xá-lợi của ngài được chia cho mỗi bên sông một phần. Sau khi nhận được xá-lợi, vua hai nước mang về xây tháp" (C: 5a, 7-9).

"Phía Bắc thành Tỳ-xá-ly là giảng đường lầu trong khu rừng lớn, là nơi Đức Phật từng ở có ngôi tháp được xây trên nửa phần xá-lợi của A-nan" (C: 4b, 15-16).

6. Anh em Ca-diếp:

"Tháp được xây trên chỗ đức Phật đã cải hóa ba anh em Ca-diếp cùng một ngàn đệ tử của họ" (C: 6a, 11-12).

7. Kiều-trần-như và bốn bạn đồng tu:

"Đức Phật muốn hóa độ cho Kiều-trần-như và bốn bạn đồng tu. Họ bảo nhau: "Sa-môn Cồ-đàm đã thực hành khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hột mè và một hột gạo; thế mà bây giờ ông ta trở lại giữa thế gian, không chế ngự thân lời ý, thì làm sao đạt giác ngộ được. Kìa ông ta đang đến, ta đừng có nói chuyện với Cồ-đàm". Nhưng khi Đức Phật lại gần, cả năm người đều đứng dậy thi lễ" (C: 6b, 11-13).

"Lại đi thêm 60 bước về phía Bắc, họ đến một nơi mà ngày xưa Đức Phật đã ngồi hướng về phía Đông để chuyển Pháp luân cho Kiều-trần-như và bốn bạn đồng tu" (C: 6b, 13).

"Đây là đô thành cũ của vua Bình-sa chiều dài từ Đông sang Tây 5-6 dặm, Bắc-Nam 8,8 dặm. Đây là nơi Xá-lợi-phất lần đầu tiên gặp Asvajit" (C: 5a, 8-9).

8. Ưu-ba-ly:

"... Tại chỗ 500 người con trai thuộc bộ tộc Thích Ca xuất gia và đảnh lễ Ưu-ba-ly, lúc ấy quả đất rung động 6 lần" (C: 4a, 20; 4b, 1).

9. Angulimala (Chuỗi Ngón Tay, Vô Não).

"Tại những nơi Vô Não đạt giác ngộ, nhập Niết-bàn và được hỏa táng, người đời sau đã dựng tháp thờ trong đô thành này (Xá-vệ) (C: 3b, 12-13).

10. Đề-bà-đạt-đa:

"Một lần, khi Đức Phật đang kinh hành, Đề-bà-đạt-đa từ trên mõm núi phía Bắc đã lăn đá xuống làm một chân Phật bị thương" (C: 5b, 13-14).

"Cũng tại đây (Kỳ-đà-Lâm, Xá-vệ). Đề-bà-đạt-đa đã tự tẩm độc các ngón tay để giết Phật, và bị đọa địa ngục ngay

khi còn sống. Đời sau đã đánh dấu những nơi này". (C: 4a, 8).

"Cũng tại đây (Xá-vệ, Kỳ đà Lâm), Đề-bà-đạt-đa có một nhóm đệ tử không đảnh lễ Phật Thích Ca mà chỉ đảnh lễ ba vị Phật quá khứ" (C: 4a, 14).

"Ba dặm về phía Đông của cổng Bắc Vương đô cũ (Vương Xá) là hang động của Đề-bà-đạt-đa" (C: 5b, 20).

11. Tu-bạt-đà-la:

"Tháp và chùa được xây ở nơi Subhadra [Tu-bạt-đà-la] vị đệ tử cuối cùng của Phật, đạt giải thoát" (C: 4b, 13).

12. Một vị tỳ kheo vô danh đã tự sát:

"Năm mươi bước từ nơi này (hang động Đề-bà-đạt-đa) có một tảng đá lớn vuông vức màu đen. Ngày xưa có một vị tỳ-kheo kinh hành trên tảng đá này, thiền quán về cuộc đời vô thường, khổ, không. Khi nhận chân sự bất tịnh của thân xác, cảm thấy ghê tởm, ông bèn lấy một con dao toan tự sát. Rồi ông nhớ lại đức Thế Tôn đã chế giới cấm tự sát. Nhưng ông nghĩ, nay ta chỉ muốn giết tham sân si. Rồi ông dùng dao cắt cổ họng của mình. Khi con dao rạch đến thịt, ông chứng sơ quả Dự lưu; khi nửa cổ họng đứt hẳn, ông chứng quả A-la-hán và nhập Niết-bàn" (C: 5b, 20: 6a, 1-2).

13. Tỳ-kheo-ni Utpala:

"Bấy giờ các vua, quan và dân chúng thuộc tám nước đã lâu không thấy Phật, nên rất nóng lòng trông thấy Ngài. Họ tụ lại như mây trong xứ này (Sankàsya) để đợi Ngài trở về. Khi ấy một Ni cô tên Utpala nghĩ, hôm nay các vua quan và dân chúng đều chờ đón đức Phật. Là nữ nhân như ta làm sao trông thấy được đức Phật đầu tiên?

Với năng lực thần thông cô bèn hóa thành vua Chuyển luân để có thể đảnh lễ Phật trước" (C: 3a, 10-12).

14. Đại Ái Đạo:

"... Tại chỗ Phật ngồi dưới cây ni-câu-luật đối diện hướng Đông, bà Đại Ái Đạo [Mahàprajàpatì] đem dâng Ngài một tấm y Tăng-già-lê" (C: 4b, 1).

"Về sau tháp được xây trong thành Xá-vệ này, ngay trên tàn tích của chùa Đại Ái Đạo" (C: 3b. 12).

15. Tỳ-xá-khư:

"Cách Kỳ Hoàn Tinh xá 6,7 dặm về phía Đông Bắc, là nơi ngày xưa bà Tỳ-xá-khư đã xây cúng Phật và các đệ tử Ngài một ngôi chùa. Di tích này hiện nay vẫn còn". (C: 4a, 3-4).

16. Tu-đạt (Cấp Cô Độc):

"Đại giảng đường chùa Kỳ Viên có 2 cổng, một mở ra hướng Đông và một mở ra hướng Bắc. Ngôi vườn này là nơi mà ngày xưa trưởng giả Cấp Cô Độc đã lót vàng để mua". (C: 4a, 4-5).

"Từ cổng phía Nam đi ra khỏi thành 1200 bước, là nơi trưởng giả Cấp Cô Độc đã xây ngôi chùa. Cổng của nó mở về phía Đông, và trước hai gian phòng dựng hai trụ đá" (C: 3b, 13-14).

"Về sau những ngôi tháp được xây dựng trong thành Xá-vệ này, trên những bức tường nhà của trưởng giả Cấp Cô Độc" (C: 3b, 12).

17. Jìvaka (Kỳ-bà):

"Tại khúc quanh phía Đông Bắc thành Vương Xá là nơi ngày xưa Jìvaka đã xây dựng một ngôi chùa trong vườn

Xoài để dâng cúng Phật và 1250 đệ tử của Ngài" (C: 5b, 10).

18. Tín nữ Amrapàlì:

"Trong thành (Tỳ-xá-ly) này, tín nữ Amrapàlì đã xây một ngôi tháp cúng dường đức Phật, dấu tích tháp ấy nay vẫn còn" (C: 4b, 16).

"Ba dặm về phía Nam thành Tỳ-xá-lỳ, phía Tây con đường, tín nữ Amrapàlì đã dâng cúng Phật một khu vườn và xây dựng một tu viện" (C: 4b, 16-17)

B. Các bậc vua chúa

1. Bình-sa-vương (Bimbisàra):

"Ra khỏi thành Vương Xá, đi về phía Nam bốn dặm, họ vào một thung lũng có năm ngọn đồi vây quanh, như một thành lũy. Đây là thành đô cũ của vua Bình-sa, Đông-Tây dài năm sáu dặm, Nam-Bắc dài bảy tám dặm" (C: 5b, 8-9).

2. A-xà-thế:

"Đi thêm một do-tuần về phía Tây làng Kàlapinàka, nơi sinh Tôn giả Xá-lợi-phất, họ đến thành Vương Xá mới do vua A-xà-thế xây, trong thành này có hai ngôi chùa. Cách 300 bước ngoài cổng phía Bắc, vua A-xà-thế đã xây một ngôi tháp lớn để thờ phần xá-lợi Phật mà vua nhận được" (C: 5b, 7-8).

"Đây là nơi vua A-xà-thế đã phục rượu cho voi say để hại Phật" (C: 5b, 9-10).

"Từ đây, (địa điểm kết tập lần 2), đi về phương Đông 4 do-tuần, họ đến chỗ hợp lưu 5 dòng sông. Trên đường đi từ Ma-kiệt-đà đến Tỳ-xá-ly. Tôn giả A-nan định nhập Niết-bàn. Chư Thiên liền báo tin cho vua A-xà-thế; vua

cùng đạo quân của mình xa giá theo Tôn giả đến bờ sông. Những người bộ tộc Licchavi [Lê-xa] ở Tỳ-xá-ly nghe tôn giả đến cũng ra bờ sông đón chào. A-nan tiến thì mếch lòng vua A-xà-thế, lui thì mếch lòng người Lê-xa, nên Ngài nhập định về lửa để thiêu thân nhập Niết-bàn ở giữa sông. Xá-lợi của Ngài chia làm hai phần, mỗi bên được một nửa đem về xây tháp" (C: 5a, 7-9).

3. Ba-tư-nặc:

"Đi về phía Nam 8 do-tuần, đến thăm Xá-vệ thuộc nước Kosala (Câu-tát-la). Thành này ít dân, chỉ hơn 200 gia đình, ở dưới quyền cai trị của vua Ba-tư-nặc" (C: 3b, 11-12) "Khi Phật lên cung trời Ba mươi ba để giảng pháp cho mẹ trong 90 ngày, vua Ba-Tư-nặc nóng lòng nhớ Phật nên đã cho thợ khắc hình tượng của Ngài bằng gỗ chiên đàn xứ Goshira (Cù-sư la) và đặt tượng trên tòa ngồi của Phật. Về sau khi Phật trở lại tu viện này, pho tượng dời chỗ đi ra đón Phật, nhưng Phật dạy "Xin mời Ngài trở lại chỗ ngồi. Sau khi tôi nhập Niết-bàn, Ngài sẽ làm mẫu cho bốn chúng đệ tử tạc tượng trong tương lai". Khi ấy pho tượng trở về chỗ cũ. Đây là pho tượng Phật đầu tiên được tạc để người sau theo đó làm mẫu. Đức Phật di chuyển đến một ngôi chùa nhỏ khác ở phía Nam cách chỗ pho tượng chừng 20 bước" (C: 3b, 15-17).

4. Tịnh Phạn vương:

"Tại nơi Đức Phật giảng pháp cho chư Thiên, có 4 vua trời đứng cạnh 4 cửa để ngăn vua Tịnh Phạn đi vào" (C: 4b, 1).

"Những ngôi tháp cũng được xây dựng tại chỗ đức Phật trở về thăm vua cha sau khi đắc đạo" (C: 4a, 20).

5. Vua xứ Ràmagràma [Lan-mo]:

"Cách nơi Đức Phật đản sinh 5 do-tuần về phía Đông, có xứ Lan-mo. Quốc Vương xứ này được một phần xá-lợi của Phật, đem về nước xây tháp thờ" (C: 4b, 5-6).

6. Vua Virùdhaka [Lưu Ly].

"Cũng tại đây có một ngôi tháp được xây kỷ niệm nơi vua Lưu Ly đã tàn hại dòng họ Thích Ca, những người này trước khi chết đã chứng quả Dự Lưu" (C: 4b, 1-2).

"Cách thành Xá-vệ 4 dặm về phía Đông Nam là vua Lưu Ly lúc khởi hành đi chinh phạt bộ tộc Thích Ca, đã gặp Phật đứng bên đường" (C: 4a, 14-15).

7. Dòng họ Licchavis [Lê-xa]:

"Từ Câu-thi-na đi về hướng Đông Nam 12 do-tuần, họ đến nơi ngày xưa những người dòng họ Licchavis muốn theo Đức Phật đến chỗ Ngài nhập Niết-bàn. Phật không cho họ đi theo, nhưng vì thương Phật họ không chịu trở về. Ngài bèn hóa ra một cái hố chặn đường khiến họ không thể đi qua, rồi cho họ bình bát của Ngài để làm tin, và bảo họ đi về. Có một trụ đá và bia ký được dựng lên tại nơi này" (C: 4b, 14-15).

"Tại đây - địa điểm Kết tập 2 - họ đi 4 do-tuần về hướng Đông đến chỗ hợp lưu của 5 con sông. A-nan trên đường từ Ma-kiệt-đà đến Tỳ-xá-ly định nhập Niết-bàn. Chư Thiên báo cho vua A-xà-thế xa giá đi theo Tôn giả đến bên bờ sông. Những người Licchavis ở Tỳ-xá-ly nghe A-nan đến cũng ra bờ sông bên kia để đón. Tiến thì sợ A-xà-thế buồn, lui thì mếch lòng người Licchavis nên A-nan đã nhập định về lửa tự đốt thân thể để nhập Niết-bàn khoảng giữa hai quốc gia. Xá-lợi của Ngài được chia hai, mỗi bên nhận nửa phần xá-lợi về xây tháp thờ" (C: 5a, 7-9).

C. Phạm thiên, Đế thích, Tú thiên vương

1. Phạm Thiên:

Người đời sau đã dựng tháp và hình ảnh tại những nơi:

"... Nơi Đức Phật ngồi trên một tảng đá vuông vức dưới cây Nigrodha [Ni-câu-luật], xoay mặt về hướng Đông, khi Phạm Thiên thỉnh Ngài thuyết pháp" (C: 6a, 11).

"Đức Phật từ cõi trời Ba mươi ba xuống đất, hóa hiện một cái thang với a hàng châu báu. Phật xuống hàng giữa làm bằng bảy báu Phạm Thiên xuống thang bằng bạc, cầm quạt lông trắng theo hầu Phật phía bên phải" (C: 3a, 12-13).

2. Đế Thích:

"Từ đây - đô thị Địa Ngục - đi về Đông Nam 9 do-tuần, có một đỉnh núi nhỏ cô đơn, trên có một hang đá. Trong hang này Đức Phật đã ngồi xoay mặt về hướng Nam. Trời Đế Thích [Sakra] phái một nhạc công ở cõi trời xuống thổi sáo cho Phật nghe, và hỏi Đức Phật 42 câu. Phật đã dùng ngón tay đánh dấu mỗi câu hỏi bằng một vạch trên đá. Ngày nay những dấu ấy vẫn còn" (C: 5b, 5-6).

"Đức Thế Tôn từ cõi trời Ba mươi ba xuống đất, hóa hiện một cái thang bằng ba đường châu báu... Trời Đế Thích xuống đường bằng vàng, tay cầm lọng bảy báu theo hầu bên trái Thế Tôn" (C: 3a, 12-13).

"Bảy mươi bước cách cổng Đông tinh xá Kỳ Viên, phía Tây con đường, là nơi Đức Phật ngày xưa đã tranh luận với 96 tà kiến ngoại đạo. Vua quan và dân chúng tụ họp ở đây để nghe tranh luận. Một ngoại đạo nữ tên Cĩncàmànavikà đã độn bụng giả có thai để vu khống Phật. Lúc ấy trời Đế Thích hóa làm con chuột trắng cắn đứt dây độn bụng

làm cho bó vải rơi xuống đất. Khi ấy quả đất nứt ra chôn sống nàng". (C: 4a, 5-8).

"Ngày xưa trời Đế Thích muốn thử Bồ-tát, đã hóa làm một con diều hâu quắp bồ câu và dụ ngài cắt thịt mình để chuộc bồ câu. Sau khi giác ngộ, cùng chúng đệ tử du hành ngang đấy Phật đã kể với họ, đây là nơi ngày xưa Như Lai đã cắt thịt để chuộc tội một con bồ câu" (C: 2a, 34).

3. Tứ Thiên Vương (bốn vua Trời):

"Người đời sau đã dựng những ngôi tháp và tượng... tại nơi bốn vị vua trời đã cúng dường Phật cái bát khất thực" (C: 6a, 11).

"Tại đây, đức Phật thuyết Pháp cho chư Thiên trong khi 4 vua trời đứng cạnh 4 cửa để ngăn vua Tịnh Phạn đi vào" (C: 4b, 1).

D. Ma vương, Kim cương thủ, rắn thần, Long vương Y-bát-la, các rắn rồng và phi nhân khác

1. Ma vương [Màra]:

"Đức Bồ-tát đến trước cây bối-đa trải cỏ cát tường ngồi xoay mặt về phương Đông. Lúc ấy Ma vương ra lệnh cho ba cô gái đẹp từ phía Bắc đến cám dỗ Ngài, còn chính Ma vương thì từ phía Nam đến khiêu khích, Đức Bồ-tát ấn gót xuống đất, đạo quân ma liền bỏ trốn còn ba cô gái hóa thành những bà già" (C: 6a, 8-9).

"Chưa đầy 3 dặm cách đỉnh núi Linh Thứu có một hang đá, tại đây trong khi Tôn giả A-nan thiền định thì Thiên ma Ba-tuần (Màra Pisuna) hóa làm con chim thứu đến trước hang để khủng bố ngài. Đức Phật dùng thần thông duỗi tay xuyên qua đá để vỗ vai A-nan thông duỗi tay

xuyên qua đá để vỗ vai A-nan làm cho nỗi sợ hãi của ngài tan biến" (C: 5b, 11-12).

"Cạnh tháp Buông Cung Gậy, đức Phật bảo A-nan: Ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Bị ma ám, Tôn giả A-nan đã không thỉnh cầu đức Phật ở lại trên đời lâu hơn nữa" (C: 5a, 4-5).

2. Kim Cương Thủ:

"Tháp và chùa được xây tại nơi Kim Cương Thủ [Vajrapàni] đã buông bỏ khí giới" (C: 4b, 13).

3. Rắn thần Mucilinda:

"Người đời sau đã dựng tháp và tượng tại nơi Rắn thần Mucilinda đã quấn quanh đức Phật trong bảy ngày" (C: 6a, 10-11).

4. Long vương Y-bát-la:

"Năm mươi bước phía Nam nơi này - nơi đức Phật đã tiên đoán sự ra đời của Phật Di Lặc tương lai là chỗ Rồng Y-bát-la [Elàpttra] gặp Phật và hỏi: Chừng nào con mới thoát khỏi thân rồng?" (C: 6b, 13-14).

5. Rồng tốt:

"Năm do-tuần về phía Đông nơi Phật đản sanh là xứ Ràmagràma [Lan-mo]. Vua xứ này có một phần xá-lợi của Phật đem về nước xây tháp. Cạnh tháp có một cái ao; trong ao có một con rồng ở canh giữa và lễ tháp ngày đêm. Đến đời vua A-dục, vua muốn phá 8 cái tháp cũ để xây dựng 84.000 tháp mới. Sau khi đã phá 7 cái tháp, vua đến tháp này sắp phá thì Long Vương xuất hiện, đưa vua về cung điện của mình, khoe tất cả những vật thờ cúng tháp và nói, nếu vật cúng của ngài tốt đẹp hơn những thứ này, thì Ngài cứ việc phá cái tháp mà lấy xá-lợi. Vua A-dục biết những thứ ấy không có trên trần gian nên bỏ đi" (C: 4b, 5-8).

6. Rồng xấu và ác quỷ:

"Tảng đá trên đó đức Phật đã phơi áo, nơi Ngài cảm hóa một con rồng dữ, đến nay vẫn còn" (C: 2a, 2).

"Một lần, đức Phật đã đến nơi này - nước Sư Tử - để hàng phục một con rồng dữ. Ngài dùng thần thông đặt một bàn chân ở phía Bắc kinh thành, chân kia trên đỉnh núi; hai dấu chân cách nhau 15 do-tuần" (C: 7a, 16)

"Tám do-tuần về phía Đông nơi này - chùa Ghoshira [Cù-sư-la] thuộc xứ Kausàmbì [Câu-diệm-bì] - là nơi ngày xưa đức Phật đã cải hóa một ác quỷ" (C: 6b, 15).

"Năm mươi do-tuần phía Bắc chùa Rồng có một ngôi chùa tên Agnidagdha nguyên là một ác quỷ đã được Phật cảm hóa" (C: 3b, 3).

E. Vua A-dục

Phật Quốc Ký của Pháp Hiển còn đóng góp thêm cho lịch sử Phật giáo với những chi tiết liên hệ đến hoàng đế A-dục, một số thân quyến của vua, những hoạt động của vua và các trụ đá vua đã dựng.

1. Con trai vua A-dục:

"Từ đây (xứ Suvastu), họ đi về hướng Đông 5 ngày đến xứ Gandhàra, ngày xưa là vương quốc của con trai vua A-dục tên Dharmavivardhana" (C: 2a, 4-5).

2. Em trai A-dục và thành Ba-liên-phất:

"Qua sông Ni-liên về phía Nam 1 do-tuần, họ đến thành Ba-liên-phất phía Nam xứ Ma-kiệt-đà, vương đô của vua A-dục. Cung điện thành này do phi nhân xây. Các bức tường thành bằng đá được phi nhân điêu khắc chạm trổ, ngày nay vẫn còn phế tích. Em vua A-dục đã chứng

quả A-la-hán. Ông thường ở trên núi Linh Thứu độc cư nhàn tịnh, Vua A-dục muốn thỉnh ông về hoàng cung để cúng dường, nhưng vì thích cảnh núi rừng cô tịch, ông từ chối. Vua bảo em: "Nếu em nhận lời mời, anh sẽ cho xây một ngọn núi ở trong kinh thành cho em" Rồi vua cho chuẩn bị thực phẩm, triệu tập thần nhân đến nói: "Xin mời các ngài mai đến dự tiệc, đem theo tòa ngồi". Hôm sau các thần nhân đến, mỗi vị đều mang theo một tảng đá khổng lồ vuông vức 6 bước để ngồi, ngồi xong họ chồng chất các tảng đá ấy thành một ngọn đồi, và xây một cái hang dưới đó với 5 tảng đá vuông, theo yêu cầu của vua A-dục. Cái hang dài 30 bộ, rộng 20 bộ, cao hơn 10 bộ" (5a, 9-13).

3. Đô thành Địa Ngục và vua A-dục:

"Trong một tiền kiếp, vua A-dục làm một bé trai, đang chơi giữa đường thì gặp Phật Thích Ca đi khất thực. Cậu bé vui vẻ vốc một nắm đất dâng cúng Phật. Ngài nhận lấy và rắc lên chỗ Ngài thường đi kinh hành. Do quả báo nghiệp lành này, A-dục tái sinh làm vua Chuyển luân cai trị toàn châu Diêm-phù-đề. Một hôm vua ngồi trên một xe sắt dạo chơi quan sát khắp nước. Vua thấy một Địa ngục giữa hai dãy núi bằng sắt (Thiết Vi), nơi đó những tội nhân đang chịu hình phạt. Vua hỏi các quan đây là nơi gì, họ trả lời đó là nơi Diêm Vương xử phạt các tội nhân Địa ngục. Khi ấy vua nghĩ: Vua của các phi nhân còn có thể xây một Địa ngục để trị tội nhân, sao mình là chúa tể loài Người lại không làm một Địa ngục để trừng phạt kẻ có tội? Vua bèn hỏi đình thần: "Ai là người có thể xây cho ta một Địa ngục để trừng phạt những kẻ làm ác?" Đình thần tâu: "Chỉ có người ác độc nhất mới làm được việc ấy".

Vua sai đình thần đi tìm một người thật độc ác. Họ gặp bên một cái ao một người đàn ông cao lớn vạm vỡ, da đen,

tóc vàng, mắt xanh, đang bắt cá bằng cả hai chân, miệng hô chim thú đến gần rồi bắt giết không chừa con nào. Khi tìm được người này, họ đem đến trước vua. Vua bí mật ra lệnh cho y làm một bức tường cao vây quanh bốn phía, bên trong trồng đủ thứ hoa quả và xây một ao tắm hấp dẫn, trang hoàng tuyệt đẹp để dụ mọi người. "Hãy làm cửa lớn cửa sổ thật chắc chắn. Mỗi khi người nào vào bên trong, ngươi hãy bắt lại, hành hạ tra tấn đủ cách đừng cho thoát. Ngay cả chính ta, nếu vào đấy cũng phải chịu trừng phạt không tha. Bây giờ ta cử người làm chúa ngục". Sau đó, một tỳ-kheo lúc tuần tự khất thực, đã đi vào trong cổng ngục. Chúa ngục trông thấy, toan tra tấn hành hạ. Tỳ-kheo hoảng sợ yêu cầu chờ cho ông kết thúc bữa ngọ trai. Sau đó có, một người khác đi vào, liền bị chúa ngục bỏ vào cối xây giã cho đến khi bọt đỏ sủi lên. Chứng kiến cảnh ấy, vị tỳ-kheo tư duy về tín vô thường của thân xác, về sự đau khổ và trống rỗng của đời người như bọt nước, và liền chứng quả A-la-hán.

Khi bị chúa ngục bỏ vào nồi đồng để luộc, tâm vị tỳ-kheo vẫn an tịnh, nét mặt thanh bình. Lửa bỗng tắt ngấm nước sôi nguội lạnh, và một hoa sen vọt lên với vị tỳ-kheo ngồi trên. Khi ấy chúa ngục đến gọi vua: "Xin Bệ hạ hãy đến mà xem", vua nói: "Ta không dám đến, vì ta đã dặn ngươi trước kia" Chúa ngục nói: "Việc này lạ lắm. Xin Vua đến mau. Chúng ta có thể xóa bỏ hiệp ước cũ". Khi ấy Vua bèn đi vào Địa ngục. Vị tỳ-kheo giảng pháp cho Vua nghe, và nhà vua phát sinh tịnh tín. Ông liền phá Địa ngục, sám hối những việc ác đã qua, tin tưởng tôn trọng Ba Ngôi Báu và từ đấy thường đến cây bối-đa để sám hối và thọ Bát quan trai" (C: 6a, 15-20, 6b, 1-3).

4. Cây Bối-đa và vua A-dục:

"Từ ngày ấy vua A-dục rất tin tưởng tôn kính Ba Ngôi Báu. Ông thường đi đến cây bối-đa để sám hối ác nghiệp và thọ Bát quan trai. Hoàng hậu hỏi đình thần: "Nhà vua thường đi những đâu thế?". Đình thần trả lời: "Vua thường đi đến cây Bối-đa". Hoàng hậu chờ đến lúc vua không đi, sai người chặt cây. Khi vua đến nơi trông thấy liền ngã ra bất tỉnh. Đình thần rưới nước cho vua tỉnh dậy. Vua chồng gạch bốn phía gốc cây tưới bằng trăm gàu sữa, quỳ giữa đất lập nguyên như sau: "Nếu cây này không sống lại, ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ này". Sau khi vua lập nguyện, cây bắt đầu trổ mầm trở lại cho đến khi nó cao lớn như ngày nay gần 100 bộ" (C: 6b, 3-5).

Theo Mahàvamsa XX 3-6, cây Bồ đề bị phá do sự ghen tuông của Dạ-xoa Tishya, người mà vua A-dục đã lập làm thứ phi 4 năm sau. (A-dục và bi ký, trang 60).

5. Thang trời và vua A-dục:

"... Khi đức Phật từ cung trời Ba mươi ba trở xuống, 3 cái thang đã lún xuống lòng đất chỉ còn chừa 7 bực. Sau đó muốn biết chiều dài của cái thang, vua A-dục đã sai người đào xuống thật sâu. Họ đào cho đến suối vàng mà chưa tới được đầu kia của thang. Vua càng tăng thêm niềm kính tin, và dựng một ngôi chùa trên những bực cấp này. Trong chùa dựng một tượng Phật cao 16 bộ trên những bực cấp ở giữa" (C: 3a, 14-15).

6. Xá-lợi của Phật và vua A-dục:

"Vua A-Dục sau khi phá 7 ngôi tháp, đã xây 84.000 tháp mới. Tháp đầu tiên là ngôi đại tháp được xây ở phía nam đô thành cách 300 dặm. Trước tháp có một ngôi chùa thờ

dấu chân Phật, cổng hướng về phía Bắc chỗ có tháp" (C: 5b, 2-3).

"Cạnh ngôi tháp do vua Ramagràma xây có một cái ao, trong ao có một con rồng canh giữ, lễ tháp ngày đêm. Đến đời A-dục, vua muốn phá 8 tháp cũ để xây 84.000 tháp mới. Sau khi đã phá 7 ngôi tháp, ông đến tháp này. Rồng hiện ra đưa vua đến cung điện của mình, chỉ cho vua xem tất cả những vật thờ cúng và bảo vua: "Nếu đồ cúng của vua tốt hơn, thì hãy phá tháp này mà đem xá-lợi đi, tôi sẽ không ngăn cản". Biết rằng những thứ này không có ở nhân gian, vua bỏ đi" (C: 4b, 5-6).

7. Trụ đá của vua A-dục:

Pháp Hiển chỉ ghi lại 6 trụ đá của vua A-Dục. Một trụ đá dựng sau chùa do vua xây ở Sankàsya, tại nơi Đức Phật từ cung trời Ba mươi ba trở xuống đất. Hai trụ đá dựng ở Xá-vệ, trước hai gian phòng tại tinh xá Kỳ Viên. Một trụ đá được dựng ở Tỳ-xá-ly, tại nơi Đức Phật đã cho những người Lê-sa bình bát khất thực của Ngài để làm kỷ niệm, khi Ngài rời Tỳ-Xá-ly du hành đến Câu-thi-na. Hai trụ đá kia được tìm thấy ở Ba-liên-phất, một ở phía Nam tháp A-dục vương, và một tại thành Địa ngục do chính A-dục xây. Ba trụ đá đều có khắc chữ. Trụ đá cạnh tháp A-dục mang dòng chữ: "Vua A-dục đã hiến dâng toàn cõi Diêm-phù-đề cho chư Tăng khắp nước rồi chuộc lại. Và việc này ngài đã làm 3 lần". Trụ đá kia cũng ở thành Ba-liên-phất và cũng có ghi khắc nhưng Pháp Hiển đã không ghi gì thêm, ngoài lý do và ngày tháng xây dựng. Cái tháp thứ ba có bia được dựng tại Tỳ-xá-ly, nhưng Pháp Hiển cũng chỉ nói có một trụ đá và bi ký được dựng tại đấy.

Trong 6 trụ, Pháp Hiển chỉ ghi chiều cao của 3 tháp. Trụ đá ở Sankàsya cao 30 cánh tay (cubits). Trụ đá phía Nam tháp A-dục cao hơn 30 bộ, chu vi 14-15 bộ.

Bốn trụ đều có hình tượng và hoa văn trang hoàng. Trên đỉnh trụ đá bên trái, trước một gian phòng của tinh xá Kỳ Viên, có hình ảnh một bánh xe, còn trụ đá bên phải có hình một con bò. Trụ đá ở Sankàsya có hình ảnh một con sư tử trên đỉnh. Trên bốn cạnh của trụ đá sáng như gương, có chạm trổ những hình tượng Phật. Trụ đá ở thành Địa ngục tại Ba-liên-phất cũng có một con sư tử trên đỉnh.

Trụ đá A-dục kể theo quốc gia:

7a. Tại Sankàsya:

"Sau tu viện, vua A-Dục đã xây một trụ đá cao 30 cánh tay (cubits), trên đỉnh có hình một con sư tử. Bốn bên trụ có hình một tượng Phật. Trụ đá trong ngoài đều trong sáng như gương. Có lần người dị giáo đến thách đấu với các Tỳ-kheo để chiếm chỗ ở. Các Tỳ-kheo bị thua trong cuộc tranh luận nên đã khấn như sau: "Nếu nơi này dành cho Tỳ-kheo ở, thì xin điềm lạ xảy ra". Vừa lập nguyện xong, con sư tử trên đỉnh trụ cất tiếng rống lớn Những người ngoại đạo hoảng sợ bỏ đi" (C: 3a, 15-17).

7b. Tại Xá-vệ:

"Cách cổng Nam 1200 bước, bên ngoài thành, là nơi ngày xưa trưởng giả Cấp Cô độc xây dựng tinh xá. Cổng mở về phía Đông, trước hai gian phòng có dựng hai trụ đá. Trên đỉnh trụ bên trái có hình một bánh xe và trụ bên phải một con bò" (C: 3b, 13-14).

7c. Tại Tỳ-xá-ly:

"Từ chỗ này đi về phía Đông Nam 12 do-tuần, họ đến nơi địa điểm dòng họ Licchavis muốn theo Đức Phật đến chỗ Ngài nhập Niết-bàn nhưng đức Phật không đồng ý, và vì thương Phật họ không bỏ đi. Phật bèn hóa ra một cái hố khiến họ không vượt qua được; rồi Ngài cho họ bình bát khất thực của Ngài để làm tin và bảo họ trở lui. Một trụ đá có bia được xây dựng tại chỗ này" (C: 4b, 14-15).

7d. Tại Ba-liên-phất:

"Về phía Nam ngôi đại tháp thờ xá-lợi của Phật, có một trụ đá chu vi 14-15 bộ, cao hơn 30 bộ. Trên trụ đá có bia ghi: "Vua A-Dục đã dâng hiến Diêm-phù-đề cho chư Tăng bốn phương rồi chuộc lại. Và điều này vua đã làm 3 lần" (C: 5b, 3).

"Phía Bắc ngôi tháp này, cách ba bốn trăm bước, vua A-dục đã cho xây thành Địa ngục. Trong thành có một trụ đá cao hơn 30 bộ, trên đỉnh có hình một con sư tử. Trên trụ đá ghi lý do xây thành Địa ngục và năm, tháng, ngày xây" (C: 3b, 3-4).

F. Ngoại đạo và Phật tử

Từ khi đạo Phật nổi lên, vẫn luôn luôn hiện hữu mâu thuẫn giữa các ngoại đạo và Phật tử. Những cọ xát này đôi khi ngấm ngầm, đôi khi thành những cuộc tranh luận công khai. Pháp Hiển đã ghi lại vài giai thoại về những người ngoại giáo và lối hành xử của họ đối với Phật tử.

Tại Xá-vệ, Pháp Hiển ghi rằng ở Trung Thổ (Ấn Độ) có 96 tà phái ngoại đạo tự hào biết được hiện tại và tương lai. Mỗi phái đều có tín đồ riêng, đi khất thực nhưng không sử dụng bình bát như khất sĩ đạo Phật. Họ cũng làm

những việc thiện, như bên đường thiên lý văng vẻ cung cấp chỗ trú, ẩm thực cho Tăng tục và người đi đường. Nhưng Pháp Hiển thêm rằng mục đích hành thiện của họ không giống như của Phật tử.

Pháp Hiển không nói rõ nhưng nơi nào tà giáo thịnh hành. Chỉ tại đảo Yava, ngài ghi rằng Bà-la-môn giáo thịnh hành nhưng không có nhiều Phật tử. Ở xứ Daksinà, ngài kể có một ngôi làng cách đồi khá xa, ở đấy tất cả cư dân đều hoặc là Tỳ-kheo hoặc là người Bà-la-môn; những người này có tà kiến không tin Phật hoặc theo các đạo khác.

Chính Pháp Hiển cũng suýt trở thành nạn nhân cuộc tranh chấp giữa các Phật tử và ngoại đạo. Khi Ngài đi tàu buồm từ đảo Yava về Trung Quốc, vào giai đoạn chót của cuộc hành trình, con tàu ngài đi chở 200 hành bị bão tố suýt chìm. Ngày hôm sau những người Bà-la-môn cùng đi trên tàu họp nhau quyết định bỏ Pháp Hiển lên bờ, lấy cớ vì có thầy tu Phật giáo mà tàu bị bão. Nhưng người bảo trợ (thí chủ) của Pháp Hiển phản đối, nói rằng nếu thả Pháp Hiển lên bờ, thì thà giết ông hoặc thả ông xuống chung với ngài. Ông còn hăm dọa sẽ về tâu trình sự việc lên hoàng đế Trung Quốc, một người theo đạo Phật giáo, chắc chắn sẽ không tha kẻ nào làm hại đến một tỳ-kheo. Nhờ vậy những người Bà-la-môn không dám thi hành quỷ kế và Pháp Hiển được cứu thoát.

Pháp Hiển thường kể những câu chuyện liên hệ đến thời Phật để chứng tỏ ngoại đạo luôn muốn vu khống, giết hại Phật, hoặc gây rắc rối cho đoàn thể Tăng già.

Tại Xá-vệ, Pháp Hiển kể câu chuyện về hai âm mưu phỉ báng Phật bằng cách vu khống. Trong tinh xá Kỳ Hoàn. "Đây là nơi ngoại đạo nữ Tôn-đà-lợi tự sát thân để vu cáo

Phật" (C: 4a, 5). "Cũng ở Xá-vệ, 70 bước về phía Bắc cổng Đông tinh xá Kỳ Viên, phía Tây con đường, là nơi 96 luận sư ngoại đạo đã tranh luận với Phật. Vua quan cư sĩ tụ lại để nghe cuộc tranh luận. Một ngoại đạo nữ tên Cinca-mànavikà độn bụng giả bộ có thai để vu cáo Phật. Khi ấy trời Đế Thích hóa làm con chuột trắng cắt dây cho bó vải độn rớt xuống, làm âm mưu của nàng bại lộ. Đất liền nứt ra để chôn sống nàng.

[Ngài Huyền Trang kể rằng có một người Bà-la-môn nữ ganh ghét danh tiếng của Phật, âm mưu phá hoại để một mình thầy của bà ta nổi tiếng. Bà cột một mảnh gỗ vào bụng, đi đến tinh xá Kỳ Viên và ở giữa chúng hội, bà đã lớn tiếng vu khống đức Phật có tư thông với bà, bây giờ bà đang có thai. Cũng có người ngoại đạo tin lời bà, nhưng có những người dè dặt chưa tin. Khi ấy Đế Thích hóa làm con chuột trắng cắn đứt dây buộc làm cho miếng gỗ rơi xuống đất kêu cái rầm. Thế là sự vu khống của bà đã được xác chứng, và bà đã bị rơi xuống địa ngục" (T.H.T trang 265).]

Pháp Hiển còn kể nhiều chuyện khác về âm mưu của ngoại đạo đối với Phật giáo; nhưng lần nào cũng bị hỏng do sự can thiệp của những phép lạ.

Tại Sankàsya, ở ngôi chùa dựng tại địa điểm đức Phật từ cung trời Ba mươi ba xuống đất bấy giờ có một số tỳ-kheo đang cư trú. Một hôm, luân sư ngoại đạo đến thách đấu để tranh giành chỗ ở. Những tỳ-kheo bị thua cuộc tranh luận, đã cầu xảy ra một phép lạ để chứng tỏ họ được quyền ở đấy. Khi họ cầu nguyện xong, con sử tử trên đỉnh trụ đá do vua A-dục xây bỗng rống lên ầm ĩ, làm cho các luận sư ngoại đạo kinh hãi bỏ đi.

Ở Đại quốc Vaisàkha, ngoài cổng Nam, phía Đông con đường, là nơi Đức Phật đã cắm xuống một cái tăm xỉa răng

bằng cành dương. Nó lớn lên thành một cây cao 7 tấc và vẫn giữ chiều cao ấy. Những Bà-la-môn ngoại đạo vì ganh tị thường cắt bỏ nó, nhổ gốc rễ ném đi chỗ khác, nhưng một cây dương khác lại mọc lên chỗ cũ.

Tại thành Xá-vệ, có những ngôi tháp được dựng lên di tích tu viện của bà Đại Ái Đạo, trên nhà cũ của ông Cấp Cô Độc và tại những nơi Angulimàla chứng quả A-la-hán và hỏa thiêu. Ngoại đạo Bà-la-môn ganh ghét muốn phá những tháp này, nhưng trời nổi sấm chớp phá hỏng âm mưu xấu xa của họ.

Cũng ở Xá-vệ, "tại nơi diễn ra các cuộc tranh luận với ngoại đạo, có một tu viện cao 60 bộ được dựng lên với một tượng Phật ngồi trong đó. Phía Đông con đường chỉ có một ngôi đền thờ các thần tà giáo và có tên là Đền Thờ Bị Che Bóng. Ngôi đền này cũng cao 60 bộ, được dựng phía bên kia đường, đối diện với tu viện dựng tại chỗ kỷ niệm cuộc tranh luận. Ngôi đền này được đặt tên như vậy vì khi mặt trời ở về phía Tây thì bóng của chùa Phật rơi trên ngôi đền thờ Thần. Khi mặt trời ở phía Đông thì bóng của đền thờ Thần lại rơi về phía Bắc chứ không thể nào che được chùa thờ Phật.

"Tín dồ tà giáo thường xuyên phái người đến chăm sóc ngôi đền thờ Thần, quét dọn, rưới nước, đốt hương thắp đèn và dâng đồ cúng. Nhưng sáng hôm sau tất cả những ngọn đèn của họ đều được tìm thấy trong chùa thờ Phật". Những người Bà-la-Môn tức giận bảo: "Sa-môn trọc đầu đã cuỗm đèn của ta để đem về chùa! Họ luôn luôn làm như thế". Rồi họ thay phiên nhau canh chừng ban đêm. Họ thấy các vị Thần đem đèn đi nhiễu quanh chùa Phật 3 lần, dâng cúng Phật rồi biến mất. Nhân đấy Bà-la-môn nhận ra đức Phật cao hơn Thần của họ. Họ bèn từ bỏ gia

đình xin gia nhập Tăng đoàn. Người ta bảo, biến cố này chỉ mới xảy ra không lâu" (C: 4a, 8-12).

Tại Vương Xá, Pháp Hiển nói đến địa điểm người Ni-kiền Từ dã đào hố lửa và dọn cơm độc để ám sát Phật, nhưng bị thất bại.

[Huyền Trang kể đầy đủ âm mưu ám sát đức Phật. Bị những người ngoại đạo xúi giục, Srigupta muốn giết Phật, ngụy trang một cái hố đầy lửa giữa nhà và sửa soạn bữa cơm chứa đầy thuốc độc. Dân chúng biết âm mưu đó. Khi Phật bước qua ngưỡng cửa nhà Srigupta, hố lửa bỗng hóa thành ao nước mát mẻ đầy những hoa sen nổi trên mặt. Rồi đức Phật cứ dùng cơm độc, xong rồi thuyết Pháp. Chất độc vẫn không ảnh hưởng gì đến Ngài. Khi thấy những phép lạ ấy, Srigupta hổ thẹn, và sau khi nghe bài Pháp đã trở thành đệ tử của Phật (T.H.T trang 371)].

Nhưng không phải vì tất cả những sự cố này mà ta bảo rằng mọi người Bà-la-môn giáo đều là kẻ thù của Phật tử. Một số người Bà-la-môn đã ủng hộ Phật giáo và cương quyết chống lại sự xâm phạm của những Bà-la-môn khác đối với Phật giáo. Như ở thành Ba-liên-phất có một Bà-la-môn tên là Radhasvàmi. Ông là một người theo Đại thừa giáo, 50 tuổi, được vua và dân chúng kính nể. Nhờ có ông ở trong thành Ba-liên-phất mà Phật giáo được truyền bá rộng rãi và những người ngoại đạo không thể nào thắng lướt Phật tử. Những người Bà-la-môn ở Ba-liên-phất dường như lại còn tham gia những hoạt động Phật giáo, như lễ rước tượng Phật. Điều này chứng tỏ rằng có một sự hợp tác giữa Phật tử và người Bà-la-môn vào thời Pháp Hiển thăm viếng, và không phải rằng tất cả những người Bà-la-môn đều thù nghịch với Phật giáo.

G. Những hội nghị kết tập kinh điển

Trong tập ký sự của Pháp Hiển, Ngài cũng ghi lại hai kỳ kết tập kinh điển. Mặc dù vắn tắt, những tường thuật ngài có vẻ chính xác hơn Huyền Trang rất nhiều.

1. Kỳ kết tập thứ nhất:

"Về hướng Tây [Trúc Lâm tinh xá], cách năm sáu dặm, phía Bắc ngọn đồi rợp bóng có hang Thất Diệp [Sapta-parna]. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, 500 vị La-hán đã làm một cuộc kết tập kinh điển. Vào thời tụng đọc, có 3 pháp tòa được dựng lên, trang hoàng đẹp đẽ. Xá-lợi-phất ngồi tòa bên trái, Mục-kiền-liên bên phải. Trong 500 vị La-hán thiếu mất một vị. Tôn giả Đại-Ca-diếp chủ tọa hội nghị trong khi Tôn giả A-nan đứng ngoài hành lang, không được thâu nhận" (C: 5b, 18-19).

[Ngài Huyền Trang tả hội nghị Kết tập chi tiết hơn và đầy những phép lạ. Ngài ghi rằng, cách 5, 6 dặm về phía Tây Bắc Rừng Trúc, phía Bắc của Nam Sơn, có một rừng tre, ở giữa có một ngôi nhà lớn bằng đá; tại đây lần đầu tiên Tôn giả Ca-diếp triệu tập 999 vị La-hán để kết tập kinh điển. Ngài còn nói đến sự việc vua A-xà-thế xây một nhà lớn để làm chỗ cư trú cho chư Tăng. Pháp Hiển chỉ nói 500 La-hán trong khi Huyền Trang nói 1000 vị kể cả A-nan. Huyền Trang bỏ sự hiện diện của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, chỉ nói A-nan tụng đọc kinh tạng, Ưu-ba-ly tụng đọc luật tạng và Đại Ca-diếp tụng A-tỳ-đàm tạng. Huyền Trang nói đến một hội nghị Kết tập phản đối hội nghị này, tên là Đại chúng bộ, do những người bị Ca-diếp không cho vào họp, số lượng lên đến một trăm ngàn người. Hội nghị này kết tập 5 Tạng, gồm 3 Tạng trên cộng thêm Tiểu bộ Nykàya và Minh chú hay Đà-la-ni – (T.H.T trang 371)].

2. Kết tập kỳ hai:

"Cách 3-4 dặm xa hơn nữa về phía Đông có một ngôi tháp. Sau Phật Niết-bàn 100 năm một số tỳ-kheo ở thành Tỳ-xá-ly làm 10 điều phi pháp ngược lại giới luật Tăng già, lại cho rằng chính đức Phật đã cho phép những hành vi ấy. Bấy giờ những vị A-la-hán và những tỳ-kheo trì luật gồm 700 vị tất cả, khởi sự kết tập Luật tạng. Người đời sau dựng một cái tháp tại chỗ này hiện nay vẫn còn" (C: 5a, 5-7).

Phần IV

NHỮNG TƯ LIỆU ĐỊA HÌNH TRONG PHẬT QUỐC KÝ CỦA PHÁP HIỂN

Pháp Hiển không quan tâm gì khác ngoài ra để ý tín ngưỡng Phật giáo được thực hành như thế nào tại những xứ sở ngài đã viếng thăm. Bởi thế ta không lấy làm lạ khi ký sự của ngài không ghi nhiều dữ kiện liên hệ đến địa hình và dân tộc học như ta tìm thấy trong ký sự của Huyền Trang. Tuy thế sự đóng góp của ngài về lãnh vực này cũng đáng kể, vì nó gợi cảm hứng cho Huyền Trang về sau để có những tường thuật kỳ diệu trong ký sự của ngài. Mặc dù không hoàn toàn chính xác, tài liệu của Pháp Hiển cũng cho ta một bức tranh khá rõ về một số quốc gia ngài đã đi qua: khía cạnh địa hình, cư dân, khí hậu và rau cỏ.

I - Khía cạnh địa hình

1. Đôn Hoàng:

"Họ đi đến Đôn Hoàng ở đấy có những thành lũy dài khoảng 80 dặm từ Đông sang Tây, 40 dặm Bắc Nam" (C: 7a, 5).

"Trong sa mạc này có nhiều ác ma và gió nóng, gặp phải thì không ai toàn mạng. Trên trời không có chim bay, dưới đất không có thú chạy. Sa mạc trải dài vô tận; muốn vượt qua không biết lấy gì làm dấu ngoại trừ những bộ xương người đã chết trên đường" (C: 1a, 6-7).

2. Xứ Thiện Thiện:

"Đất này gồ ghề không có rau cỏ" (C: 1a, 8).

3. Xứ Cao Xương:

"Xứ này ở giữa dãy núi Tuyết" (C: 1b, 10-11).

4. Dãy Núi Tuyết (Pamirs)

"Họ đi về Tây Nam rặng Núi Tuyết trong 15 ngày. Đường đi rất hiểm nguy, viền quanh toàn vực thẳm. Những rặng núi giống như những bức tường đá dựng có hàng ngàn đỉnh nhọn, nhìn đến hoa cả mắt. Bước thêm một bước là người ta sẽ rớt xuống vực vì không có chỗ nào để đặt chân bám. Bên dưới có con sông tên gọi là Indus. Người trước đã đẽo một con đường đi trong đá, trông giống như một bực thang có 700 cấp. Sau khi qua hết những bực cấp này, họ đi qua sông bằng một cái cầu dây. Khoảng cách giữa hai bờ sông chừng 80 bước. Sử chép rằng ngay cả hai sứ thần Trung Quốc ngày xưa cũng không đi xa đến mức ấy (C: 1b, 15-16).

5. Ô trường [Udyàna]:

"Đây là vùng đất xa nhất về phía Bắc Ấn" (C: 1b, 19-20).

6. Kiền-đà-vệ [Gandhàra]:

"Sau khi đi về phía Đông 5 ngày, họ đến quốc gia Gandhara, ngày xưa là vương đô của con trai vua A-dục" (C: 2a, 4-5).

7. Xứ Uchcha:

"Từ đây - xứ Harana - họ đi về phía Đông 3 ngày, và lại qua sông Indus [Ấn hà] nơi hai bờ ngang nhau" (C: 2b, 12).

8. Phía Nam Trung Thổ (Ấn Độ):

"Sau khi qua sông Indus thì đến phía Nam Diêm-phù-đề và cho đến biển nam hải cách đó 40.000 - 50.000 dặm, đất toàn bằng phẳng, không có núi lớn và thung lũng, chỉ có sông lớn sông nhỏ" (C: 3a, 7-8).

9. Thành Kànyakubja:

"Thành này ở trên bờ sông Hằng" (C: 3b, 8).

10. Thành Ba-liên-phất:

"Sau khi qua sông đi về phía Nam một do-tuần họ đến thành Ba-liên-phất phía Nam Ma-kiệt-đà. Ba-liên-phất là đô thị dưới quyền cai trị của vua A-dục ngày xưa. Trong thành này vua đã ra lệnh cho phi nhân xây cung điện và chồng chất những tảng đá làm tường. Những chạm trổ điêu khắc đều không thuộc thế gian này. Phế tích những nơi ấy đến nay vẫn còn" (C: 5a, 9-11).

"Trong toàn thể Ấn Độ, thành Ba-liên-phất này lớn nhất" (C: 5a, 17).

11. Đô thành cũ của vua Bình-sa:

"Sau khi rời thành Vương Xá mới, đi về hướng Nam 4 dặm, họ vào trong một thung lũng có 5 ngọn đồi vây quanh như thành lũy. Đây là thành cũ của vua Bình-sa. Thành dài từ Đông sang Tây 5-6 dặm, Nam-Bắc 5-8 dặm" (C: 5b, 8-9)

12. Đại quốc Champà:

"Xuôi dòng sông Hằng đi về hướng Đông 18 do-tuần, họ đến đại quốc Champà ở về phía bờ Nam" (C: 7a, 9-10).

13. Tàmralipti:

"Từ đây đi về hướng Đông chừng 50 do-tuần, họ đến nước Tàmralipti nằm trên bờ biển' (C: 7a, 11).

14. Nước Sư Tử:

"Họ đi thuyền 14 ngày đêm đến nước Sư Tử. Theo người địa phương, khoảng cách chừng 700 do-tuần. Nước này nằm trên một đảo lớn Đông-Tây 50 do-tuần, Nam-Bắc 30 do-tuần. Hai bên phải trái có khoảng 100 hòn đảo nhỏ cách nhau 10, 20 hoặc 200 dặm. Tất cả những đảo này đều tùy thuộc vào đảo lớn. Có một vùng vuông vức 10 dặm

sản xuất ngọc ma-ni. Quốc vương đặt người canh gác vùng này và đánh thuế 3/10 những châu ngọc kiếm được" (C: 7a, 12-14).

II. Dân cư

1. Xứ Thiện Thiện:

"Dân cư ở đây mặc y phục hơi giống người Hán, chỉ khác là dùng vải làm bằng dạ".

(C: 1a,8) "Cư sĩ và Tăng già đều tuân theo những tập quán phong tục thực hành ở Diêm-phù-đề [Jambudvìpa], một số người tuân hành chặt chẽ, một số không chặt chẽ. Tình trạng tương tự thịnh hành khắp các nước mà họ đã đi qua trên đường tiến về phía Tây. Chỉ có ngôn ngữ các xứ này là không giống nhau. Nhưng những người có đạo thì học sách Ấn Độ và nói ngôn ngữ Ấn Độ (Diêm-phù-đề)" (C: 1a, 8-9).

2. Xứ Agni [Ô-di]:

"Người nước Ô-di không tuân giữ phép lịch sự và chỉ đãi khách qua loa" (C: 1a, 11)

"Vì suốt lộ trình không có cư dân nên cuộc hành trình hết sức gian khổ. Những vất vả trên đường vượt qua dãi đất này thật không bút nào tả xiết" (C: 1a, 12).

3. Xứ Vu Điền [Khotan].

"Nước này rất giàu có hạnh phúc. Cư dân có đời sống thịnh vượng và đều là những tín đồ Phật giáo. Họ sung sướng thực hành Pháp".

4. Xứ Cao Xương [Khaloha]:

"Về phía Đông dãy núi, cư dân mặc một thứ vải thô như ở Trung Quốc, nhưng nỉ dạ của họ thì khác" (C: 1b, 10).

5. Dãy Tuyết Sơn [Parmirs]:

"Cư dân đất này được gọi là người Núi Tuyết" (C: 1b, 12).

6. Xứ Udyàna [Ô-trường]:

"Xứ này là vùng đất xa nhất về phía Bắc của Diêm phù-đề. Tất cả mọi người đều nói ngôn ngữ của Diêm-phù-đề gọi là Kinh đô Trung Thổ. Y phục và thực phẩm cũng giống như Trung Thổ" (C: 1b, 19-20).

7. Trung Thổ:

"Dân chúng giàu có hạnh phúc, không bị gánh nặng của thuế má và quan lại. Chỉ những người cày đất của vua mới phải nộp thuế. Họ muốn đi đâu ở đâu tùy ý. Quốc vương cai trị không cần dùng đến tra tấn và tử hình. Những người có tội chỉ phải phạt vạ bằng tiền, nhiều ít tùy theo tội nặng nhẹ. Những kẻ âm mưu chống lại triều đình chỉ có bị chặt tay phải. Những người hầu cận vua được lương bổng và tiền hưu trí. Dân xứ này chừa bỏ sát sanh, uống rượu và ăn hành tỏi. Chỉ có những người làm nghề ác được gọi là Chiên-đà-la [Candàla] thì sống cách biệt mọi người. Mỗi khi bước vào thành thị, họ gõ một mảnh gỗ để báo trước sự hiện diện của họ cho người khác biết để tránh. Trong xứ này không ai nuôi heo gà, cũng không buôn bán sinh vật. Không có những người đồ tể hay người bán rượu trong các chợ búa. Trong giao dịch thương mại họ dùng vỏ ốc làm tiền. Chỉ có những người Chiên-đà-la làm nghề săn bắn chài lưới mới bán thịt cá" (2b, 16-20).

8. Xứ Tăng-già-thi [Sankàsya]:

"Xứ này phì nhiêu, dân cư đông đúc thịnh vượng và hạnh phúc vô song. Khách từ phương xa đến đều được chào đón, cung cấp đủ thứ cần dùng" (C: 3b, 2).

9. Xứ Ca-tỳ-la-vệ:

"Xứ này trống rỗng hoang tàn, rất ít dân cư. Đường xá mất an ninh vì có nhiều voi trắng và sư tử. Người ta không thể du hành nếu không đề phòng cẩn thận" (C: 4b, 5)

10. Thành Xá-vệ:

"Trong thành này dân không đông lắm chỉ có khoảng 200 gia đình" (C: 3b, 11-12).

11. Thành Câu-thi-na:

"Thành này cũng rất ít dân, chỉ có một số Tăng và cư sĩ" (C: 1b, 14).

12. Thành Ba-liên-phất:

"Dân chúng giàu có thịnh vượng và tranh nhau làm các công đức... Niên trưởng và cư sĩ trong xứ này đã xây dựng những bệnh viện thí trong thành. Người nghèo, cô nhi, tàn tật, ốm đau đều đến những cơ sở từ thiện này, được cung cấp những thứ cần dùng, có y sĩ săn sóc, cho thực phẩm và dược phẩm thích hợp để phục hồi sức khoẻ. Khi lành mạnh họ tự động rời khỏi nơi này" (C: 5b, 1-2).

13. Thành Vương Xá mới:

"Thành này trống rỗng hoang phế, không có cư dân" (C: 2a...)

14. Đô thành Gaya:

"Thành này cũng hoang tàn vắng vẻ" (C: 6a, 2).

15. Xứ Dakrinà:

"Đất này trơ trụi hoang vu không người ở" (C: 6b, 20).

16. Xứ Sư tử:

"Ngày trước tại xứ này không có dân cư, chỉ có phi nhân và rồng cư trú. Những thương gia từ các xứ khác đến buôn bán. Lúc giao dịch, phi nhân không xuất hiện, chỉ bày ra kho báu và đề giá cả, người buôn trả đủ số rồi đem hàng đi. Vì các thương gia thường lui tới nơi này, người các xứ nghe nói cũng đến và cuối cùng một vương quốc lớn được thiết lập" (C: 7a, 14-15).

III. Khí hậu và thảo mộc

1. Xứ Thiện Thiện.

"Đất ở đây gồ ghề không có thảo mộc" (C: 7a, 8).

2. Trung thổ - Ấn Độ:

"Khí hậu ở Trung Thổ điều hòa, không có sương tuyết" (C: 2b, 16).

3. Xứ Cao Xương:

"Xứ này có nhiều núi và thời tiết rất lạnh, ngũ cốc không mọc được trừ lúa mạch. Sau khi chư Tăng đã thọ tuế (sau an cư mùa mưa) thời tiết thường trở lạnh giá. Bởi thế Quốc vương yêu cầu chư Tăng thọ tuế sau mùa lúa". "... Xứ này ở giữa rặng núi Tuyết. Từ đây trở đi, cây trái đều khác. Trừ tre, mía, những cây cối và trái ở đây đều khác Trung Quốc" (C: 1b, 8-11).

4. Núi Tuyết:

"Trong dãy Núi Tuyết, luôn luôn có tuyết về mùa đông cũng như mùa hè. Lại có những con rồng độc mỗi khi phật ý thì phun gió độc, mưa tuyết và bão cát. Trong vạn người

không có một người nào toàn mạng khi vượt qua núi này" (C: 1b, 11).

5. Núi Tuyết Nhỏ (Tiểu Hy-mã-lạp sơn):

"Sau khi ở lại Nagarahàra ba tháng mùa đông, Pháp Hiển cùng hai bạn đồng hành đi về hướng Nam vượt qua dãy Núi Tuyết Nhỏ. Núi này cũng phủ tuyết cả mùa đông lẫn mùa hè" (C: 2b, 9).

6. Xứ Tăng-già-thi [Sankàsya]:

"Xứ này giàu có phì nhiêu" (C: 3b, 2).

7. Xứ Sư Tử:

"Xứ này khí hậu điều hòa, mùa đông mùa hè không khác, quanh năm cây cối xanh tốt; muốn cày ruộng lúc nào cũng được không định mùa" (C: 7a, 15-16)

– Hết –

Pháp thí thắng mọi thí

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

Phiên bản tháng 12-2024

SÁCH ẤN TỐNG
KHÔNG BÁN

Sách này viết về Cao Tăng Pháp Hiển, một nhà chiêm bái nổi tiếng khác của Trung Quốc. Ngài đã du hành đến Ấn Độ và Tích Lan vào đầu thế kỷ thứ năm sau Tây lịch, và đã để lại một ký sự về cuộc chiêm bái của mình. Qua ký sự của ngài, chúng ta được biết những đặc điểm địa hình, nhân văn, khí hậu, cây cối ở một số quốc gia. Nhưng đóng góp cao quý nhất của Pháp Hiển là bức tranh ngài đã để lại về sinh hoạt Tăng đoàn ở Ấn Độ và Tích Lan vào thời đó. Chẳng những ta biết được rằng chư Tăng tuân giữ giới luật đức Phật chế rất nghiêm minh, mà còn biết rằng họ được sự cung kính cúng dường rất trọng hậu của các vua chúa và thường dân cư sĩ.

– Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

SÁCH ẤN TỐNG
KHÔNG BÁN